

PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN

Tóm tắt các từ viết tắt:

Ban TGD	Ban Tổng giám đốc
BKS	Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CCP	Giàn nén trung tâm
CNG	Khí thiên nhiên nén
GPP	Nhà máy Xử lý khí
HĐQT	Hội đồng Quản trị
LNG	Khí thiên nhiên hóa lỏng
LPG	Khí dầu mỏ hóa lỏng
NSNN	Ngân sách nhà nước
PV GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TSNH	Tài sản ngắn hạn
TSDH	Tài sản dài hạn
VCSH	Vốn chủ sở hữu



PV GAS

Báo cáo thường niên 2018



Tên giao dịch:

Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

3500102710

Vốn điều lệ:

19.139.500.000.000 đồng

(Mười chín ngàn, một trăm ba mươi chín tỷ, năm trăm triệu đồng)

Địa chỉ:

Tòa nhà PV GAS TOWER, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (028) 3781 6777

Số Fax: (028) 37815666 - 37815777

E-mail: pvgas@pvgas.com.vn

Website: www.pvgas.com.vn

Mã cổ phiếu: GAS

THÔNG TIN CHUNG

Tầm nhìn, sứ mệnh	06-07
Lịch sử hình thành	06-07
Thông điệp	08-11
Tổng quan các lĩnh vực	14-15
Sơ đồ tổ chức	16-17

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Mô hình kinh doanh	30-31
Chuỗi giá trị bền vững	30-31
Chiến lược phát triển	30-31

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGD & HĐQT

Báo cáo của Ban TGD	34-47
Báo cáo của HĐQT	48-51

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT	54-57
Báo cáo tình hình hoạt động của BKT	58-61

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển nguồn nhân lực	64-65
Thực hiện trách nhiệm xã hội	66
Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động	67

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc.	73
Báo cáo Kiểm toán độc lập.	74
Bảng cân đối kế toán hợp nhất.	75-76
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	77
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.	79
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.	80-109

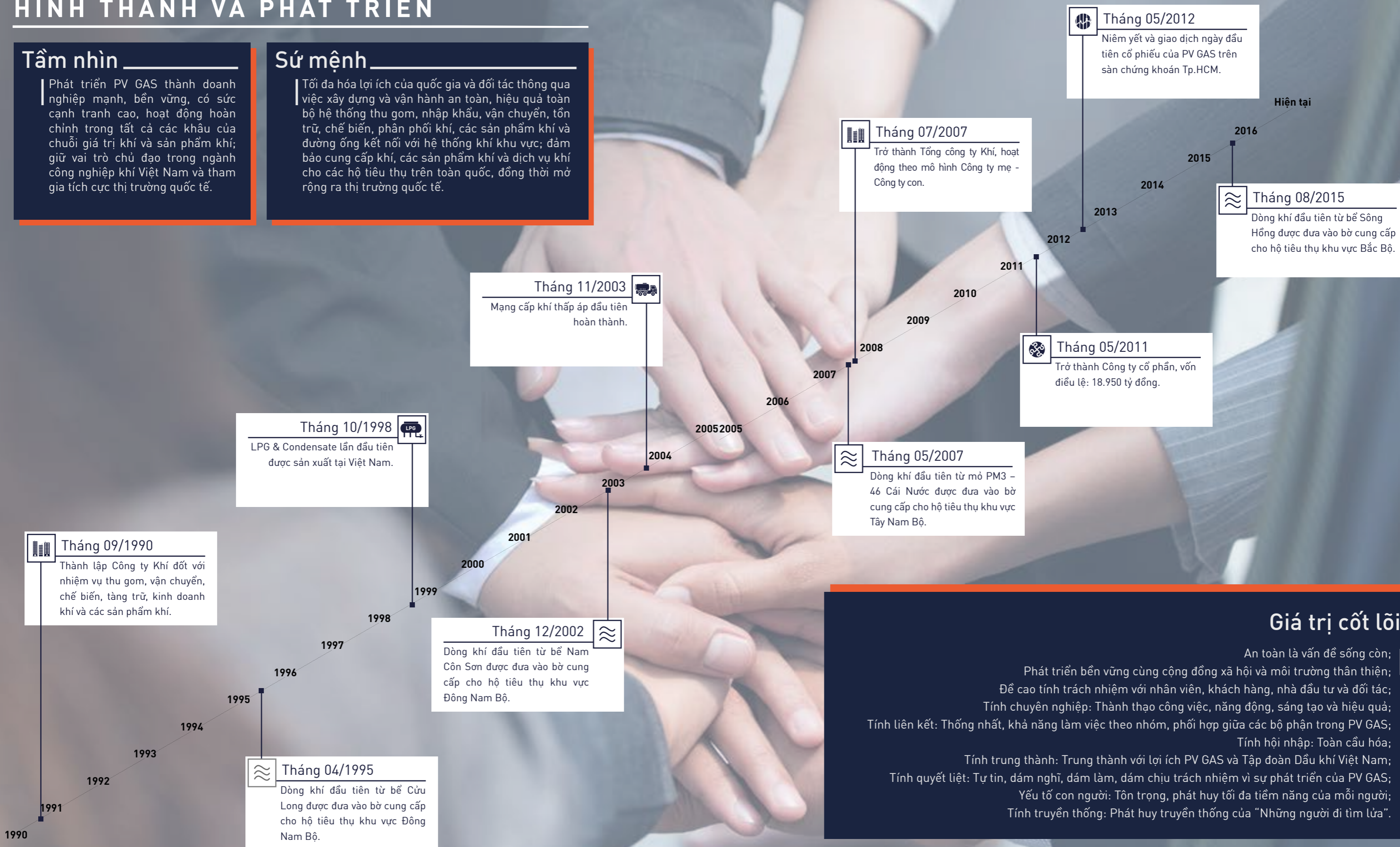
28 năm HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tầm nhìn

Phát triển PV GAS thành doanh nghiệp mạnh, bền vững, có sức cạnh tranh cao, hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị khí và sản phẩm khí; giữ vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp khí Việt Nam và tham gia tích cực thị trường quốc tế.

Sứ mệnh

Tối đa hóa lợi ích của quốc gia và đối tác thông qua việc xây dựng và vận hành an toàn, hiệu quả toàn bộ hệ thống thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tồn trữ, chế biến, phân phối khí, các sản phẩm khí và đường ống kết nối với hệ thống khí khu vực; đảm bảo cung cấp khí, các sản phẩm khí và dịch vụ khí cho các hộ tiêu thụ trên toàn quốc, đồng thời mở rộng ra thị trường quốc tế.



Giá trị cốt lõi

An toàn là vấn đề sống còn;
Phát triển bền vững cùng cộng đồng xã hội và môi trường thân thiện;
Đề cao tính trách nhiệm với nhân viên, khách hàng, nhà đầu tư và đối tác;
Tính chuyên nghiệp: Thành thạo công việc, năng động, sáng tạo và hiệu quả;
Tính liên kết: Thống nhất, khả năng làm việc theo nhóm, phối hợp giữa các bộ phận trong PV GAS;
Tính hội nhập: Toàn cầu hóa;
Tính trung thành: Trung thành với lợi ích PV GAS và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
Tính quyết liệt: Tự tin, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của PV GAS;
Yếu tố con người: Tôn trọng, phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người;
Tính truyền thống: Phát huy truyền thống của "Những người đi tìm lửa".



Ông DƯƠNG MẠNH SƠN
Tổng giám đốc

Ông NGUYỄN SINH KHANG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tổng công ty Khí Việt Nam

Thông điệp của Chủ tịch và Tổng giám đốc

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2018 qua đi trong bối cảnh tình hình quốc tế có nhiều biến động như căng thẳng thương mại giữa các cường quốc, biến động lớn của giá dầu và các thị trường chứng khoán khiến Việt Nam cũng chịu một phần tác động không nhỏ. Riêng ngành khí cũng phải tiếp tục đối mặt với những khó khăn, đặc biệt là sự sụt giảm sản lượng của các mỏ khí đang khai thác; một số dự án trong quá trình xem xét có nhiều vướng mắc cần xử lý, thời gian phê duyệt kéo dài so với kế hoạch, dẫn đến khi phê duyệt tiến độ thường rất sát hoặc không còn phù hợp. Tất cả những yếu tố đó đã tạo áp lực không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS.

Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực vượt qua trở ngại, PV GAS đã có một năm gặt hái được những thành quả đáng ghi nhận: Vận hành an toàn và liên tục hệ thống khí, không để xảy ra sự cố đáng tiếc nào ảnh hưởng đến con người và uy tín của PV GAS; hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng từ 05-53% (sản xuất và cung cấp gần 9,7 tỷ m³ khí, trên 1,7 triệu tấn LPG, trên 96 ngàn tấn Condensate), trong đó chỉ tiêu sản lượng LPG và Condensate về đích trước kế hoạch từ 02-03 tháng; các chỉ tiêu tài chính hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 38-85% (tổng doanh thu 75.976 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 14.540 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 11.709 tỷ đồng), về đích trước kế hoạch 02-03 tháng và tăng từ 16-18% so với năm 2017, đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (5.572 tỷ đồng).



05-53%

Hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng

Cung cấp gần 9,7 tỷ m³ khí
Cung cấp trên 1,7 triệu tấn LPG
Cung cấp trên 96 ngàn tấn Condensate



38-85%

Các chỉ tiêu tài chính hoàn thành vượt mức kế hoạch

Tổng doanh thu:	75.976 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế:	14.540 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế:	11.709 tỷ đồng



16-18%

Tài chính tăng so với năm 2017

Đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (5.572 tỷ đồng)

Trong năm 2018, PV GAS cũng đã hoàn thành đầu tư, đưa dự án nâng cao hiệu suất thu hồi LPG tại Dinh Cố vào hoạt động, góp phần gia tăng giá trị khí; tổ chức khánh thành và chính thức đưa GPP Cà Mau vào hoạt động, góp phần gia tăng giá trị khí từ nguồn PM3; đưa vào sử dụng bộ nhận diện thương hiệu mới.

Trong năm 2018, PV GAS cũng đã hoàn thành đầu tư nhiều dự án, góp phần gia tăng giá trị khí

Với những kết quả trên, PV GAS tiếp tục duy trì thuộc Top đầu các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có các chỉ số tài chính tốt: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu đạt 26%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ đạt 64%, nợ phải trả/tổng tài sản 27%; đóng góp khoảng 22% doanh thu và 28% lợi nhuận toàn Tập đoàn; cung cấp khí ổn định để sản xuất gần 30% sản lượng điện, gần 70% nhu cầu đạm, đáp ứng gần 60% thị phần LPG cả nước.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu đạt 26%

PV GAS liên tiếp lần thứ 06 được Forbes trao Chứng nhận Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam; Nikkei Asian Review công bố tiếp tục là một trong 05 đại diện của Việt Nam có mặt trong danh sách 300 doanh nghiệp năng động nhất châu Á trong năm tài chính 2017; Tổng cục Thuế xác nhận PV GAS đứng vị trí thứ 03 trong 1.000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất của nền kinh tế Việt Nam; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Báo Diễn đàn Doanh nghiệp và Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp bình chọn PV GAS đứng thứ 06 trong Top 100 doanh nghiệp có chỉ số quản trị tài chính tốt nhất năm 2018; thuộc Top đầu các đơn vị có vốn hóa lớn, tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt cao; sản phẩm LPG của PV GAS được Bộ Công Thương xác nhận là Thương hiệu Quốc gia 2018-2020.

Thuộc Top đầu các đơn vị có vốn hóa lớn, tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt cao

Bước sang năm 2019, dự báo nền kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, triển vọng tăng trưởng toàn cầu không chắc chắn bởi các biến số khó lường về chính trị thế giới, dự báo giá dầu có nhiều biến động và vẫn ở mức thấp. Bên cạnh đó, PV GAS sẽ gặp phải những thách thức không nhỏ khi sản lượng các mỏ khí trong nước đang suy giảm nhanh, mỏ/nguồn mới bổ sung chưa được kịp thời hoặc



“PV GAS tiếp tục duy trì thuộc Top đầu các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có các chỉ số tài chính tốt”

“Cung cấp khí ổn định để sản xuất gần 30% sản lượng điện, gần 70% nhu cầu đạm, đáp ứng gần 60% thị phần LPG cả nước.”

sản lượng nhỏ, đồng thời hệ thống khí hiện tại qua nhiều năm sử dụng cần bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên hơn, chi phí vận hành, bảo dưỡng sửa chữa ngày càng tăng; số sự cố thiết bị gây gián đoạn cấp khí hoặc dừng cấp khí của phía thượng nguồn ngày một tăng; các quy định liên quan đến công tác đầu tư xây dựng quá phức tạp, việc triển khai gặp nhiều khó khăn vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ các dự án; các nguồn khí mới cũng như các dự án khí mới có giá thành cao, rủi ro lớn. Ngoài ra, trước khó khăn chung trong việc đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng của các hoạt động kinh tế xã hội, PV GAS phải chia sẻ một phần bằng việc cân đối, điều độ cấp khí cho các đối tượng khách hàng, sắp xếp lại lịch bảo dưỡng sửa chữa các hệ thống, thiết bị dẫn đến ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tin rằng PV GAS sẽ hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch của năm 2019

Dự kiến PV GAS phải huy động tối đa các nguồn lực hiện có để tháo gỡ và vượt qua các thách thức. Tuy nhiên, với tiềm lực vững chắc về cơ sở vật chất, tài sản, tài chính, kinh nghiệm, uy tín, thương hiệu và đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo của PV GAS với năng lực quản trị, tinh thần trách nhiệm cao, tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, nhạy bén với những diễn biến của thực tế, có tầm nhìn chiến lược lâu dài, kịp thời ban hành các quyết sách hợp lý, và mỗi người lao động của PV GAS luôn nỗ lực làm việc sáng tạo với ý thức kỷ luật cao nhất, tin rằng PV GAS sẽ hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch của năm 2019, đồng thời đạt được những mục tiêu phát triển trong trung và dài hạn, duy trì và giữ vững vị thế là doanh nghiệp chủ lực của ngành công nghiệp khí Việt Nam, phấn đấu vươn ra khu vực và thế giới, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông và các nhà đầu tư.

Thay mặt cho gần 4.000 cán bộ công nhân viên PV GAS, Ban lãnh đạo PV GAS xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các khách hàng, đối tác và đặc biệt là Quý cổ đông đã luôn hỗ trợ, ủng hộ, đồng hành với PV GAS trong những năm qua và trên hành trình phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Chủ tịch HĐQT

Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Sinh Khang

Ông Dương Mạnh Sơn

Tổng quan lĩnh vực kinh doanh sản phẩm chính, khách hàng, đối tác



Sản phẩm và dịch vụ chính

Sản phẩm

- Khí khô
- Khí ẩm
- Condensate
- LPG | Khí dầu mỏ hóa lỏng
- CNG | Khí thiên nhiên nén
- LNG | Khí thiên nhiên hóa lỏng

Dịch vụ

- Sản xuất ống thép và bọc ống.
- Vận chuyển khí và các sản phẩm khí.

Lĩnh vực kinh doanh

- Thu gom, vận chuyển, tàng trữ, chế biến khí và sản phẩm khí;
- Tổ chức phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí khô, LNG, CNG, LPG, Condensate; nạp LPG vào chai, xe bồn; kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí; kinh doanh dịch vụ cảng, kho, bãi,...;
- Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng đồng bộ, thống nhất trong toàn PV GAS từ khâu nguồn cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ trên phạm vi cả nước và ở nước ngoài;
- Tiêu thụ LPG từ các nhà máy lọc hóa dầu và các nguồn khác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình khí;
- Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí;
- Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông, lâm, ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí; dịch vụ vận tải của các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí;
- Xuất, nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, khí lỏng, Condensate;
- Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí;
- Tham gia đầu tư các dự án khí thượng nguồn nhằm tăng tính chủ động và hiệu quả cho hoạt động chế biến và kinh doanh sản phẩm khí;
- Đầu tư tài chính vào các công ty bên ngoài;
- Đầu tư mua, bán, chuyển nhượng, đàm phán, ký các hợp đồng, dự án, tài sản, công trình khí;
- Mua các công ty khí quốc tế khác để trở thành công ty thành viên của PV GAS; bán các công ty con khí cần thiết;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện, công trình khí hoặc liên quan đến khí;
- Các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm và phù hợp với định hướng, điều phối của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Địa bàn kinh doanh

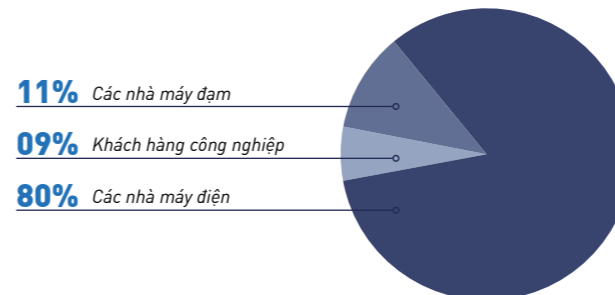
Trải rộng khắp cả nước, tập trung các công trình tại Thái Bình, TPHCM, Vũng Tàu, Cà Mau

Sản phẩm kinh doanh khách hàng và các đối tác của PV GAS

Hiện nay, PV GAS đang cung ứng ra thị trường 03 loại sản phẩm chính: Khí khô, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và Condensate. Ngoài ra, PV GAS còn có sản phẩm từ khí khô là khí thiên nhiên nén (CNG) hiện nay và khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) trong tương lai. Các sản phẩm của PV GAS được cung cấp cho các khách hàng khác nhau và có đặc thù sử dụng riêng.

Khách hàng của khí khô

Các nhà máy điện là khách hàng tiêu thụ chính, chiếm tới 80% tổng sản lượng khí, tiếp theo là các nhà máy đạm với 11% và 09% sản lượng khí được cung cấp cho các khách hàng công nghiệp.



Khu vực Đông Nam Bộ: Khí thiên nhiên từ các mỏ thuộc bể Cửu Long và Nam Côn Sơn được thu gom, vận chuyển và xử lý tại nhà máy xử lý khí Dinh Cố và nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn để tách thành các sản phẩm khí. Khí khô sau khi qua các nhà máy xử lý khí sẽ được vận chuyển bằng đường ống cung cấp cho các khách hàng tiêu thụ tại Bà Rịa, Phú Mỹ, Nhơn Trạch và Hiệp Phước (TP. Hồ Chí Minh), gồm:

Các nhà máy điện:	Công suất
Bà Rịa	350 MW
Phú Mỹ 1	1090 MW
Phú Mỹ 2.1	884 MW
Phú Mỹ 4	450 MW
Phú Mỹ 2.2	720 MW
Phú Mỹ 3	720 MW
Nhơn Trạch 1	450 MW
Nhơn Trạch 2	750 MW
Hiệp Phước 1	375 MW

- Các nhà máy đạm
- Khách hàng công nghiệp

Khu vực Tây Nam Bộ: Khí thiên nhiên từ các mỏ thuộc bể Malay – Thổ Chu được vận chuyển bằng đường ống đến cung cấp cho 02 nhà máy điện Cà Mau với tổng công suất 1500 MW và nhà máy Đạm Cà Mau.

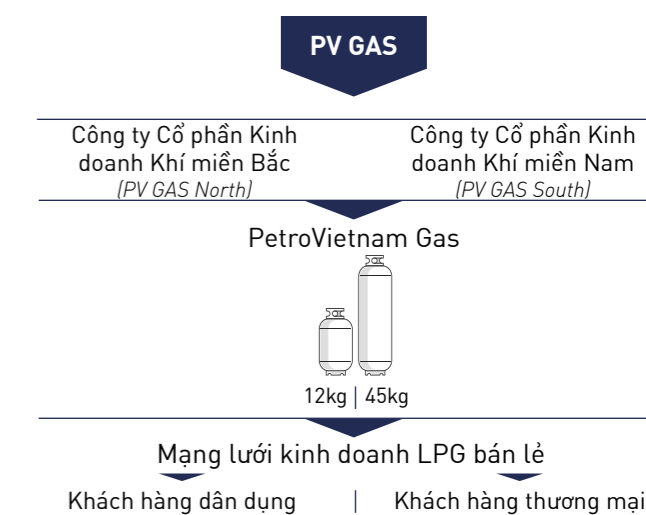
Khách hàng của khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)

PV GAS đang đóng vai trò là nhà sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh LPG hàng đầu Việt Nam, chiếm 70% thị phần bán buôn LPG.

Các nguồn cung cấp LPG:

- LPG từ nhà máy Xử lý Khí Dinh Cố được sản xuất từ khí thiên nhiên bắt nguồn từ các mỏ khí thuộc bể Cửu Long;
- LPG mua từ nhà máy Lọc dầu Dung Quất;
- LPG từ nguồn nhập khẩu từ Trung Đông và các nước lân cận như Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan, Singapore, Indonesia...;
- LPG được bán buôn dưới hình thức xe bồn, tàu vận chuyển tới các kho chứa của khách hàng.

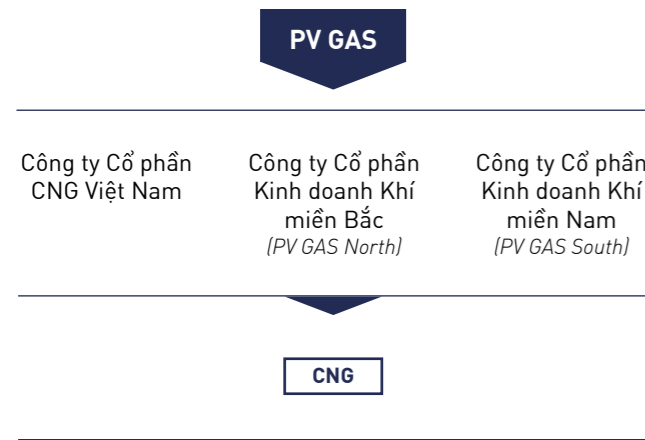
Mạng lưới kinh doanh LPG bán lẻ bao phủ rộng khắp trong cả nước được giao cho các đơn vị thành viên của PV GAS là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Bắc (PV GAS North) và Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam (PV GAS South). Các đơn vị này phát triển mạng lưới phân phối bán lẻ thông qua các đại lý để phát triển thương hiệu PetroVietnam Gas. LPG được bán lẻ dưới hình thức bình 12kg và 45kg cho các đối tượng khách hàng dân dụng và thương mại.



Khách hàng của khí thiên nhiên nén (CNG)

Sản phẩm CNG bắt đầu tham gia thị trường khí vào năm 2008, đã được thị trường chấp nhận do giá bán cạnh tranh được với các loại nhiên liệu truyền thống như xăng, dầu, LPG... Các khách hàng hiện đang sử dụng CNG là các hộ công nghiệp sản xuất gạch men, sắt thép, gốm sứ... nằm xa tuyến ống dẫn khí của PV GAS.

Trong tương lai, sản phẩm CNG sẽ hướng đến thị trường miền Trung trên cơ sở nguồn khí tại chỗ. Hiện nay, ba đơn vị phụ trách việc kinh doanh phân phối CNG là Công ty CP CNG Việt Nam, PV GAS South và PV GAS North.

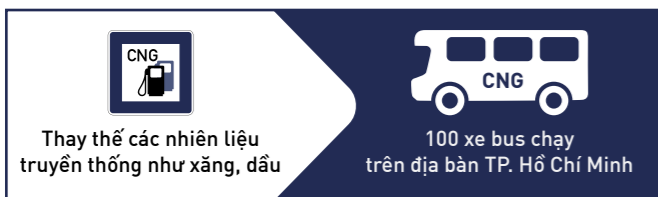


Các khách hàng hiện đang sử dụng CNG là các hộ công nghiệp, tiêu biểu như:



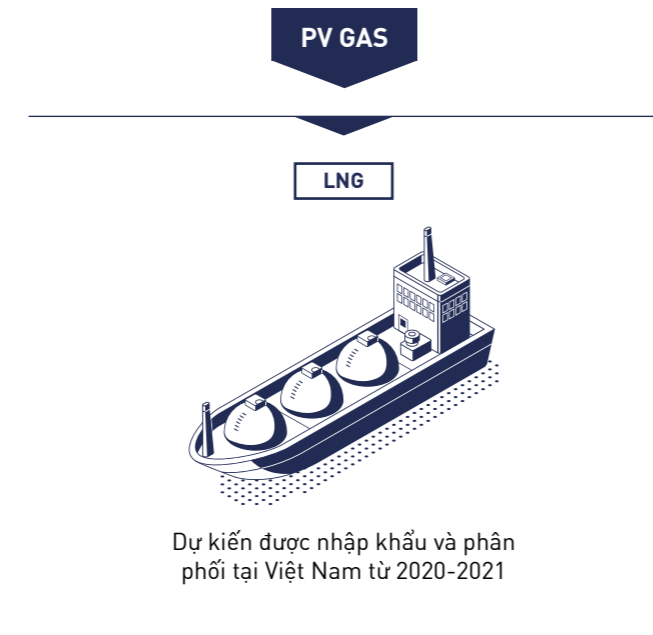
Ngoài ra, CNG còn được sử dụng trong giao thông vận tải để thay thế các nhiên liệu truyền thống như xăng, dầu. Hiện nay có 100 xe bus chạy CNG đang hoạt động trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

CNG có đặc điểm là nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường và có xu thế được sử dụng rộng rãi trên thế giới.



Khách hàng của khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)

LNG là khí thiên nhiên hóa lỏng ở -162 độ C, dự kiến được nhập khẩu và phân phối tại Việt Nam từ 2020-2021 hướng đến khách hàng mục tiêu là các nhà máy điện và khách hàng công nghiệp tại khu vực Đông Nam Bộ và Bình Thuận.



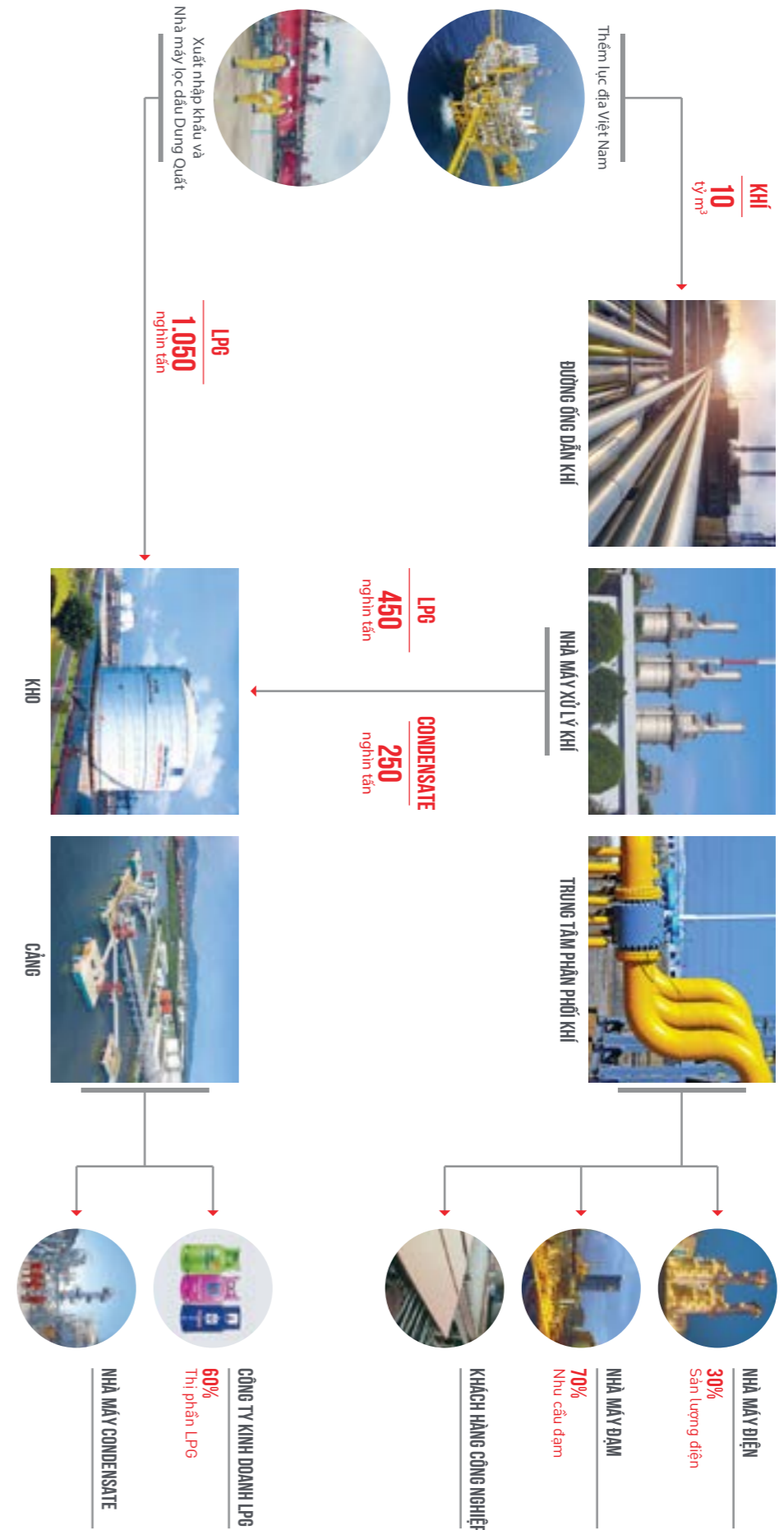
Mục tiêu là các nhà máy điện và khách hàng công nghiệp tại khu vực Đông Nam Bộ và Bình Thuận.

LNG nhập khẩu sẽ được phân phối đến các khách hàng tiêu thụ theo 02 phương thức:

- Đường ống:** LNG được tái hóa khí và bơm vào đường ống để cung cấp cho khách hàng tiêu thụ.
- Xe bồn/ trạm LNG vệ tinh:** Vận chuyển bằng xe bồn đến khách hàng xa hệ thống đường ống, tồn chứa tại các kho vệ tinh để tái hóa khí và cung cấp cho khách hàng tiêu thụ.
- Từ năm 2020-2021,** LNG sẽ được cung cấp làm nhiên liệu cho 02 nhà máy điện là Sơn Mỹ 1 và Sơn Mỹ 2 tại Bình Thuận, nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 tại Đồng Nai.

Khách hàng của Condensate

Condensate là sản phẩm thu được từ khí ẩm được khai thác từ các mỏ dầu khí thuộc bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn, được sử dụng chủ yếu cho việc chế biến xăng thành phẩm đóng góp một phần vào việc đảm bảo nguồn cung cấp xăng trong nước.



Sơ đồ chuỗi cung ứng

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH, CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC,

CÔNG TY THÀNH VIÊN, CÔNG TY LIÊN KẾT

CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

- Ban Kiểm soát Nội bộ
- Ban Kế hoạch
- Ban Tổ chức - Nhân sự
- Ban Tài chính
- Ban Hợp đồng khí
- Ban Đầu tư Xây dựng
- Ban Thương mại và Quản lý đấu thầu
- Ban Pháp chế
- Ban Kỹ thuật - Công nghệ
- Trung tâm Điều độ khí
- Ban An toàn - Sức khỏe- Môi trường
- Ban Thị trường
- Ban Kế toán
- Văn phòng

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

- Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam bộ
- Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu
- Công ty Khí Cà Mau
- Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn
- Công ty Dịch vụ Khí
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí
- Công ty Quản lý dự án Khí
- Ban QLDA Khí Đông Nam Bộ
- Ban QLDA Nhà máy Xử lý XKHí Cà Mau

CÔNG TY THÀNH VIÊN

- Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Bắc
- Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam
- Công ty Cổ phần Phân phối khí Thấp áp Dầu khí Việt Nam
- Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam
- Công ty Cổ phần LNG Việt Nam
- Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

CÔNG TY LIÊN KẾT

- Công ty TNHH Khí nhiên liệu giao thông vận tải Gazprom

Hiện nay PV GAS hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con, ngoài công ty mẹ là Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP với 13 ban chuyên môn thuộc Cơ quan điều hành Tổng công ty, PV GAS còn có 09 chi nhánh trực thuộc, 07 công ty cổ phần PV GAS đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối và 01 công ty liên kết góp vốn. Cơ cấu tổ chức bộ máy của PV GAS cụ thể như trên.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN

Giới thiệu về Hội đồng Quản trị Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

Họ và Tên	Chức danh	Tỉ lệ sở hữu
Ông Nguyễn Sinh Khang	Chủ tịch HĐQT	46,26%
Ông Dương Mạnh Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	19,80%
Bà Võ Thị Thanh Ngọc	Thành viên HĐQT	14,85%
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên HĐQT	14,85%
Ông Đỗ Đông Nguyên	Thành viên độc lập HĐQT	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	
TỔNG CỘNG		95,76%

Lý lịch lãnh đạo HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



— Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Sinh Khang

Tháng 9 1978 Sinh viên khoa Vô tuyến điện tử, Đại học Kỹ thuật
Tháng 11 1983 Quân sự
Tháng 12 1983 Công tác tại Trung đoàn thông tin 23, Bộ Tư lệnh
Tháng 03 1990 Quân khu 7
Tháng 03 1990 Công tác tại phòng Kế hoạch, Sở Công nghiệp tỉnh Bà
Tháng 02 1996 Rịa Vũng Tàu
Tháng 03 1996 Công tác tại phòng Kế hoạch Tổng hợp, Công ty
Tháng 12 2006 Thương mại Dầu khí (Petechim)
Tháng 12 2006 Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Công ty Chế
Tháng 04 2008 biến và Kinh doanh sản phẩm dầu mỏ (PDC)
Tháng 04 2008 Chủ tịch HĐQT, Công ty Chế biến và Kinh doanh sản
Tháng 06 2008 phẩm dầu mỏ (PDC)
Tháng 06 2008 Chủ tịch HĐQT, Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)
Tháng 03 2010
Tháng 03 2010 Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tháng 12 2018
Tháng 12 2018 Chủ tịch HĐQT PV GAS
đến nay

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Điện tử viễn thông
Cử nhân Quản trị kinh doanh



— Thành viên Hội đồng Quản trị
Tổng giám đốc

Ông Dương Mạnh Sơn

Tháng 05 1992 Công tác tại Nhà máy sửa chữa tàu biển Phà Rừng,
Tháng 03 1994 Hải Phòng
Tháng 03 1994 Công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp xây lắp Dầu khí
Tháng 05 1995
Tháng 05 1995 Công tác tại Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu Khí
Tháng 06 1999
Tháng 06 1999 Công tác tại Công ty đăng kiểm Lloyd's Register of
Tháng 04 2002 Shipping, Vương quốc Anh
Tháng 04 2002 Phó phòng, Phụ trách Phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật
Tháng 10 2006 sản xuất PV GAS
Tháng 10 2006 Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh Khí Thấp áp (nay là
Tháng 06 2007 Công ty Cổ phần phân phối Khí Thấp áp), PV GAS;
Tháng 10 2007 Trưởng ban Ban Xây dựng, PV GAS
Tháng 02 2009
Tháng 02 2009 Phó Tổng giám đốc PV GAS
Tháng 08 2013
Tháng 08 2013 Phó Tổng giám đốc thường trực PV GAS
Tháng 05 2015
Tháng 05 2015 Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc PV GAS
đến nay

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư cơ khí
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



— Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phan Quốc Nghĩa

Tháng 06 1990 Công tác tại Công ty liên doanh Coats Total
Tháng 04 1999 Phong Phú
Tháng 04 1999 Tổng công ty Dầu Khí Việt Nam tiếp nhận và cử đi học
Tháng 12 2000 tại Viện Công nghệ Châu Á (AIT), Thái Lan
Tháng 04 2001 Kỹ sư; Phó phòng; Trưởng phòng Nam Côn Sơn,
Tháng 11 2007 PV GAS
Tháng 11 2007 Trưởng Ban Kinh tế thị trường PV GAS
Tháng 02 2009
Tháng 02 2009 Thành viên HĐQT PV GAS
Tháng 04 2011
Tháng 04 2011 Thành viên HĐQT PV GAS
đến nay

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Cơ khí
Cử nhân Quản trị kinh doanh
Cử nhân Anh ngữ



— Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Võ Thị Thanh Ngọc

Tháng 07 1997 Giáo viên, Trường Đào tạo nhân lực Dầu khí (PVTMC)
Tháng 10 2002
Tháng 11 2002 Chuyên viên, Phòng Thương mại, Công ty Dịch vụ kỹ
Tháng 07 2006 thuật Dầu khí (PTSC)
Tháng 08 2006 Điều phối viên, Trường Sơn JOC, Công ty Thăm dò và
Tháng 06 2007 Khai thác Dầu khí (PVEP)
Tháng 07 2007 Chuyên viên, Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu
Tháng 12 2007 khí Việt Nam
Tháng 01 2008 Phó trưởng Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí
Tháng 11 2010 Việt Nam
Tháng 11 2010 Phó Tổng giám đốc, Công ty Liên doanh Lọc Hóa Dầu
Tháng 10 2015 Nghi Sơn
Tháng 10 2015 Thành viên HĐQT PV GAS
đến nay

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Công nghệ Hóa dầu
Thạc sĩ Lọc dầu và Công nghệ khí



— Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Đông Nguyên

Tháng 10 1996 Kỹ sư, Ban Quản lý dự án Khí Vũng Tàu
Tháng 07 2000
Tháng 08 2000 Chuyên viên, Ban Khí, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam
Tháng 08 2006
Tháng 07 2006 Chuyên viên, Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí
Tháng 02 2009 Việt Nam
Tháng 03 2009 Phó Trưởng ban, Ban Khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tháng 03 2011
Tháng 04 2011 Trưởng ban, Ban Khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tháng 04 2018
Tháng 04 2018 Thành viên độc lập HĐQT PV GAS
đến nay

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Công nghệ Hóa dầu
Thạc sĩ Chuyên ngành Hóa dầu



— Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Tháng 12 1999 Chuyên viên, Ban quản lý Dự án nhà 1 & 5 Lê Duẩn,
Tháng 09 2002 Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu
Tháng 10 2002 khí Việt Nam)
Tháng 11 2002 Chuyên viên, Ban Xây dựng, Tổng công ty Dầu khí
Tháng 11 2008 Việt Nam
Tháng 12 2008 Phó Trưởng ban, Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí
Tháng 04 2009 Việt Nam
Tháng 05 2009 Phó Trưởng ban, Ban Quản lý Đầu thầu, Tập đoàn Dầu
Tháng 03 2016 khí Việt Nam
Tháng 03 2016 Trưởng ban, Ban Quản lý Đầu thầu, Tập đoàn Dầu khí
đến nay Việt Nam
Tháng 04 2018 Thành viên độc lập HĐQT PV GAS
đến nay

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Vi khí hậu và Môi trường Xây dựng
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Lý lịch lãnh đạo BAN KIỂM SOÁT

— Trưởng Ban Kiểm soát —

Ông Mai Hữu Ngạn

Tháng 05 1988	Kế toán tổng hợp, Xí nghiệp thi công cơ giới, Công ty
Tháng 10 1991	Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (nay là Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam)
Tháng 11 1991	Kế toán tổng hợp, Phụ trách kế toán, Xí nghiệp dịch vụ cung ứng vật tư hàng hóa, Công ty Dịch vụ - Du lịch Dầu khí (nay là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí)
Tháng 12 2003	
Tháng 12 2002	Trưởng phòng kế toán Xí nghiệp Vận chuyển Khí (nay là Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ), PV GAS
Tháng 07 2007	
Tháng 08 2007	Kế toán trưởng PV GAS
Tháng 01 2016	
Tháng 01 2016 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát PV GAS



Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kế toán.

Lý lịch lãnh đạo BAN Tổng giám đốc

— Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Tổng giám đốc —

Ông Dương Mạnh Sơn

Tháng 05 1992	Công tác tại Nhà máy sửa chữa tàu biển Phà Rừng,
Tháng 03 1994	Hải Phòng
Tháng 03 1994	Công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp xây lắp Dầu khí
Tháng 05 1995	
Tháng 05 1995	Công tác tại Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu Khí
Tháng 06 1999	
Tháng 06 1999	Công tác tại Công ty đăng kiểm Lloyd's Register of Shipping, Vương quốc Anh
Tháng 04 2002	
Tháng 04 2002	Phó phòng, Phụ trách Phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất PV GAS
Tháng 10 2006	
Tháng 10 2006	Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh Khí Thấp áp (nay là Công ty Cổ phần phân phối Khí Thấp áp), PV GAS
Tháng 06 2007	
Tháng 10 2007	Trưởng ban Ban Xây dựng, PV GAS
Tháng 02 2009	
Tháng 02 2009	Phó Tổng giám đốc PV GAS
Tháng 08 2013	
Tháng 08 2013	Phó Tổng giám đốc thường trực PV GAS
Tháng 05 2015	
Tháng 05 2015	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc PV GAS
đến nay	



Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư cơ khí

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

— Kiểm soát viên —

Ông Nguyễn Công Minh

Tháng 08 1985	Học viên sỹ quan, C56A, D2, Trưởng sỹ quan tài chính,
Tháng 08 1988	Bộ Quốc Phòng
Tháng 09 1988	Trợ lý Ban Tài chính, Trưởng ban HC-KD-DV, Trưởng ban Tài chính Trung tâm TDTT QP II, Bộ tham mưu quân khu 7
Tháng 04 2003	
Tháng 05 2003	Trưởng ban Tài chính Trường dạy nghề số 7
Tháng 03 2005	
Tháng 04 2005	Giám đốc Trung tâm dạy nghề Thái Sơn, Cán bộ phòng chính trị, Công ty Thái Sơn/Trung Tâm Nhiệt đới Việt Nga, Bộ Quốc phòng
Tháng 11 2009	
Tháng 12 2009	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thủy sản Sài Gòn Cao Lãnh, Tổng công ty Thái Sơn/Trung Tâm Nhiệt đới Việt Nga, Bộ Quốc phòng
Tháng 07 2011	
Tháng 08 2011	Phó phòng, Trưởng phòng kế toán, Ban Quản lý dự án Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau, PV GAS
Tháng 03 2016	
Tháng 04 2016	Kiểm soát viên PV GAS
đến nay	



— Kiểm soát viên —

Bà Hồ Thị Ái Thanh

Tháng 04 1999	Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế toán PV GAS
Tháng 08 2007	
Tháng 09 2007	Kiểm soát viên chuyên trách PV GAS
Tháng 04 2011	
Tháng 04 2011	Kiểm soát viên PV GAS
đến nay	



Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kế toán

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân tài chính
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

— Phó Tổng giám đốc —

Ông Nguyễn Quốc Huy

Tháng 04 1994	Chuyên viên phòng công nghệ khí và Trung tâm vận hành khí, PV GAS
Tháng 01 1997	
Tháng 01 1997	Trưởng Phòng kỹ thuật - Trung tâm vận hành khí, PV GAS
Tháng 12 2001	
Tháng 12 2001	Trưởng Phòng kỹ thuật Trung tâm vận hành, kiêm Phó quản đốc Kho cảng Thị Vải, PV GAS
Tháng 08 2002	
Tháng 08 2002	Phó Giám đốc Trung tâm vận hành, kiêm Phó Quản đốc Kho cảng Thị Vải, PV GAS
Tháng 10 2002	
Tháng 10 2002	Phó Giám đốc Xí nghiệp Chế biến khí, kiêm Quản đốc Kho cảng Thị Vải, PV GAS
Tháng 10 2006	
Tháng 10 2006	Phó Giám đốc Công ty chế biến khí Vũng Tàu, PV GAS
Tháng 03 2008	
Tháng 03 2008	Giám đốc Công ty chế biến khí Vũng Tàu, PV GAS
Tháng 01 2010	
Tháng 05 2010	Phó Tổng giám đốc PV GAS
đến nay	



— Phó Tổng giám đốc —

Ông Bùi Ngọc Quang

Tháng 03 1983	Kỹ sư Khoan, Công ty Dầu khí I Thái Bình
Tháng 07 1989	
Tháng 08 1989	Phòng Kỹ thuật, Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí Hà Nội
Tháng 10 1991	
Tháng 11 1991	Trưởng phòng hợp đồng, Công ty liên doanh ADF - Việt Nam
Tháng 10 1995	
Tháng 11 1995	Phó Giám đốc thứ nhất, Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc thứ nhất Công ty M-I-Việt Nam
Tháng 08 2006	
Tháng 09 2006	Tổng giám đốc, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí
Tháng 04 2009	
Tháng 04 2009	Phó Ban Kế hoạch, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tháng 08 2009	
Tháng 08 2009	Trưởng Ban quản lý dự án khí Đông Nam Bộ, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tháng 12 2010	
Tháng 01 2011	Phó Tổng giám đốc PV GAS kiêm Trưởng Ban Quản lý Dự án khí Đông Nam Bộ
Tháng 05 2016	
Tháng 05 2016	Phó Tổng giám đốc PV GAS
đến nay	



Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư khoan dầu khí

— Phó Tổng giám đốc —



Ông Phạm Đăng Nam

Tháng 07 1993 Cử nhân kinh tế, Phòng Tài chính kế toán Xí nghiệp
Tháng 10 1999 Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro
Tháng 11 1999 Phó trưởng Phòng Tài chính tín dụng Công ty liên
Tháng 03 2003 doanh Nhà máy lọc dầu Việt - Nga (Vietross)
Tháng 03 2003 Phó trưởng phòng, phụ trách Phòng Thương mại Ban
Tháng 11 2003 Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Tập đoàn
Dầu khí Việt Nam (PVN)
Tháng 11 2003 Chuyên viên Ban Tài chính - Kế toán Tập đoàn Dầu
Tháng 04 2004 khí Việt Nam (PVN)
Tháng 04 2004 Phó ban; Trưởng ban Thương mại thị trường Tổng
Tháng 03 2009 công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo)
Tháng 04 2009 Ủy viên HĐQT PVFCCo. Từ 09/2008 - 03/2010 kiêm
Tháng 02 2010 Chủ tịch Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất
Miền Bắc (thuộc PVFCCo)
Tháng 03 2010 Ủy viên HĐQT PVFCCo kiêm Chủ tịch Công ty TNHH
Tháng 01 2011 MTV Phân bón và Hóa chất Dầu Khí Tây Nam Bộ
(thuộc PVFCCo)
Tháng 02 2011 Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV
Tháng 02 2014 Lọc Hóa Dầu Bình Sơn
Tháng 02 2014 Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Cổ phần vận tải Dầu khí
Tháng 09 2014 (PVTrans)
Tháng 10 2014 Phó Tổng giám đốc PV GAS
đến nay

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế công nghiệp
Cử nhân kinh tế chính trị

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông Hồ Tùng Vũ

Tháng 07 1983 Nhân viên; Phó phòng Công ty xuất nhập khẩu thiết
Tháng 03 1994 bị kỹ thuật Dầu khí
Tháng 04 1994 Trưởng phòng Công ty xuất nhập khẩu thiết bị
Tháng 10 1994 Dầu khí
Tháng 11 1994 Trưởng phòng Công ty Thương mại Dầu khí (nay là
Tháng 06 2001 Tổng công ty Dầu Việt Nam)
Tháng 07 2001 Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thương mại Dầu khí
Tháng 06 2008 (nay là Tổng công ty Dầu Việt Nam)
Tháng 06 2008 Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam
Tháng 12 2010
Tháng 01 2011 Phó Tổng giám đốc PV GAS
đến nay

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Kinh tế và tổ chức công nghiệp dầu mỏ và khí đốt
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

— Phó Tổng giám đốc —



Ông Nguyễn Mậu Dũng

Tháng 12 1991 Công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí
Tháng 12 1994 Vũng Tàu
Tháng 01 1995 Công tác tại Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí
Tháng 01 2005
Tháng 01 2005 Học viên cao học Trường Đại học Kinh tế
Tháng 12 2006 Tp. Hồ Chí Minh
Tháng 01 2007 Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần tư vấn Đầu tư
Tháng 12 2007 và thiết kế Dầu khí
Tháng 01 2008 Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty
Tháng 02 2009 TNHH 1 Thành viên Xây lắp Dầu khí Hà Nội
Tháng 03 2009 Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần
Tháng 04 2011 Bọc ống Dầu khí Việt Nam (PV Coating)
Tháng 04 2011 Chủ tịch HĐQT PV Coating; Giám đốc Công ty Cổ phần
Tháng 05 2011 Chế tạo ống thép Dầu khí (PV Pipe)
Tháng 05 2011 Phó Tổng giám đốc PV GAS kiêm Chủ tịch HĐQT PV
Tháng 04 2012 Coating kiêm Giám đốc PV Pipe
Tháng 05 2012 Phó Tổng giám đốc PV GAS
đến nay

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư cơ khí
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông Nguyễn Thanh Nghị

Tháng 12 1979 Công tác tại Trường tập huấn, Bộ tư lệnh Không quân
Tháng 03 1980
Tháng 03 1980 Học viên Trường trung cấp kinh tế, Bộ Cơ khí và
Tháng 04 1982 luyện kim
Tháng 04 1982 Công tác tại Nhà máy A41 Không quân, Sân bay Tân
Tháng 07 1993 Sơn Nhất
Tháng 07 1993 Công tác tại Công ty Bảo hiểm Bà Rịa - Vũng Tàu,
Tháng 05 1996 Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt)
Tháng 05 1996 Công tác tại một số đơn vị thuộc Tổng công ty Cổ
Tháng 06 2008 phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)
Tháng 06 2008 Phó Tổng giám đốc PVI
Tháng 07 2009
Tháng 07 2009 Phó Tổng giám đốc PV GAS
đến nay

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế kế hoạch
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**Lý lịch lãnh đạo
PHỤ TRÁCH BAN KẾ TOÁN**

— Phụ trách Ban kế toán —



Bà Trần Thị Hoàng Anh

Tháng 10 1993 Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán PV GAS
Tháng 04 1997
Tháng 05 1997 Chuyên viên Ban quản lý dự án tuyến ống và kho
Tháng 04 2002 cảng, PV GAS
Tháng 04 2002 Chuyên viên, Ban Nam Côn Sơn, PV GAS
Tháng 11 20012
Tháng 12 2002 Phó phòng kế toán Xí nghiệp chế biến khí, PV GAS
Tháng 06 2006
Tháng 06 2006 Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp chế biến khí, PV GAS
Tháng 05 2007 Trưởng phòng Kế toán Công ty Vận chuyển Khí Đông
Tháng 05 2007 Nam Bộ, PV GAS
Tháng 11 2007 Trưởng ban Kiểm toán nội bộ PV GAS
Tháng 11 2007
Tháng 10 2009 Phó ban Kế toán - Kiểm toán PV GAS
Tháng 10 2009
Tháng 12 2010 Phó ban Tài chính PV GAS
Tháng 01 2011
Tháng 05 2016 Phó ban Kế toán PV GAS
Tháng 05 2016
Tháng 01 2019 Phó Ban Phụ trách công tác kế toán và điều hành hoạt
Tháng 01 2019 động của Ban Kế toán, PV GAS
đến nay

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kế toán



Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2018

Họ và Tên	Thay đổi	Hiệu lực
Ông Đỗ Đông Nguyên	Được bầu giữ chức vụ Thành viên độc lập HĐQT	27/04/2018
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Được bầu giữ chức vụ Thành viên độc lập HĐQT	27/04/2018
Ông Lê Như Linh	Thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	26/12/2018
Ông Nguyễn Sinh Khang	Được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	26/12/2018
Ông Vũ Trọng Hải	Tạm thôi chức vụ Kế toán trưởng	30/08/2018
Bà Trần Thị Hoàng Anh	Giao nhiệm vụ Phụ trách công tác kế toán và điều hành hoạt động của Ban Kế toán cho đến khi có quyết định mới	29/01/2019

Thông tin các Công ty con Công ty liên kết

Danh sách các công ty trực thuộc PV GAS (chi nhánh)

Tên đơn vị	Ngành nghề kinh doanh	Trụ sở chính của đơn vị
Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	Vận chuyển, tàng trữ, chế biến khí; Kinh doanh sản phẩm khí hóa lỏng; Kinh doanh dịch vụ cảng, kho bãi; Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình liên quan đến khí; Nghiên cứu ứng dụng ngành khí, cải tạo công trình khí.	Số 101 Lê Lợi, Phường 6, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí; Lập dự án đầu tư, đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí; Tổ chức phân phối các sản phẩm khí thô; Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí.	Số 101 Lê Lợi, Phường 6, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn	Thiết kế, xây dựng và vận hành một hệ thống đường ống dẫn khí và trạm xử lý khí; Cung cấp dịch vụ chuyển, xử lý khí và Condensate.	Lầu 7 Tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	Vận chuyển, tàng trữ, mua bán các sản phẩm khí: LPG, Condensate; Quản lý vận hành các công trình, dự án khí và liên quan đến khí; Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí.	Lầu 11 Tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM
Công ty Khí Cà Mau	Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí ẩm và khí khô thương phẩm; Tổ chức phân phối, kinh doanh các sản phẩm khí khô thương phẩm; Quản lý vận hành các công trình, dự án khí liên quan đến hệ thống thu gom, vận chuyển, tàng trữ và phân phối khí; Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, tàng trữ và phân phối khí.	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Công ty Dịch vụ khí	Kinh doanh vật tư, thiết bị hóa chất trong lĩnh vực chế biến khí và các sản phẩm khí; kinh doanh dịch vụ cảng, kho, kho bãi; Tư vấn thiết kế, lập dự án đầu tư, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí; Nghiên cứu ứng dụng ngành, thiết kế, cải tạo công trình khí; Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực khí, thiết kế cải tạo bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí.	Số 101 Lê Lợi, Phường 6, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty Quản lý dự án khí	Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí; Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp.	Lầu 11 Tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM
Ban quản lý dự án Nhà máy xử lý Khí Cà Mau	Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí; Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp.	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Ban quản lý dự án Khí Đông Nam Bộ	Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí; Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp.	Lầu 5 Tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM

Danh sách các công ty thành viên và liên kết mà PV GAS có vốn góp trực tiếp

Tên đơn vị	Tỉ lệ góp vốn của PV GAS	Trụ sở chính của công ty
Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Bắc - PV GAS North	35,88%	Tầng 11, Tòa nhà Viện Dầu khí, 173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Nam - PV GAS South	35,26%	Lầu 4, PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM
Công ty CP Phân phối khí Thấp áp Dầu khí Việt Nam - PV GAS D	50,5%	Lầu 7 Tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM
Công ty CP Bọc ống Dầu Khí Việt Nam - PV Coating	52,94%	Đường số 2B khu công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam - PV Pipe	99,99%	KCN Dầu Khí Soài Rạp, Thị Trấn Vàm Láng, Huyện Gò Công Đông, Tiền Giang
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	56%	Công ty cổ phần CNG Việt Nam - Lầu 7 tòa nhà Gastower, 61B đường 30/4, TP. Vũng Tàu
Công ty Cổ phần LNG Vietnam	51%	Lầu 6 Tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM
Công ty TNHH Khí nhiên liệu giao thông vận tải PVGazprom - PVGazprom NGV	29%	Lầu 8 Tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Tp. HCM

Cổ phần, cơ cấu cổ đông:

Đến thời điểm 31/12/2018, Tổng số cổ phần PV GAS đang lưu hành là 1.913.950.000 cổ phần, trong đó, số cổ phần (CP) hạn chế chuyển nhượng là 50.000 CP

Cơ cấu cổ đông (chốt tại thời điểm 31/12/2018)

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông Nhà nước	1.832.835.900	95,8%	1	1	
Công đoàn Công ty	80.000	0%	1	1	
Cổ đông khác:	81.034.100	4,2%	5.506	156	5.350
- Trong nước	15.075.012	0,8%	4.883	31	4.852
- Nước ngoài	65.959.088	3,4%	623	125	498
Tổng cộng:	1.913.950.000	100%	5.508	158	5.350

- Trong năm 2018, PV GAS không phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ.

- **Cổ phiếu quỹ:** Trong năm 2018, PV GAS đã thực hiện giao dịch bán 601.930 cổ phiếu quỹ và hiện tại không còn nắm giữ cổ phiếu quỹ.

Sự kiện, danh hiệu, giải thưởng nổi bật trong năm



Đứng thứ **3** trong **1000**
Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất
Tổng cục Thuế xác nhận

Đứng thứ **6** trong **top 100**
Doanh nghiệp có chỉ số quản trị tài chính tốt nhất năm 2018
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp bình chọn

Top **10**
Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất năm 2018
Vietnam Report bình chọn

Top **10**
"Sao Vàng đất Việt"
Trung ương Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam chứng nhận

Top **50**
Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam (đứng thứ Nhì về doanh thu và lợi nhuận sau thuế, nằm trong Top 3 công ty dẫn đầu về vốn hóa thị trường)
Forbes bình chọn

Danh hiệu **"Thương hiệu quốc gia"**
QĐ số 4669/QĐ-BCT ngày 18/12/2018
Bộ Công Thương

Chiến lược phát triển



Chiến lược phát triển

Mô hình kinh doanh và động lực tăng trưởng

Phát triển PV GAS đồng bộ, bền vững có khả năng cạnh tranh, phù hợp với chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam, ngành Công nghiệp Khí và chiến lược phát triển của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam với hệ thống cơ sở hạ tầng công nghiệp khí an toàn, hiện đại trên phạm vi toàn quốc, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, lương thực, bảo vệ môi trường, tài nguyên, giữ vững an ninh quốc phòng quốc gia.

Phát triển PV GAS trên nguyên tắc không ngừng hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả và bền vững trên công nghệ tiên tiến, mang lại lợi ích thiết thực cho đất nước, cổ đông, người lao động, đối tác và cộng đồng xã hội. Trong đó, An toàn và Hiệu quả là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình phát triển.

Phát triển PV GAS theo hướng chú trọng chế biến, đa dạng hóa nguồn khí, đa dạng hóa sản phẩm, lấy trọng tâm là sản xuất - nhập khẩu - kinh doanh bán buôn, đẩy mạnh phát triển bán lẻ, dịch vụ, đầu tư và thương mại, đáp ứng nhu cầu thị trường trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn khí.

Phát huy tối đa nội lực đồng thời tranh thủ tận dụng các nguồn lực bên ngoài và tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển PV GAS ngày càng lớn mạnh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Coi con người là yếu tố then chốt, hình thành đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ, tác phong công nghiệp, kỷ luật nghiêm ngặt. Xây dựng và phát triển thương hiệu PetroVietnam GAS uy tín, chất lượng và phổ biến.

Xây dựng chuỗi giá trị bền vững

Phát triển bền vững chuỗi giá trị hoàn chỉnh từ khâu thu gom - xuất nhập khẩu - vận chuyển - chế biến - tồn trữ - dịch vụ - kinh doanh khí và sản phẩm khí. Trọng tâm là sản xuất - nhập khẩu - kinh doanh bán buôn, đẩy mạnh phát triển bán lẻ, dịch vụ, đầu tư và thương mại, đáp ứng nhu cầu thị trường trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn khí.

Xác định nhập khẩu khí, LNG là yếu tố sống còn để phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam, cũng như phát triển PV GAS.

Đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả và bền vững trên công nghệ tiên tiến; quản trị hiệu quả, minh bạch, mang lại lợi ích thiết thực cho đất nước, cổ đông, người lao động, đối tác và cộng đồng xã hội. Trong đó, An toàn và Hiệu quả là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình phát triển.



Chiến lược phát triển giai đoạn 2019-2025

Mục tiêu tổng quát

Phát triển PV GAS thành doanh nghiệp khí mạnh, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao, hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu thu gom - xuất nhập khẩu - vận chuyển - chế biến - tồn trữ - dịch vụ - kinh doanh khí và sản phẩm

Mục tiêu cụ thể

Khai thác, thu gom khí:

Đa dạng hóa nguồn cung, giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động thu gom khí, tham gia hoạt động thương mại nguồn trong và ngoài nước để chủ động nguồn khí cung cấp cũng như nâng cao vị thế của PV GAS. Sẵn sàng phương án gia tăng sản lượng thu gom trong nước.

Vận chuyển, xử lý, chế biến, kinh doanh khí và LNG:

Xây dựng, vận hành và kinh doanh đồng bộ, an toàn, hiệu quả, tối ưu các hệ thống khí trên toàn quốc. Xây dựng đường ống kết nối các khu vực, từng bước hình thành đường ống dẫn khí quốc gia và khu vực ASEAN; tăng cường chế biến khí và sản phẩm khí nhằm đa dạng hóa sản phẩm và gia tăng sản lượng sản phẩm. Nhanh chóng triển khai đầu tư và nhập khẩu LNG nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu tiêu thụ góp phần đảm bảo an ninh năng lượng. Phát triển thị trường tiêu thụ khí/LNG, mục tiêu năm 2025 đạt quy mô 20 - 24 tỷ m³ khí/năm, trong đó khu vực Nam Bộ và Bắc Bộ đạt 16 - 20 tỷ m³ khí/năm.

Hoạt động dịch vụ khí:

Phát huy vai trò chủ đạo trên thị trường dịch vụ ngành công nghiệp khí trong nước, tích cực tham gia thị trường quốc tế.

khí, tham gia hoạt động đầu tư thương mại. Đóng vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp khí trên toàn quốc và tham gia tích cực thị trường quốc tế.

Kinh doanh sản phẩm khí:

Duy trì và giữ vững 50 - 60% thị phần LPG toàn quốc, tham gia mạnh thị trường quốc tế trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả; phân phối an toàn, hiệu quả toàn bộ sản lượng sản xuất; không ngừng gia tăng sản lượng tiêu thụ LPG từ các nhà máy lọc dầu trong nước sản xuất và từ nguồn nhập khẩu, duy trì nắm giữ trên 50% thị phần toàn quốc; tập trung toàn lực hoàn thành và triển khai chiến lược phát triển bán lẻ LPG nhằm không ngừng gia tăng sản lượng thị phần bán lẻ LPG, phấn đấu đạt 25 - 30% thị phần thương mại và dân dụng toàn quốc. Tiếp tục phát triển thị trường cung cấp LPG cho các hộ công nghiệp, gia tăng hiệu quả kinh doanh. Không ngừng đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh tại nước ngoài, đảm bảo hiệu quả, cân bằng và ổn định nguồn cung trong nước, phát triển thương hiệu PV GAS trên thị trường quốc tế. Đảm bảo tiêu thụ hiệu quả nguồn Condensate sản xuất. Tăng cường phát triển CNG, LNG, LPG ES ... tại các khu công nghiệp, giao thông vận tải, các khu dân cư trên toàn quốc.



Báo cáo về kết quả SXKD năm 2018



Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc về kết quả SXKD năm 2018

Tác động giá dầu đến kết quả SXKD

Trong năm 2018, giá dầu thô thế giới diễn biến phức tạp, khó lường. Sau những đợt tăng/giảm giá dầu trong những tháng đầu năm 2018, giá dầu thô đã tăng mạnh trong tháng 08, tháng 09 và ngày 04/10/2018 dầu Brent đạt đỉnh ở mức 86,2 USD/thùng. Sau thời điểm đó, giá dầu thô đã liên tục giảm mạnh, có thời điểm giá dầu thế giới giảm kỷ lục tới 08% chỉ trong 01 ngày.



■ Việt Nam đang là quốc gia xuất khẩu dầu thô, doanh thu từ hoạt động này đóng góp quan trọng vào nguồn thu hàng năm cho ngân sách Nhà nước. Việc giá dầu thô tăng/giảm, sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến ngân sách Nhà nước.

■ Việt Nam, tuy đã có 02 nhà máy lọc dầu lớn, nhưng vẫn còn nhập khẩu xăng dầu để tiêu thụ. Giá dầu thô thế giới tăng/giảm kéo theo giá xăng dầu trong nước biến đổi, sẽ ảnh hưởng đến sức mua của người dân, cũng như hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

■ Trong năm 2018, giá dầu tăng, ngành Dầu khí cũng được hưởng lợi, trong đó có PV GAS. Theo đó các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách Nhà nước đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 38-85%, về đích trước kế hoạch 02-03 tháng, tăng từ 16-18% so với năm 2017.

Kết quả SXKD

Thuận lợi:

Thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch có chút thuận lợi từ việc giá dầu cao hơn so với kế hoạch; hệ thống khí của PV GAS hoạt động ổn định, an toàn và cấp khí liên tục.

Khó khăn:

Sự sụt giảm sản lượng của các mỏ khí đang khai thác, sự cố phía thượng nguồn ngày một tăng, thời gian khắc phục kéo dài; nhu cầu khí gaslift cho khai thác dầu ngày một tăng đã ảnh hưởng đến khí cấp vào bờ; một số dự án trong quá trình xem xét có nhiều vướng mắc cần xử lý, thời gian phê duyệt kéo dài so với kế hoạch, dẫn đến khi phê duyệt tiến độ thường rất sát hoặc không còn phù hợp...

Lường trước được những khó khăn, tận dụng tốt các cơ hội cùng với việc nỗ lực, cố gắng không ngừng của tập thể Ban Lãnh đạo trong công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện quyết liệt đồng bộ nhiều giải pháp hữu hiệu, ấn định và điều độ khí hợp lý, gia tăng sản lượng LPG, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, tiết giảm chi phí, kiểm soát và thu hồi công nợ, thường xuyên giao ban công trường để cùng nhà thầu xử lý công việc, ... PV GAS đã thực hiện thành công nhiệm vụ kế hoạch, hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018.



Cả 04 hệ thống khí của PV GAS vận hành an toàn và hiệu quả, cấp khí liên tục cho khách hàng; hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng từ 05-53%, có chỉ tiêu về đích trước kế hoạch từ 02-03 tháng (sản xuất và kinh doanh LPG, Condensate), tiếp tục giữ vững vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp khí.



Các chỉ tiêu tài chính hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 38-85%, về đích trước kế hoạch 02-03 tháng (doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách Nhà nước), tăng từ 16-18% so với năm 2017, đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước và Tập đoàn, là đơn vị đạt tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ đạt lần lượt là 28%, 64% và tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt cao.



Hoàn thành công tác đầu tư, đưa dự án nâng cao hiệu suất thu hồi LPG tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cổ vào hoạt động góp phần gia tăng giá trị khí; tổ chức khánh thành và chính thức đưa Nhà máy xử lý khí Cà Mau vào hoạt động góp phần gia tăng giá trị khí từ nguồn PM3.



Hoàn thành ký gia hạn/bổ sung phụ lục/hợp đồng mua bán khí/vận chuyển khí với khách hàng/đối tác từ thượng nguồn, trung nguồn và hạ nguồn; ký ý định thư (LOI) LNG SPA từ dự án Alaska LNG của AGDC; nhận chuyển nhượng vai trò bên mua khí trong MOU mua bán khí Tuna từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.



Với những kết quả ấn tượng trên, PV GAS liên tiếp lần thứ 06 được Forbes trao Chứng nhận Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam; Nikkei Asian Review công bố tiếp tục là một trong 05 đại diện của Việt Nam có mặt trong danh sách 300 doanh nghiệp năng động nhất châu Á trong năm tài chính 2017; Tổng cục Thuế xác nhận PV GAS đứng vị trí thứ 03 trong 1.000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất của nền kinh tế Việt Nam; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Báo Diễn đàn Doanh nghiệp và Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp bình chọn đứng thứ 06 trong Top 100 doanh nghiệp có chỉ số quản trị tài chính tốt nhất năm 2018; thuộc Top đầu các đơn vị có vốn hóa lớn, tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt cao (40%); sản phẩm LPG của PV GAS được Bộ Công Thương xác nhận là Thương hiệu Quốc gia 2018-2020.



Tình hình thu gom khí tại các mỏ, cung cấp khí cho khách hàng trong năm 2018

10.001
triệu m³ Tiếp nhận khí ẩm

Bằng 103% kế hoạch năm
 Tăng 02% so với thực hiện năm 2017

9.695
triệu m³ Xử lý, vận chuyển và cung cấp khí cho các khách hàng

Khách hàng điện: _____ 7.641 triệu m³
 Đạm: _____ 1.077 triệu m³
 Thấp áp: _____ 619 triệu m³
 CNG: _____ 358 triệu m³
 Bằng 105% kế hoạch năm (tăng 01% so với thực hiện năm 2017)



Hệ thống khí Cửu Long

Hệ thống vận chuyển, xử lý khí của PV GAS hoạt động ổn định, cấp khí liên tục; hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa trong đợt dừng khí (từ ngày 25-30/09/2018), đưa toàn bộ hệ thống vào vận hành an toàn, cấp khí trước 08 giờ so với kế hoạch; nhà máy xử lý khí Dinh Cố dừng chế độ GPP để đấu nối thiết bị tách C-05B, trao đổi nhiệt E-14B để phục vụ dự án nâng cao hệ số thu hồi LPG (từ ngày 06-07/02/2018); hệ thống máy nén khí giàn CCP của Vietsovpetro vận hành ổn định; một số thời điểm, mỏ/giàn dừng/giảm sản lượng khí đưa về bờ để thực hiện công tác đấu nối/ép via/bảo dưỡng sửa chữa/khắc phục sự cố ngoài kế hoạch; Vietsovpetro tăng dẫn sản lượng khí cho gaslift (đầu năm khoảng 6,9 triệu m³/ngày, tháng cuối năm tăng lên 7,8 triệu m³/ngày) ảnh hưởng đến kế hoạch đưa khí vào bờ;

Đã tiếp nhận 1.377 triệu m³ khí ẩm, bằng 98% kế hoạch; xử lý và cung cấp 1.192 triệu m³ khí khô cho các khách hàng, bằng 103% kế hoạch năm (giảm 18% so với thực hiện năm 2017).

98% kế hoạch năm
 Tiếp nhận 1.377 triệu m³ khí ẩm

103% kế hoạch năm
 Xử lý, cung cấp 1.192 triệu m³ khí khô



Hệ thống khí Nam Côn Sơn

Hệ thống vận chuyển, xử lý khí của PV GAS hoạt động ổn định; về phía thượng nguồn, một số lô dừng/giảm sản lượng khí đưa về bờ tại một số thời điểm để thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa/khắc phục sự cố ngoài kế hoạch. Đặc biệt sự cố 1 máy nén Lô 06.1 kéo dài từ ngày 27/03/2018 đến 04/06/2018 mới khắc phục xong để cấp khí trở lại bình thường; Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn (NCSP) thực hiện phóng thoi tuyến ống biển và dừng cấp khí hoàn toàn để tiểu tu nhà máy (từ 3h00-15h00 ngày 19/08/2018); thực hiện bảo dưỡng sửa chữa dừng khí từ 03h00-12h30 ngày 19/08/2018, đưa toàn bộ hệ thống vào vận hành an toàn, cấp khí trước kế hoạch 2,5 giờ; hoàn thành đấu nối mỏ Phong Lan Đại vào hệ thống khí Nam Côn Sơn (Lô 06.1) vào cuối tháng 10/2018 và đưa vào vận hành thương mại đầu năm 2019;

Đã xử lý, vận chuyển và phân phối 6.408 triệu m³ khí, bằng 103% kế hoạch năm (tăng 07% so với thực hiện năm 2017).

103% kế hoạch năm
 Xử lý, vận chuyển và phân phối 6.408 triệu m³ khí



Hệ thống khí PM3 - Cà Mau

Hệ thống vận chuyển, xử lý và phân phối khí của PV GAS hoạt động ổn định; hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa trong đợt dừng khí (từ ngày 24/08-04/09/2018) đảm bảo chất lượng, an toàn và đưa hệ thống khí vào vận hành trước thời hạn kế hoạch 02 ngày; về phía thượng nguồn, một số giàn dừng/giảm sản lượng khí đưa về bờ tại một số thời điểm để thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa/khắc phục sự cố ngoài kế hoạch; thực hiện phóng thoi thông minh hệ thống khí PM3 - Cà Mau từ ngày 11/02 đến ngày 08/03/2018;

Đã xử lý và phân phối 1.922 triệu m³ khí (khí ẩm vào bờ 2.056 triệu m³, bằng 106% kế hoạch) cho các khách hàng, bằng 111% kế hoạch năm. Đặc biệt trong năm 2018, sản lượng khí tiếp nhận của hệ thống đạt mức cao nhất kể từ khi đưa hệ thống vào vận hành đến nay.

111% kế hoạch năm
 Xử lý, phân phối 1.922 triệu m³
 Sản lượng khí tiếp nhận đạt mức cao nhất



Hệ thống khí Tiền Hải - Thái Bình

Hệ thống vận chuyển, xử lý và phân phối khí của PV GAS hoạt động ổn định; Trung tâm phân phối khí Tiền Hải dừng cấp khí hoàn toàn để bảo dưỡng sửa chữa (từ 07h00 ngày 09/02/2018 - 07h00 ngày 10/02/2018); thực hiện phóng thoi làm sạch đường ống biển (từ 09h05-11h00 ngày 08/07/2018); giàn Thái Bình đóng 01 giếng để xử lý lỗi van điều khiển giếng (từ 20h15-21h30 ngày 10/10/2018).

Hệ thống đã tiếp nhận, tiêu thụ khí vượt mức kế hoạch, về đích trước 03 tháng. Đã cung cấp 160 triệu m³ khí (tương đương với thực hiện năm 2017), bằng 133% kế hoạch năm.

133% kế hoạch năm
 Cung cấp 160 triệu m³ khí

Tình hình đầu tư các dự án

Đầu tư xây dựng

Hoạt động đầu tư xây dựng của PV GAS nhằm mục đích đầu tư phát triển bao gồm phát triển nguồn cung cấp khí từ các mỏ trong nước và nhập khẩu khí từ nước ngoài, phát triển cơ sở hạ tầng, cải tiến kỹ thuật để tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh, tăng cường chế biến sâu để gia tăng giá trị sản phẩm,...; được phân cấp cho Công ty và các Ban Quản lý dự án (bao gồm Công ty Quản lý Dự án khí, Ban quản lý Dự án khí Đông Nam Bộ, Ban quản lý Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau) thực hiện với đội ngũ chuyên gia, kỹ sư, chuyên viên,... có năng lực chuyên môn vững vàng, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm kể từ khi PV GAS đầu tư xây dựng công trình khí đầu tiên đến nay.

Toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng các dự án của PV GAS đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát cũng như hỗ trợ, hướng dẫn từ PVN và các cơ quan quản lý Nhà nước nên luôn đảm bảo chất lượng công trình và đúng mục tiêu và nguồn vốn của dự án.

Năm 2018, PV GAS đã triển khai chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, thanh quyết toán 15 dự án nhóm A, 04 dự án nhóm B, 05 dự án nhóm C, các dự án mua sắm trang thiết bị và đầu tư tài chính với tổng giá trị giải ngân 1.055 tỷ đồng. Công tác đầu tư xây dựng được triển khai tích cực, bám sát kế hoạch, tiến độ đề ra. Đặc biệt trong năm 2018, PV GAS đã hoàn thành công tác đầu tư xây dựng, khánh thành đưa vào vận hành Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau và Dự án nâng cao hiệu suất thu hồi LPG tại Nhà máy GPP Dinh Cố góp phần gia tăng giá trị khí từ nguồn PM3 và Đông Nam Bộ. Hoàn thành việc xin và đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho PV Pipe và PV Coating được tham gia sản xuất và bọc ống cho 2 Dự án: Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn.

Công việc thực hiện năm 2018 của một số dự án lớn:

Thu gom khí: Xây dựng các đường ống mới để thu gom khí ở các mỏ mới, bổ sung nguồn cung khí cho thị trường tiêu thụ.

Nhập khẩu LNG: Xây dựng cơ sở hạ tầng để nhập khẩu, bổ sung nguồn cung cấp khí cho thị trường tiêu thụ.

Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 – giai đoạn 2:

Đầu tư các hạng mục đường ống, công trình khí còn lại của dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 sau khi đã hoàn thành toàn bộ giai đoạn 1 để thu gom, vận chuyển khí từ các mỏ Sư Tử Trắng, Sao Vàng, Đại Nguyệt,... về bờ.

Công việc thực hiện năm 2018: Hoàn thành phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh tháng 05/2018, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tháng 07/2018; hoàn thành phần Thiết kế kỹ thuật, đang hoàn thiện Dự toán xây dựng công trình phần đường ống và các trạm; hoàn thành ký kết hợp đồng thực hiện FEED và dự toán xây dựng công trình phần nhà máy GPP2; chuẩn bị thủ tục mua sắm thép tấm, sản xuất ống thép, bọc ống; thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng.

Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt:

Đầu tư xây dựng đường ống từ giàn nén Sao Vàng kết nối với đường ống Nam Côn Sơn 2 nhằm thu gom và vận chuyển khí Sao Vàng – Đại Nguyệt về bờ nhằm bổ sung nguồn khí thiếu hụt khu vực Đông Nam Bộ phục vụ cho phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh năng lượng.

Công việc thực hiện năm 2018: Hoàn thành phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiến khả thi tháng 03/2018; hoàn thành lập và trình cấp thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; Bộ Công Thương đã chấp thuận thiết kế cơ sở của dự án.

Dự án Đường ống thu gom vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng:

Đầu tư xây dựng đường ống từ chân giàn Sư Tử Trắng kết nối với đường ống Nam Côn Sơn 2 – Giai đoạn 2 để thu gom và vận chuyển khí Sư Tử Trắng về bờ nhằm bổ sung nguồn khí thiếu hụt khu vực Đông Nam Bộ, phục vụ cho phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Công việc thực hiện năm 2018: Hoàn thành lập và trình cấp thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; trình Bộ Công Thương thẩm định thiết kế cơ sở; hoàn thành và trình Bộ Tài nguyên và Môi trường để phê duyệt ĐTM.

Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn:

Đầu tư đường ống để vận chuyển khí từ các mỏ thuộc Lô B 48/95&52/97 về bờ, cung cấp cho các Nhà máy điện tại Trung tâm điện lực Ô Môn, bổ sung khí cho cụm Khí – Điện – Đạm Cà Mau và các Nhà máy điện tại Trung tâm điện lực Kiên Giang.

Công việc thực hiện năm 2018: Chuẩn bị các thủ tục lựa chọn Nhà thầu EPC,...

Đầu tư tài chính:

Hoàn thành thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (Gas City)

Dự án Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải:

Đầu tư kho chứa tại Thị Vải để nhập khẩu LNG cung cấp cho khách hàng tiêu thụ tại khu vực Đông Nam Bộ. Đảm bảo điều hòa nguồn cung cấp khí cho nhu cầu trong nước và giữ gìn nguồn năng lượng không tái tạo cho tương lai đồng thời đa dạng hóa nguồn cung cấp khí đảm bảo nhu cầu năng lượng trong phát triển kinh tế.

Công việc thực hiện năm 2018: Hoàn thành phê duyệt Thiết kế kỹ thuật và Dự toán xây dựng công trình; hoàn thành phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể điều chỉnh; hoàn thành phê duyệt và phát hành Hồ sơ mời thầu gói thầu EPC của dự án.

Dự án kho cảng nhập LNG Sơn Mỹ – Bình Thuận:

Đầu tư kho chứa và cảng xuất tại Sơn Mỹ để nhập khẩu LNG cung cấp cho Trung tâm Điện lực Sơn Mỹ và cung cấp bổ sung cho lượng khí thiếu hụt tại khu vực Đông Nam Bộ.

Công việc thực hiện năm 2018: Triển khai cập nhật tổng mức đầu tư, thẩm tra tổng mức đầu tư; Bộ Công Thương đã chấp thuận thiết kế cơ sở của Dự án.

Dự án kho chứa LNG Thị Vải mở rộng:

Đầu tư mở rộng tăng khả năng tồn chứa LNG, giúp nâng cao tổng công suất tiêu thụ qua kho LNG lên đến 3-6 triệu tấn/năm để bù đắp lượng khí thiếu hụt và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí của khách hàng; giúp chủ đầu tư chủ động cấp khí từ nguồn khí nhập khẩu và tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng tại Kho cảng Thị Vải hiện hữu.

Công việc thực hiện năm 2018: Hoàn thành Báo cáo nghiên cứu tiến khả thi và trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Tăng cường năng lực chế biến, tàng trữ khí, sản phẩm khí

Dự án Nâng cao hệ số thu hồi LPG tại Nhà máy GPP Dinh Cố:

Đầu tư thiết bị để đáp ứng với việc xử lý lượng khí bổ sung từ các nguồn khí mới (Đại Hùng, Thiên Ưng,...) và từ nguồn khí cấp bù từ hệ thống Nam Côn Sơn qua công trình “Cấp bù khí ẩm từ Nhà máy Nam Côn Sơn tới GPP Dinh Cố” tại điểm giao nhận số 2, từ đó tăng giá trị chế biến khí và doanh thu của Nhà máy GPP Dinh Cố.

Công việc thực hiện năm 2018: Hoàn thành dự án đưa vào sử dụng vào tháng 04/2018 góp phần gia tăng giá trị khí khu vực Đông Nam Bộ.

Dự án kho chứa sản phẩm lỏng cho GPP 2 và cải tạo nâng công suất bồn chứa LPG tại kho cảng Thị Vải:

Cải tạo lại mặt bằng Kho cảng Thị Vải hiện hữu bằng cách chuyển đổi phương thức tồn chứa sản phẩm; nâng cao sức chứa sản phẩm lỏng, sắp xếp, di dời, tái bố trí thiết bị, hệ thống công nghệ để tạo thêm quỹ đất bổ sung vào quỹ đất hiện hữu, phục vụ các dự án tương lai của PV GAS (như dự án Nam Côn Sơn 2 – giai đoạn 2, dự án LNG...).

Công việc thực hiện năm 2018: Đang hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiến khả thi.

Báo cáo hoạt động của các đơn vị thành viên

Với sự hỗ trợ thiết thực, kịp thời từ PV GAS – công ty mẹ, cố gắng lớn và nỗ lực của chính mình, hoạt động của các công ty cổ phần trong năm 2018 đạt kết quả khá tốt, nổi bật là PV GAS D, CNG Việt Nam và PV GAS South, cùng nhau góp phần xây dựng ngành công nghiệp khí Việt Nam.

PV GAS D đã tích cực tìm kiếm khách hàng mới, cung cấp khoảng 977 triệu m³ khí cho các khách hàng công nghiệp và sản xuất CNG tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Tp Hồ Chí Minh và một số tỉnh tại miền Bắc, bằng 113% kế hoạch năm và tăng 06% so với thực hiện năm 2017, thu được gần 8.200 tỷ đồng tổng doanh thu và 280 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đạt tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ khá cao (31%).

CNG Việt Nam với hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, đã cung cấp ra thị trường miền Nam và miền Bắc trên 165 triệu m³ CNG, tổng doanh thu đạt khoảng 1.800 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 140 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ ở mức cao, đạt 52%.

PV GAS South đã cung cấp ra thị trường khoảng 300.000 tấn LPG cho các hộ gia đình, nhà hàng, khách sạn và khách hàng công nghiệp. Sở hữu hệ thống cơ sở vật chất khá tốt với đầy đủ kho chứa, trạm nạp LPG, trạm sơn sửa kiểm định bình phân bố trên các khu vực thị trường kinh doanh,... PV GAS South hiện là công ty kinh doanh LPG (bán lẻ) hàng đầu tại thị trường miền Nam và Nam Trung Bộ về mặt sản lượng. Đối với hoạt động kinh doanh CNG, PV GAS South cùng CNG Việt Nam vẫn chiếm lĩnh thị trường kinh doanh CNG tại khu vực Đông Nam Bộ. Trong năm 2018, PV GAS South đạt 6.400 tỷ đồng tổng doanh thu và 136 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đạt tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ 27%.

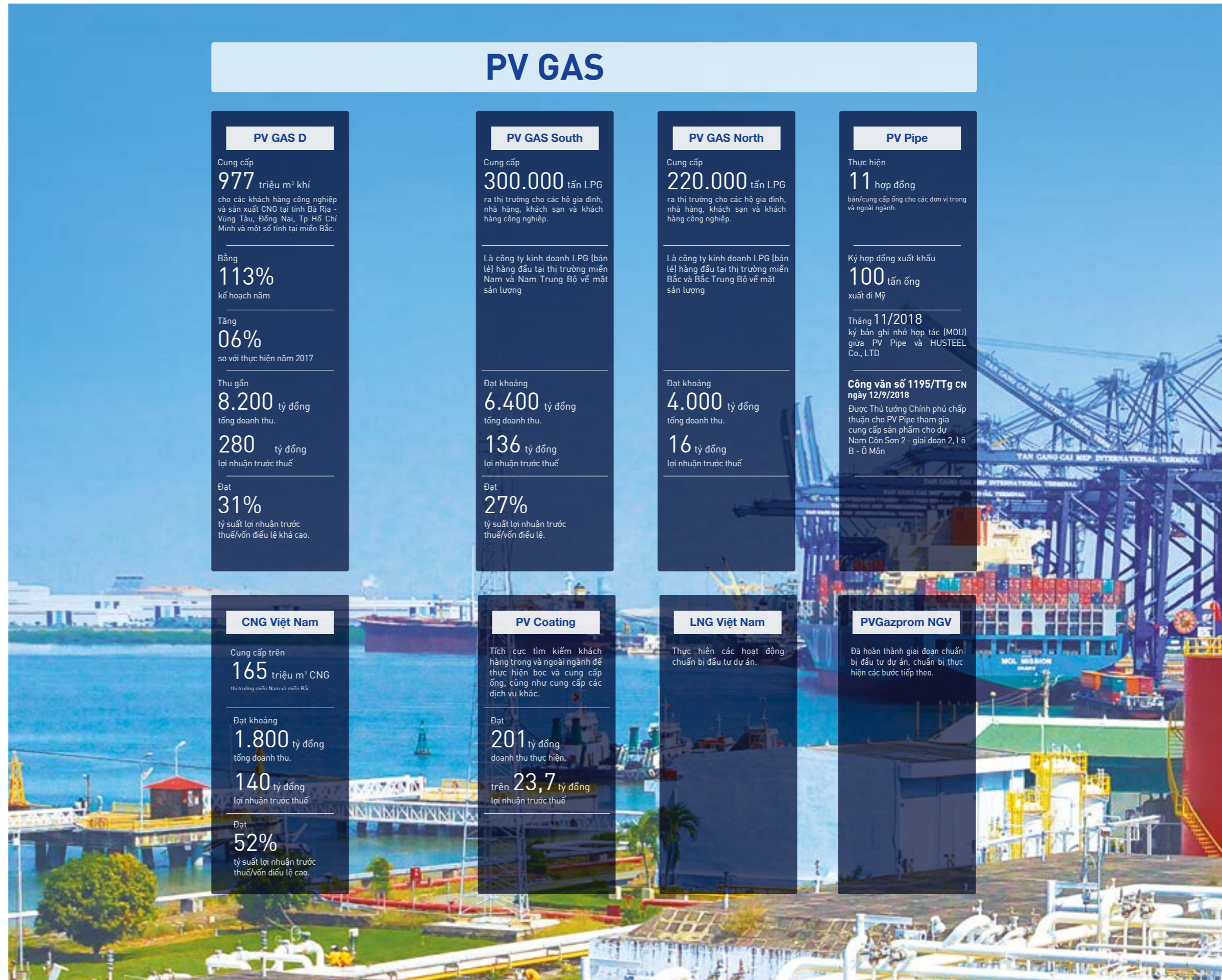
PV GAS North đã cung cấp ra thị trường gần 220.000 tấn LPG cho các hộ gia đình, nhà hàng, khách sạn và khách hàng công nghiệp. Sở hữu hệ thống cơ sở vật chất khá tốt với đầy đủ kho chứa, trạm nạp LPG, trạm sơn sửa kiểm định bình phân bố trên các khu vực thị trường kinh doanh,... PV GAS North hiện là công ty kinh doanh LPG (bán lẻ) hàng đầu tại thị trường miền Bắc và Bắc Trung Bộ về mặt sản lượng với tổng doanh thu đạt khoảng 4.000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt gần 16 tỷ đồng.

PV Pipe đã thực hiện ký được 11 hợp đồng bán/cung cấp ống cho các đơn vị trong và ngoài ngành; đặc biệt lần đầu tiên PV Pipe đã ký hợp đồng xuất khẩu khoảng 100 tấn ống đi Mỹ, ký bản ghi nhớ hợp tác (MOU) giữa PV Pipe và HUSTEEL Co., LTD tháng 11/2018; được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho PV Pipe tham gia cung cấp sản phẩm cho dự Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 2, Lô B - Ô Môn (Công văn số 1195/TTg-CN ngày 12/9/2018); bên cạnh đó, PV Pipe không ngừng việc theo dõi, cập nhật thông tin, chào giá cho các dự án/công ty trong và ngoài ngành.

PV Coating đã tích cực tìm kiếm khách hàng trong và ngoài ngành để thực hiện bọc và cung cấp ống, cũng như cung cấp các dịch vụ khác. Doanh thu thực hiện 201 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt trên 23,7 tỷ đồng.

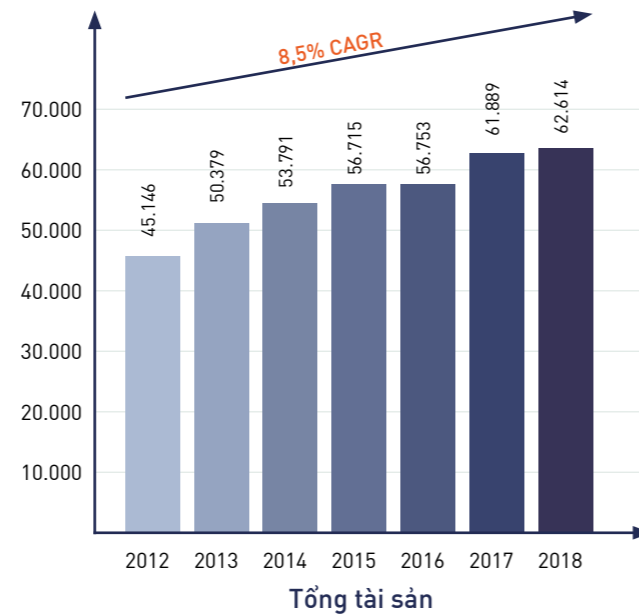
LNG Việt Nam thực hiện các hoạt động chuẩn bị đầu tư dự án.

PVGazprom NGV đã hoàn thành giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án, chuẩn bị thực hiện các bước tiếp theo.



Phân tích tình hình tài sản

Tổng tài sản của PV GAS tại 31/12/2018 là 62.614 tỷ đồng, tăng 1,2% so với tổng tài sản tại 31/12/2017. Tỷ lệ tăng trưởng Tổng tài sản bình quân từ 2012 đến 2018 là 8,5%/năm là do từ năm 2012, PV GAS đầu tư xây dựng công trình đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 – Giai đoạn 1 và Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau. Đây là mức tăng tài sản tương đối lớn đối với những doanh nghiệp có tổng tài sản lớn như PV GAS. Tuy nhiên, trong các năm trở lại đây, tỷ lệ tăng tài sản của PV GAS đã chậm lại do các công trình đường ống và nhà máy xử lý khí đã được hoàn thiện và đưa vào hoạt động.



Cơ cấu tài sản	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
TSNH/Tổng TS	0,45	0,56	0,62	0,60	0,59	0,62	0,65
TSDH/Tổng TS	0,54	0,43	0,37	0,40	0,41	0,38	0,35

Là một doanh nghiệp sản xuất, tỷ lệ tài sản dài hạn trung bình chiếm khoảng 40% tổng tài sản là một tỷ lệ an toàn và phù hợp với loại hình sản xuất kinh doanh.

Tình hình nguồn vốn:

Tính đến hết ngày 31/12/2018, nợ phải trả đạt 15.747 tỷ đồng, chiếm 25% tổng nguồn vốn và chủ yếu là nợ ngắn hạn. So với năm 2017, nợ phải trả đã giảm 20% do trước tình hình biến động về tỷ giá, PV GAS đã chủ động giảm gần 50% nợ vay dài hạn đối với các khoản vay ngoại tệ cho Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau.

Chỉ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu hiện chỉ ở mức 0,1 lần. Việc sử dụng nợ vay thấp giúp giảm bớt rủi ro về chi phí lãi vay và áp lực trả nợ gốc. Bên cạnh đó, chỉ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu thấp cũng thể hiện khả năng dễ dàng huy động vốn vay trong tương lai cho các dự án đầu tư của PV GAS khi cần thiết.

Cơ cấu nguồn vốn	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Nợ phải trả/Tổng NV	0,36	0,30	0,30	0,24	0,28	0,30	0,25
VCSH/Tổng NV	0,60	0,66	0,67	0,76	0,72	0,70	0,75
Hệ số nợ vay/VCSH	0,34	0,26	0,21	0,14	0,18	0,21	0,10

Mặc dù là đơn vị sản xuất với chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng lớn nhưng tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn luôn trên 50% và tỷ lệ này tăng dần từ năm 2012 và đạt 76% tại cuối năm 2018 do giai đoạn này PV GAS đã trả nợ rất nhiều hợp đồng tín dụng làm giảm số dư nợ vay tại thời điểm cuối năm. Hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu của PV GAS giảm dần từ 34% năm 2012 xuống còn 10% năm 2018. Tỷ trọng này thể

hiện lợi nhuận để tái đầu tư của PV GAS lớn và khả năng tự chủ về nguồn vốn để đầu tư của PV GAS cao. Với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh như trên và khả năng tự chủ về tài chính như trên, PV GAS là một doanh nghiệp được các tổ chức tín dụng đánh giá rất cao. Đây là một thuận lợi lớn của PV GAS trong việc thu xếp nguồn vốn để tiếp tục thực hiện các dự án lớn trong tương lai.

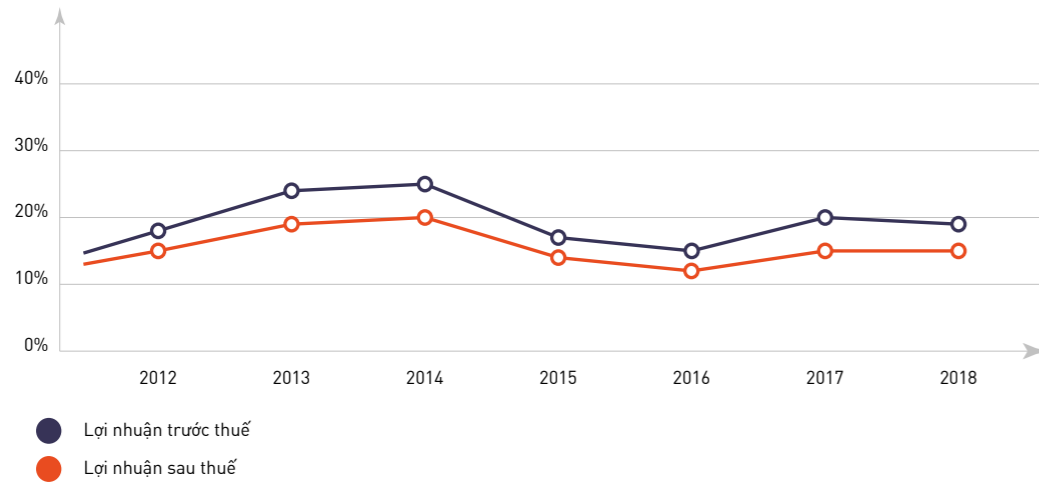


Khả năng sinh lời

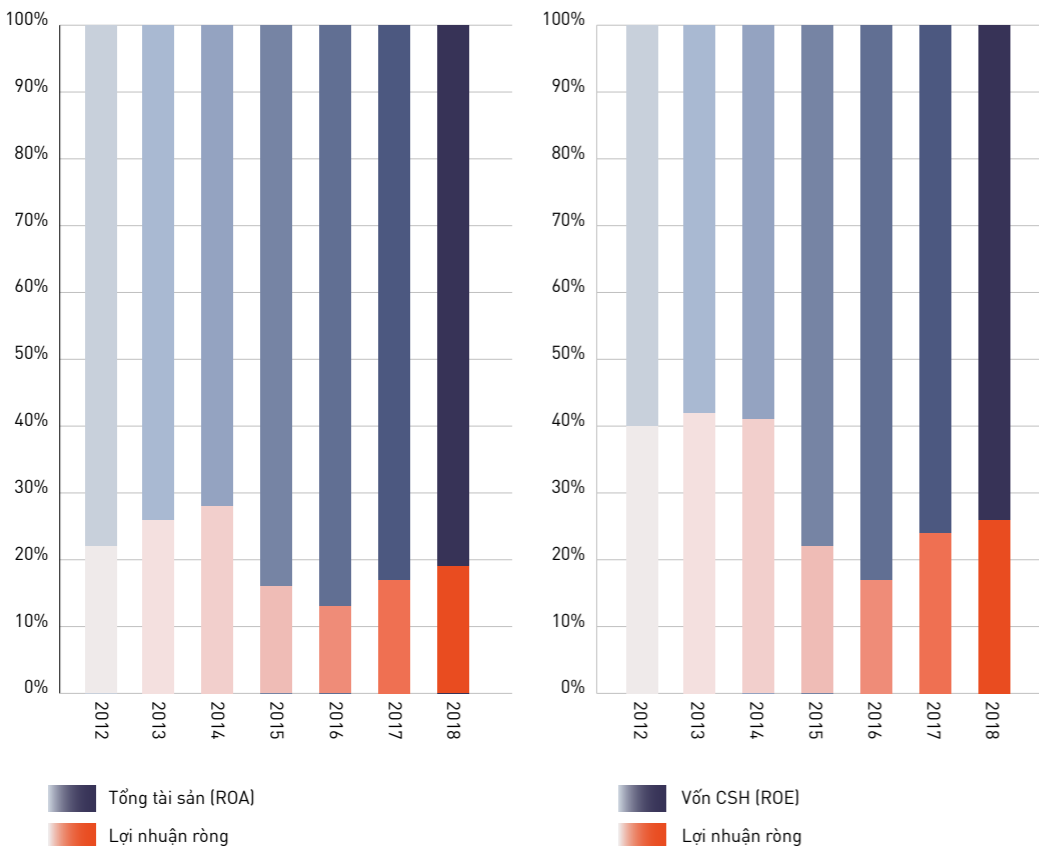
Các chỉ số về khả năng sinh lời năm 2018 đều tăng so với năm 2017 là do doanh thu, lợi nhuận của năm 2018 tăng do ảnh hưởng giá dầu tăng dẫn đến giá bán các sản phẩm khí tăng so với năm 2017.

Chi tiêu	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
LN trước thuế/Tổng Doanh thu	18%	24%	25%	17%	15%	20%	19%
LN sau thuế/Tổng Doanh thu	15%	19%	20%	14%	12%	15%	15%
Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản (ROA)	22%	26%	28%	16%	13%	17%	19%
Lợi nhuận ròng/Vốn CSH (ROE)	40%	42%	41%	22%	17%	24%	26%

Bản biểu phần trăm lợi nhuận trước và sau thuế



Bản biểu phần trăm lợi nhuận ròng



Hiệu quả sử dụng tài sản, vốn



Trải qua giai đoạn khó khăn từ 2012 đến năm 2018, khi mà tình hình tài chính của nền kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn và giá dầu thế giới cũng như trong nước giảm sâu, với vai trò là một đơn vị thành viên chủ chốt của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PV GAS vẫn duy trì thế dẫn đầu với tỷ lệ tăng trưởng ổn định qua các năm về doanh thu và lợi nhuận kinh doanh.

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh trong giai đoạn 2012 – 2018 ngày càng tăng. Với hệ số khả năng thanh toán như trên cho thấy năng lực tài chính của PV GAS tốt, khả năng thanh toán các khoản nợ tốt và không gặp khó khăn về tài chính khi các khoản nợ đến hạn. Bên cạnh chỉ số về hệ số nợ vay/Vốn CSH, đây cũng là một trong những chỉ số quan trọng để các tổ chức tín dụng đánh giá, xếp hạng doanh nghiệp và với chỉ số như trên là một thuận lợi cho PV GAS để thu xếp vốn vay trên thị trường tài chính trong và ngoài nước.



Chi tiêu	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Hệ số TT hiện hành (lần) = TSNH/Nợ NH	2,53	2,87	3,14	3,76	3,62	3,51	3,46
Hệ số TT nhanh =(Giá trị TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH	2,33	2,62	2,96	3,62	3,48	3,36	3,29

Vòng quay các Khoản phải thu, Hàng tồn kho

Vòng quay các khoản phải thu năm 2018 đạt 7,8 vòng (tương đương 46,80 ngày/vòng quay), so với năm 2017, số vòng quay các khoản phải thu năm 2018 tăng và thời gian quay vòng các khoản phải thu năm 2018 lại giảm nguyên nhân chủ yếu do:

- Doanh thu năm 2018 của PV GAS tăng so với năm 2017 do ảnh hưởng của giá dầu tăng dẫn đến giá bán các sản phẩm khí tăng so với năm 2017.
- Các khoản phải thu trung bình năm 2018 tăng nhẹ mặc dù các khoản phải thu ngắn hạn trong năm 2018 giảm mạnh so với năm 2017 do PV GAS ghi nhận doanh thu tăng cước phí vận chuyển khí và chênh lệch giá khí đến hạn phải trả.

Việc đạt được hiệu quả cao trong thu hồi nợ phải thu là do PV GAS luôn giám sát và tăng cường công tác quản lý nợ và thu hồi nợ, ban hành quy chế quản lý nợ chặt chẽ, phân tích tuổi nợ, phân loại nợ và lựa chọn khách hàng để hạn chế tối đa nợ xấu.

Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2018 là 32,35 vòng. Vòng quay hàng tồn kho của PV GAS biến động không theo xu hướng nhất định là do đặc thù kinh doanh LPG của PV GAS. Hoạt động kinh doanh LPG của PV GAS là hoạt động thương mại, trong trường hợp PV GAS nhập LPG vào thời điểm cuối năm tài chính thì số dư hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm sẽ cao (do PV GAS chưa kịp bán được nhiều LPG), trường hợp PV GAS nhập LPG vào thời điểm trước thời điểm kết thúc năm khoảng 20-30 ngày thì khi đó số dư hàng tồn kho LPG sẽ thấp. Về hoạt động kinh doanh LPG, PV GAS đã lập 01 tổ công tác LPG để thường xuyên theo dõi giá LPG cũng như xác định cung-cầu thị trường theo tháng để đảm bảo việc nhập khẩu và tiêu thụ LPG đạt hiệu quả, không để tình trạng ứ đọng hàng tồn kho.

Chi tiêu	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Vòng quay các khoản phải thu	11,08	11,54	13,37	9,72	5,88	6,13	7,80
Thời gian quay vòng khoản phải thu (ngày)	32,93	31,63	27,30	37,55	62,06	59,55	46,80
Thời gian quay vòng hàng tồn kho (ngày)	39,96	23,64	24,64	33,13	37,97	33,62	32,35
Hệ số nợ vay/Vốn CSH	9,13	15,44	14,81	11,02	9,61	10,86	11,28

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Bên cạnh việc chỉ đạo, điều hành để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thì trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng là một trong những ưu tiên được PV GAS đặt lên hàng đầu, luôn nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về môi trường, thể hiện trách nhiệm cao đối với môi trường và xã hội; cũng như hướng dẫn các nhà thầu, nhà cung cấp dịch vụ thực hiện việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.

PV GAS đã có nhiều cố gắng, chủ động triển khai công tác bảo vệ môi trường và thực tiễn hoạt động của công nghiệp khí từ rất sớm, tích hợp xây dựng Hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, ISO 14001, OHSAS 18001 (ISO DIS 45001) và là một trong những đơn vị đi tiên phong trong lĩnh vực an toàn, môi trường, từng bước hoàn thiện, cập nhật liên tục các quy định, quy trình về quản lý an toàn, môi trường, ứng phó với các sự cố đặc thù riêng của ngành khí. Đây là một nỗ lực không ngừng của PV GAS trong những năm hoạt động vừa qua, vì PV GAS đã nhận thức An toàn - Môi trường là vấn đề sống còn của doanh nghiệp hoạt động trong

Tích hợp xây dựng Hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế. ISO 9001, ISO 14001, OHSAS 18001 (ISO DIS 45001)



lĩnh vực khí/PV GAS, là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển PV GAS. Hệ thống quản lý tích hợp này được phát triển dựa trên một quá trình tuần hoàn hành động: "Hoạch định, thực thi, kiểm tra và đánh giá" (Plan - Do - Check - Act) và triển khai đồng bộ xuống các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên của PV GAS để đảm bảo PV GAS luôn đầu tư đầy đủ nhân lực, trang thiết bị cho công tác bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, PV GAS còn tích cực hưởng ứng, tham gia các chương trình an sinh xã hội trên khắp các địa bàn cả nước. Công tác an sinh xã hội được triển khai tích cực, thiết thực, đúng đối tượng; PV GAS đã ban hành Quy chế về hình thành, quản lý và sử dụng kinh phí cho mục đích an sinh xã hội. Trong năm, PV GAS thực hiện công tác an sinh xã hội trên 94 tỷ đồng. Công tác an sinh xã hội được tập trung tài trợ cho chương trình giáo dục đào tạo, y tế, xây dựng nhà đại đoàn kết, chương trình đền ơn đáp nghĩa, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu trợ nhân đạo.

Là một trong những đơn vị đi tiên phong trong lĩnh vực an toàn, môi trường, từng bước hoàn thiện, cập nhật liên tục các quy định, quy trình về quản lý an toàn, môi trường, ứng phó với các sự cố đặc thù riêng của ngành khí



Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
----------	-----	-------------------

SẢN LƯỢNG

Khí ẩm đưa vào	Tr.m³	9.750
Cửu Long	Tr.m ³	1.200
Nam Côn Sơn	Tr.m ³	6.500
PM3-Cà Mau	Tr.m ³	1.900
Hàm Rồng - Thái Bình	Tr.m ³	150
Khí sản xuất & tiêu thụ		
Khí khô	Tr.m ³	9.351
Condensate	10 ³ tấn	62
LPG Công ty mẹ	10 ³ tấn	1.220

TÀI CHÍNH

Tổng doanh thu	Tỷ Đ	63.908
Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	59.042
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	9.546
Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	9.340
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	7.643
Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	7.472
Vốn điều lệ	Tỷ Đ	19.139
Nợ ngân sách	Tỷ Đ	3.363
Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	3.263

CHỈ TIÊU KHÁC

Lao động cuối kỳ	Người	3.800
Trong đó Công ty mẹ	Người	1.340
Kinh phí đào tạo	Tỷ Đ	40
Kinh phí nghiên cứu khoa học	Tỷ Đ	10

Kế hoạch năm 2019 sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

Báo cáo đánh giá của Hội đồng Quản trị

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của PV GAS, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2018, PV GAS đã thực hiện thắng lợi hầu hết các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm. Đó là vận hành an toàn và liên tục hệ thống khí, không để xảy ra sự cố đáng tiếc nào ảnh hưởng đến con người và uy tín của PV GAS; hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng từ 05-53% (sản xuất và cung cấp gần 9,7 tỷ m³ khí, trên 1,7 triệu tấn LPG, trên 96 ngàn tấn Condensate), trong đó chỉ tiêu sản lượng LPG và Condensate về đích trước kế hoạch từ 02-03 tháng; các chỉ tiêu tài chính hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 38-85% với gần 76 nghìn tỷ đồng doanh thu,

trên 14 nghìn tỷ đồng lợi nhuận trước thuế và tăng từ 16-18% so với năm 2017, đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước và Tập đoàn.

Trong năm 2018, PV GAS cũng đã hoàn thành đầu tư, đưa dự án nâng cao hiệu suất thu hồi LPG tại Dinh Cố vào hoạt động, góp phần gia tăng giá trị khí; tổ chức khánh thành và chính thức đưa GPP Cà Mau vào hoạt động, góp phần gia tăng giá trị khí từ nguồn PM3.

Chỉ tiêu	Đvt	KH18	TH18	TH18/KH18
Khí ẩm	Tỷ m ³	9.707	10.001	103 %
Khí tiêu thụ	Tỷ m ³	9.259	9.695	105 %
Condensate tiêu thụ	1000T	63	96	153 %
LPG (công ty mẹ) tiêu thụ	1000T	1.125	1.508	134 %
Tổng doanh thu	Tỷ Đ	55.726	77.127	138 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	8.036	14.540	181 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	6.428	11.709	182%
Tỷ suất LNST/VĐL	%	34	61	-
Nộp Ngân sách Nhà nước	Tỷ Đ	2.927	5.401	185%
Giải ngân vốn ĐTXD (công ty mẹ)	Tỷ Đ	1.311	1.055	72 %



Công tác an toàn luôn được PV GAS chú trọng, đặt lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. PV GAS đã xây dựng và ban hành các chương trình, chỉ thị, kế hoạch triển khai công tác an toàn; thường xuyên kiểm tra, đánh giá định kỳ; tổ chức thành công và thực hiện nghiêm túc nội dung kết luận Hội nghị an toàn PV GAS; duy trì việc tổ chức hội thao/ diễn tập phòng cháy chữa cháy với nhiều lực lượng tham gia trên các công trình khí.



Các dự án đầu tư xây dựng luôn được kiểm tra, đảm bảo an toàn trong quá trình xây dựng lắp đặt cũng như trước và trong quá trình chạy thử (Dự án Nhà máy xử lý Khí Cà Mau, Nâng cao hệ số thu hồi LPG Dinh Cố; triển khai các biện pháp tăng cường công tác an ninh, đảm bảo an toàn trong các đợt dừng khí; truyền thông an ninh an toàn cho các doanh nghiệp và nhân dân; hội thảo về công tác đảm bảo an ninh an toàn đường ống dẫn khí biển cho các Doanh nghiệp vận tải biển; diễn tập chống khủng bố, giải cứu con tin (công trình khí Cà Mau);...PV GAS đã phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển trong công tác tuần tra, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ các công trình khí; làm việc với các đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng (đoàn kiểm tra thuộc Bộ lao động thương binh và xã hội về an toàn vệ sinh lao động, đoàn thanh tra Cục PCCC về chấp hành các qui định PCCC cho công trình khí, đoàn kiểm tra Cục cảnh sát môi trường C49 - Bộ công an làm việc tại Cà Mau...). Kết quả là các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động an toàn, không để sự cố đáng tiếc nào xảy ra gây ảnh hưởng đến con người, tài sản cũng như uy tín của PV GAS.

Hoạt động vận hành, sản xuất của PV GAS bắt đầu kể từ khi có dòng khí đầu tiên vào bờ vào năm 1995 đến nay, diễn ra liên tục suốt các ngày trong năm và 24/24 giờ; bắt đầu từ các mỏ khí ngoài khơi biển Việt Nam đến các địa điểm giao nhận khí, sản phẩm khí với khách hàng; kết nối trực tiếp với các chủ mỏ, bên bán khí, chủ đường ống, nhà máy điện, nhà máy đạm, công ty kinh doanh LPG, Condensate, bên vận chuyển và nhà thầu, PV GAS D,... bao gồm: Hệ thống khí Cửu Long; hệ thống khí Nam Côn Sơn; hệ thống khí PM3; hệ thống khí Hàm Rồng - Thái Bình.

Hoạt động bảo dưỡng sửa chữa của PV GAS được thực hiện nhằm mục đích duy trì trạng thái vận hành liên tục, ổn định, hiệu quả của các công trình khí; ngăn ngừa, khắc phục nhanh chóng sự cố làm gián đoạn quá trình vận hành, sản xuất; trên hết là cho mục tiêu an toàn - chất lượng - hiệu quả; được phân cấp thực hiện cho các công ty trực thuộc - những đơn vị trực tiếp quản lý và vận hành các công trình khí (bao gồm Công ty vận chuyển khí Đông Nam Bộ, Công ty khí Cà Mau, Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn, Công ty chế biến khí Vũng Tàu, Công ty dịch vụ khí) với các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, kiểm định hiệu chuẩn; bảo dưỡng sửa chữa ngăn ngừa; bảo dưỡng sửa chữa đột xuất các công

trình khí của PV GAS. Việc thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa về mặt khối lượng công việc, tiến độ và chất lượng đóng vai trò quan trọng, góp phần giúp hoạt động vận hành, sản xuất, kinh doanh của PV GAS an toàn, không xảy ra sự cố nghiêm trọng nào trong suốt 28 năm qua. Năm 2018, PV GAS thực hiện các hoạt động BDSC thường xuyên, ngăn ngừa và kiểm định hiệu chuẩn cho các thiết bị/hệ thống công trình khí.

Công tác kinh doanh khí khô: Tương ứng với sản lượng khí ẩm và sản xuất, sản lượng khí cung cấp cho các khách hàng là 9.695 triệu m³, bằng 105% kế hoạch năm, trong đó khách hàng điện chiếm tỷ trọng 80% sản lượng khí tiêu thụ, đạm 11%, khách hàng công nghiệp khác 09%.

Hoạt động kinh doanh LPG của PV GAS: Năm 2018, PV GAS đã hoàn thành kế hoạch sản lượng LPG ở mức cao và hiệu quả. Đã cung cấp ra thị trường 1.508 ngàn tấn LPG (Dinh Cố 266 ngàn tấn, Cà Mau 155 ngàn tấn, Dung Quất 93 ngàn tấn, nhập khẩu tiêu thụ trong nước 464 ngàn tấn, xuất khẩu 301 ngàn tấn, kinh doanh quốc tế 229 ngàn tấn), bằng 134% kế hoạch năm (tăng 12% so với thực hiện năm 2017), ứng với doanh thu 21.347 tỷ đồng (chiếm 26% doanh thu toàn PV GAS), bằng 200% kế hoạch năm. Nếu tính cả đơn vị thành viên trừ phần trùng thì PV GAS cung cấp ra thị trường 1.712 ngàn tấn LPG (trong nước 1.181 ngàn tấn, đáp ứng 60% thị phần LPG cả nước). Với lợi thế về cơ sở vật chất, nguồn hàng, đội ngũ nhân viên và đối tác kinh doanh, PV GAS tiếp tục giữ vững vị trí là nhà sản xuất và kinh doanh LPG số 01 tại thị trường Việt Nam và là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam có khả năng nhập khẩu LPG lạnh từ Trung Đông.

Vận chuyển khí: Năm 2018, PV GAS vận chuyển 6.408 triệu m³ khí Nam Côn Sơn, trên 86 nghìn tấn Condensate Nam Côn Sơn, Hải Thạch - Mộc Tinh và 1.922 triệu m³ khí PM3, đáp ứng 100% yêu cầu của bên thuê.

Bên cạnh những thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính, nhận thức và thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, công tác tái cấu trúc, nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, tiết giảm chi phí, hợp tác đầu tư, lao động, tiền lương, an sinh xã hội... cũng đạt kết quả tốt, cùng đóng góp vào thành công chung của PV GAS trong năm 2018 về mặt hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cũng như những đóng góp cho cộng đồng.

Với kết quả đạt được của năm 2018, PV GAS tiếp tục duy trì thuộc Top đầu các đơn vị trong Tập đoàn có các chỉ số tài chính tốt: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu đạt 26%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ đạt 64%, nợ phải trả/tổng tài sản 27%; đóng góp khoảng 22% doanh thu và 28% lợi nhuận toàn Tập đoàn; cung cấp khí ổn định để sản xuất gần 30% sản lượng điện, 70% đạm, đáp ứng gần 60% thị phần LPG cả nước.



Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty

Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành trong năm 2018, cụ thể:

- Triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao, đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018;
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc;
- Thường xuyên báo cáo đầy đủ trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi phát sinh vấn đề vượt phân cấp thẩm quyền quyết định của Ban Tổng giám đốc;
- Rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt;
- Làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị;
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh chuyên nghiệp, trung thực, cần trọng, với tinh thần trách nhiệm

cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của PV GAS và cổ đông;

- Có tầm nhìn chiến lược lâu dài và hoạch định sẵn sàng các kế hoạch, giải pháp linh hoạt, nhạy bén để sẵn sàng đối phó với các bất lợi, rủi ro.
- Kết quả là PV GAS đã vận hành an toàn hệ thống khí, không để sự cố đáng tiếc nào xảy ra gây ảnh hưởng đến con người, tài sản cũng như uy tín của PV GAS; hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2018, tăng trưởng so với năm 2017, trong đó các chỉ tiêu tài chính về đích trước kế hoạch 02-03 tháng với gần 76 nghìn tỷ đồng doanh thu, trên 14 nghìn tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước và PVN, nằm trong Top đầu các đơn vị trong PVN; tiếp tục cung cấp khí ổn định để sản xuất gần 30% sản lượng điện, 70% nhu cầu đạm, cung cấp 60% sản lượng LPG cả nước; vinh dự được trao nhiều tổ chức có uy tín trao tặng các danh hiệu, giải thưởng cao quý; và đảm bảo giá trị cổ tức theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;...

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2019 vẫn có thể là một năm đầy khó khăn, thách thức đối với PV GAS khi bên cạnh những ảnh hưởng của kinh tế, chính trị thế giới, thì nội tại PV GAS phải đối diện và giải quyết các vấn đề về biến động giá dầu; về chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày càng tăng theo số năm vận hành công trình khí; về việc phải trình duyệt nhiều lần cước phí, giá phí mặc dù công trình khí đã đi vào hoạt động một thời gian dài; về suy giảm nguồn khí trong nước giá thấp trong khi nguồn khí mới bổ sung chưa được kịp thời hoặc sản lượng nhỏ, không còn thuận lợi về giá và chi phí đầu tư cao hơn, thủ tục, quy định về đầu tư phức tạp hơn so với trước đây... Vì vậy, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2019, HĐQT đã xác định những nội dung chính cần thực hiện như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc.
- Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, tham gia các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc để cùng Ban Tổng giám đốc kịp thời xử lý công việc.
- Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của HĐQT và các cấp có thẩm quyền.

Chi đạo:

Vận hành an toàn, liên tục, hiệu quả và đảm bảo công tác an ninh, an toàn các công trình khí hiện có và trong mọi hoạt động; thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa, dự báo, ấn định, cung cấp tối đa khí và các sản phẩm khí cho khách hàng.

Triển khai kế hoạch năm 2019 với các giải pháp linh hoạt, nhạy bén... để hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2019.

Rà soát, trình duyệt và triển khai Chiến lược phát triển PV GAS đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 với mục tiêu phát triển bền vững của PV GAS.

Triển khai quyết liệt, kiểm soát tiến độ, chất lượng, chi phí các dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án trọng điểm Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 2, Sao Vàng - Đại Nguyệt, Sư Tử Trắng, kho chứa LNG 1 triệu tấn tại Thị Vải,....

Làm việc với cấp có thẩm quyền, khách hàng về cơ chế giá khí mới (giá khí, cước phí). Ký kết/quản lý/ khai thác hiệu quả các hợp đồng mua bán, vận chuyển khí. Không ngừng đẩy mạnh công tác phát triển thị trường tiêu thụ khí. Chuẩn bị các phương án sẵn sàng với thị trường khí giá cao. Hoàn thiện mô hình, chiến lược kinh doanh LNG.

Triển khai tích cực Chiến lược phát triển bán lẻ LPG dân dụng giai đoạn 2016 - 2020, Chiến lược thương hiệu, truyền thông phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS.

Ký kết các thỏa thuận, hợp đồng mua khí tại nước ngoài bổ sung cho nguồn trong nước. Tăng cường công tác nghiên cứu, tìm kiếm, phát triển các nguồn khí mới trong và ngoài nước, tham gia đầu tư thượng nguồn khí có điều kiện thuận lợi.

Hoàn thiện, đẩy mạnh việc triển khai áp dụng Hệ thống quản trị nguồn nhân lực và đẩy mạnh công tác tái cấu trúc PV GAS trong trung và dài hạn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS.

Khai thác hiệu quả cơ sở vật chất các kho chứa. Thi đua lao động sáng tạo, hợp lý hóa sản xuất. Kiểm soát chi phí, thực hiện tiết giảm hợp lý chi phí trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, tài chính,... Thực hiện hoạt động an sinh xã hội thiết thực, hiệu quả, góp phần lan tỏa hình ảnh, thương hiệu PV GAS.

Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với quy định của Nhà nước, PVN và tình hình thực tiễn tại PV GAS.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống quản trị, kiểm soát. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động và việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, PVN, PV GAS tại các đơn vị trong PV GAS.

Mục tiêu phấn đấu năm 2019: Vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo an ninh các công trình khí; đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư; cung cấp trên 9,3 tỷ m³ khí cho các hộ tiêu thụ, tổng doanh thu toàn PV GAS đạt trên 63,9 nghìn tỷ, tiếp tục là đơn vị chủ lực của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và đạt được kỳ vọng của cổ đông PV GAS.



Mục tiêu năm 2019

Cung cấp khí cho các hộ tiêu thụ

trên 9,3 tỷ m³

Tổng doanh thu toàn PV GAS

trên 63,9 nghìn tỷ

“Hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2018, tăng trưởng so với năm 2017, trong đó các chỉ tiêu tài chính về đích trước kế hoạch 02-03 tháng với gần 76 nghìn tỷ đồng doanh thu, trên 14 nghìn tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước và PVN, nằm trong Top đầu các đơn vị trong PVN”



Quản trị doanh nghiệp

Báo cáo về hoạt động của Hội đồng Quản trị

Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2018

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Ông Nguyễn Sinh Khang	Chủ tịch	26/12/2018	02/10	20%	Được bầu từ ngày 26/12/2018, căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-KVN ngày 26/12/2018
Ông Lê Như Linh	Chủ tịch	23/04/2015 - 26/12/2018	08/10	80%	Chuyển công tác
Ông Dương Mạnh Sơn	Thành viên kiêm TGĐ	09/05/2015	10/10	100%	
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên	15/04/2016	10/10	100%	
Bà Võ Thị Thanh Ngọc	Thành viên	20/10/2015	10/10	100%	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Độc lập	27/04/2018	05/10	50%	Được bầu từ ngày 27/04/2018, căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-ĐHĐCD ngày 27/04/2018
Ông Đỗ Đông Nguyên	Thành viên Độc lập	27/04/2018	06/10	60%	Được bầu từ ngày 27/04/2018, căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-ĐHĐCD ngày 27/04/2018



Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

HDQT đã hoàn thành nhiệm vụ chỉ đạo và giám sát đối với Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành PV GAS thông qua việc:

- Thường xuyên tổ chức, chủ trì, đồng chủ trì, tham gia các cuộc họp của HĐQT, của Ban Tổng giám đốc:
 - Tổ chức 10 cuộc họp HĐQT vào các ngày 23/02/2018, 03/04/2018, 16/04/2018, 27/04/2018, 19/06/2018, 27/09/2018, 01/11/2018, 09/11/2018, 21/12/2018, 26/12/2018. Gần như 100% số lượng thành viên HĐQT trực tiếp tham gia cuộc họp.
 - Tổ chức cuộc họp ĐHĐCD thường niên năm 2018 vào ngày 27/04/2018. 100% số lượng thành viên HĐQT trực tiếp tham gia cuộc họp.
 - Tổ chức cuộc họp ĐHĐCD bất thường năm 2018 vào ngày 26/12/2018. 100% số lượng thành viên HĐQT trực tiếp tham gia cuộc họp.
 - Chủ trì/đồng chủ trì nhiều cuộc họp quan trọng liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức, nhân sự, tái cấu trúc,... của PV GAS.
 - Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban Tổng giám đốc (khi cần thiết).
- Xem xét các báo cáo, các đề xuất đánh giá của Ban kiểm soát, và từ bộ phận giúp việc về hoạt động của PV GAS và các Đơn vị thành viên.
- Trao đổi, làm rõ, yêu cầu giải trình đối với Ban Tổng giám đốc về việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của ĐHĐCD, HĐQT; đồng thời phân cấp phân định trách nhiệm rõ ràng giữa HĐQT và Tổng giám đốc phù hợp với các quy định hiện hành.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Căn cứ quy định của Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 về quản trị công ty, Điều lệ PV GAS và quy chế quản trị PV GAS, việc thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

HDQT đã thành lập Ban Kiểm soát Nội bộ để giúp việc cho HĐQT trong việc giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản trị và quản lý điều hành trong PV GAS; phối hợp hỗ trợ Ban Kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV GAS.



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị.

Trong năm 2018, HĐQT đã ban hành 195 Nghị quyết, Quyết định của HĐQT PV GAS để quản lý, điều hành PV GAS, điển hình như sau:

Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
09/NQ-KVN	25/01/2018	Thông qua các nội dung chính của Hợp đồng mua bán khí thiên nhiên thuộc vỉa khí - Condensate khu vực Đông Bắc Rồng.
10/NQ-KVN	25/01/2018	Thông qua các nội dung chính của Bổ sung số 01 Hợp đồng mua bán khí và Condensate mỏ Thiên Ưng và mỏ Đại Hùng.
12/NQ-KVN	25/01/2018	Thông qua các nội dung chính của hợp đồng mua bán khí cho GPP Cà Mau.
13/NQ-KVN	30/01/2018	Phê duyệt kế hoạch năm 2018 của Công ty mẹ - PV GAS
147/QĐ-KVN	08/02/2018	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thực hiện trước khi điều chỉnh KHLCNT tổng thể DA Kho chứa LNG 1 MMTPA tại Thị Vải.
35/NQ-KVN	23/02/2018	Thông qua các nội dung chính của Thỏa thuận bán Condensate Thiên Ưng với PV Oil.
37/NQ-KVN	23/02/2018	Thông qua phương án điều chỉnh các cam kết khối lượng khí trong các hợp đồng GSA của các Nhà máy điện.
39/NQ-KVN	01/03/2018	Thông qua các nội dung chính của Hợp đồng mua bán khí Sao Vàng Đại Nguyệt giữa Tập đoàn và PV GAS.
241 - 248/QĐ - KVN	06/03/2018	Ban hành Quy chế tài chính của các đơn vị trực thuộc.
253/QĐ-KVN	06/03/2018	Phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và chủ trương đầu tư xây dựng Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt.
42/NQ-KVN	06/03/2018	Thông qua chủ trương bán hoặc cho thuê tài sản công trình giàn Rồng Đồi Mồi và Rồng Mở Rộng cho VSP.
263/QĐ-KVN	07/03/2018	Chấm dứt hợp đồng EPC thuộc Dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn.
44/NQ-KVN	07/03/2018	Thông qua phương án làm việc với các nhà máy điện về việc tạm áp dụng cước phí vận chuyển bể Cầu Long và cước phí CCP-GDC trong cước phí vận chuyển khí TƯ-ĐH năm 2018 và các năm tiếp theo.
52/NQ-KVN	07/03/2018	Thông qua giá cổ phần Gas City để thực hiện thoái toàn bộ phần vốn của PV GAS tại Công ty CP Đầu tư phát triển Gas Đô thị.
60/NQ-KVN	03/04/2018	Ủy quyền phê duyệt và ban hành "Định mức kinh tế kỹ thuật Rev.09" và "Định mức vật tư vận hành và bảo dưỡng sửa chữa Rev.02" cho các công trình khí.
467/QĐ-KVN	24/04/2018	Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý vốn của PV GAS đầu tư vào doanh nghiệp khác.
69/NQ-KVN	24/04/2018	Chấp thuận chủ trương tăng tỷ lệ vốn góp của PV GAS tại KMB.
497/QĐ-KVN	04/05/2018	Phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng công trình "Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2" điều chỉnh.
76/NQ-KVN	15/05/2018	Thông qua nội dung chính của Hợp đồng mua bán khí thiên nhiên thuộc vỉa khí - Condensate khu vực Đông Bắc Rồng giữa Tập đoàn và PV GAS.
80/NQ-KVN	30/05/2018	Thông qua các nội dung chính của hợp đồng đấu nối dự án khí Sao Vàng - Đại Nguyệt giữa PV GAS và Chủ mỏ.
707/QĐ-KVN	12/06/2018	Ban hành "Quy chế trả lương, thù lao và trả thưởng đối với Người quản lý của PV GAS".
83/NQ-KVN	15/06/2018	Bổ sung Dự án thu gom và vận chuyển khí mỏ Tuna vào kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018 của Công ty mẹ - PV GAS và Công ty Quản lý Dự án Khí.
86/NQ-KVN	27/06/2018	Thông qua các nội dung chính của hợp đồng mua bán khí permeate gas từ nhà máy GPP Cà Mau cho PVCFC.
805/QĐ-KVN	03/07/2018	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT) giai đoạn 2 Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh.
875/QĐ-KVN	19/07/2018	Phân công trong Hội đồng Quản trị PV GAS.
89/NQ-KVN	30/07/2018	Thông qua phương án thu xếp vốn tổng thể để tài trợ Giai đoạn 2 của Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh.
90/NQ-KVN	31/07/2018	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 39/NQ-KVN ngày 01/03/2018 về việc thông qua các nội dung chính của Hợp đồng mua bán khí thiên nhiên từ Lô 05-1b và 05-1c giữa Tập đoàn và PV GAS.

Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
91/NQ-KVN	06/08/2018	Thông qua tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt.
1052/QĐ-KVN	29/08/2018	Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật (FEED) và dự toán xây dựng công trình dự án kho chứa LNG 1 MMTPA tại Thị Vải.
1190/QĐ-KVN	26/09/2018	Ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng đối với CBCNV của PV GAS.
108/NQ-KVN	18/10/2018	Thông qua nội dung chính của Ý Định Thư (LOI) LNG SPA từ dự án Alaska LNG của AGDC.
112/NQ-KVN	30/10/2018	Chấp thuận chủ trương hoàn trả chi phí Tập đoàn đã ứng trước giai đoạn trước khi chuyển giao quyền điều hành Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn.
1396/QĐ-KVN	01/11/2018	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn 2 của Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh.
115/NQ-KVN	06/11/2018	Thông qua quỹ tiền lương năm 2018 của các đơn vị thành viên thuộc PV GAS.
1401/QĐ-KVN	06/11/2018	Xếp loại mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ năm 2017 đối với Người đại diện giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên tại các đơn vị thành viên.
118/NQ-KVN	30/11/2018	Giao nhiệm vụ cho ông Phan Quốc Nghĩa.
1654/QĐ-KVN	25/12/2018	Phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu Thiết kế, mua sắm vật tư thiết bị, thi công xây dựng và chạy thử công trình (EPC) thuộc DA Kho chứa LNG 1 MMTPA tại Thị Vải.
127/NQ-KVN	26/12/2018	Bầu ông Nguyễn Sinh Khang giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị PV GAS.



Báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động trong năm 2018 của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của BKS theo quy định tại Điều lệ PV GAS và quy chế hoạt động của BKS, năm 2018 BKS đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của PV GAS như sau:

Công tác kiểm tra, giám sát

BKS thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm 2018 đối với các đơn vị (là các công ty trực thuộc và công ty cổ phần có vốn góp chi phối của PV GAS), phản ánh những kết quả đạt được, những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị và nêu kiến nghị, giải pháp khắc phục. Sau mỗi đợt kiểm tra, BKS thông báo cho HĐQT/Tổng giám đốc PV GAS để Tổng giám đốc ban hành các chỉ thị khắc phục, chấn chỉnh những tồn tại, thiếu sót đối với từng đơn vị.

Công tác giám sát cũng được thực hiện thông qua việc xem xét các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, và thông qua kết quả kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý Nhà nước, của cấp trên về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý sử dụng vốn, tài sản, hoạt động đầu tư, mua sắm, công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí và công tác tái cấu trúc.

Định kỳ hàng quý/năm, lập báo cáo kiểm tra, giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của PV GAS; trong đó, phản ánh những thuận lợi, khó khăn, những kết quả đã đạt được và những tồn tại, thiếu sót để báo cáo cơ quan cấp trên (PVN) theo quy chế của PVN ban hành.



Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018

Tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Kết quả thẩm định cho thấy:

Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của PV GAS tại thời điểm 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

Báo cáo tài chính năm 2018 của PV GAS đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán theo qui định tại Điều lệ PV GAS và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018.

Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2018 của PV GAS là lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn và phát triển vốn.

Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, lập và nộp báo cáo theo đúng quy định Nhà nước, phản ánh tính đúng đắn và toàn diện hoạt động tài chính của PV GAS.

Tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán đúng qui định.

Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán theo qui định của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thực hiện báo cáo quản trị đầy đủ theo quy định của PVN.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát

Trong năm BKS tổ chức 05 cuộc họp phân công nhiệm vụ cho các thành viên, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị, thống nhất nội dung thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá kết quả kiểm tra giám sát, và tổng kết tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ của cá nhân và tập thể BKS, cụ thể:

Nội dung các cuộc họp:

Lần 1: Ngày 02/01/2018

- Thông qua nội dung báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 và chương trình, kế hoạch hoạt động năm 2018 của BKS.
- Thống nhất nội dung chủ yếu trong công tác kiểm tra giám sát các đơn vị.

Lần 2: Ngày 16/04/2018

- Thông qua nội dung thẩm định BCTC quý 01/2018.
- Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS.

Lần 3: Ngày 06/11/2018

- Thông qua nội dung báo cáo hoạt động của Tổ công đoàn BKS năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019.
- Thông qua bầu Tổ trưởng tổ công đoàn BKS nhiệm kỳ 2019-2022.

Lần 4: Ngày 15/11/2018

- Đánh giá tình hình kiểm tra giám sát các đơn vị năm 2018: Do thay đổi trong cách phối hợp kiểm tra đơn vị giữa BKS, KSNB và đoàn kiểm tra của TCT nên BKS không chủ động trong việc thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát của Ban đối với các đơn vị, chưa kiểm tra một số đơn vị theo kế hoạch đề ra.
- Thảo luận thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị trong năm 2019.

Lần 5: Ngày 19/11/2018

- Bình xét thi đua khen thưởng theo hướng dẫn 2215/KVN-PTNL.

Ngoài ra, BKS thường xuyên họp rút kinh nghiệm và trao đổi các vấn đề phát sinh liên quan chức năng nhiệm vụ của Ban theo qui chế hoạt động của BKS.

BKS đã tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của ban TGD, tham gia các cuộc họp của Ban lãnh đạo Tổng công ty với các phòng ban, đơn vị trực thuộc, các đơn vị thành viên.

Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm 2018

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

- HDQT đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- HDQT đã ban hành 200 Nghị quyết, Quyết định và các Chỉ thị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và tổ chức nhân sự theo đúng quy định tại Điều lệ PV GAS.
- HDQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc PV GAS điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông giao cho.
- HDQT đã thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp, ổn định hoạt động của PV GAS, cải tiến công tác quản trị, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục.
- HDQT đã tiếp tục công tác thúc đẩy các hoạt động hợp tác, tìm kiếm cơ hội đầu tư trong và ngoài nước nhằm tìm thêm các nguồn khí, phát triển hệ thống đường ống thu gom, vận chuyển, xây dựng các kho chứa và chủ động tạo lập thị trường kinh doanh khí, quảng bá thương hiệu của PV GAS trên thị trường trong nước và quốc tế.

Hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chức năng phối hợp hiện nghiêm túc các Nghị quyết/ Quyết định/Chỉ thị của HĐQT và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao và đã hoàn thành xuất sắc, vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
- Nghiêm túc thực hiện các kiến nghị tại biên bản của Kiểm toán nhà nước, thanh tra Bộ xây dựng về các dự án đầu tư xây dựng 2017.
- Ban Tổng giám đốc đã tăng cường công tác quản lý, đánh giá phân loại và có các biện pháp thu hồi, xử lý với các khoản nợ, hạn chế bị chiếm dụng vốn ảnh hưởng đến công tác cân đối vốn, dòng tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác xử lý vật tư hỏng, không còn giá trị sử dụng, vật tư chậm luân chuyển còn chậm.
- Ban Tổng giám đốc đã tiếp tục rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt.
- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tái cấu trúc cơ cấu tổ chức của các ban, văn phòng cơ quan điều hành Tổng công ty, tiếp tục triển khai tái cấu trúc các đơn vị.
- Ban Tổng giám đốc đã làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.
- Công tác tuyển dụng tại PV GAS thực hiện đúng quy trình, quy chế về tuyển dụng, đúng nhu cầu cần thiết cho công việc. Công tác nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn lực có nhiều chuyển biến tích cực và được quán triệt đến từng công ty trực thuộc, thành viên, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
- Tiền lương và chế độ chính sách: PV GAS thực hiện nâng/điều chỉnh lương kịp thời cho CBCNV khi đến thời hạn, thực hiện chi trả lương đúng quy định, quy chế hiện hành.



Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm 2018

Giữa BKS và HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV GAS luôn có sự phối hợp chặt chẽ. BKS đã nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu, cử cán bộ làm việc với BKS khi có yêu cầu. Các báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát của BKS đều được gửi tới HĐQT và Ban Tổng giám đốc.



Báo cáo về chế độ, chính sách tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

PV GAS xây dựng và áp dụng chế độ tiền lương, tiền thưởng cho người quản lý của PV GAS phù hợp với Thông tư 28/2016/TT-BLĐT-BXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước và quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Thu nhập thực tế phụ thuộc theo chức danh công việc đảm nhận và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên, đồng thời hài hòa với chính sách nhân viên của PV GAS.

- Quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện trước thuế năm 2018 của HĐQT: Dự kiến là 7.614.056.203 đồng, bao gồm tiền lương là 6.768.049.957 đồng, tiền thưởng là 846.006.246 đồng.
- Quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện trước thuế năm 2018 của BKS: Dự kiến là 3.421.322.782 đồng, bao gồm tiền lương là 3.041.175.807 đồng, tiền thưởng là 380.146.975 đồng.
- Quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện trước thuế năm 2018 của Ban TGD: Dự kiến là 8.991.871.016 đồng, bao gồm tiền lương là 7.992.774.236 đồng, tiền thưởng là 999.096.780 đồng.

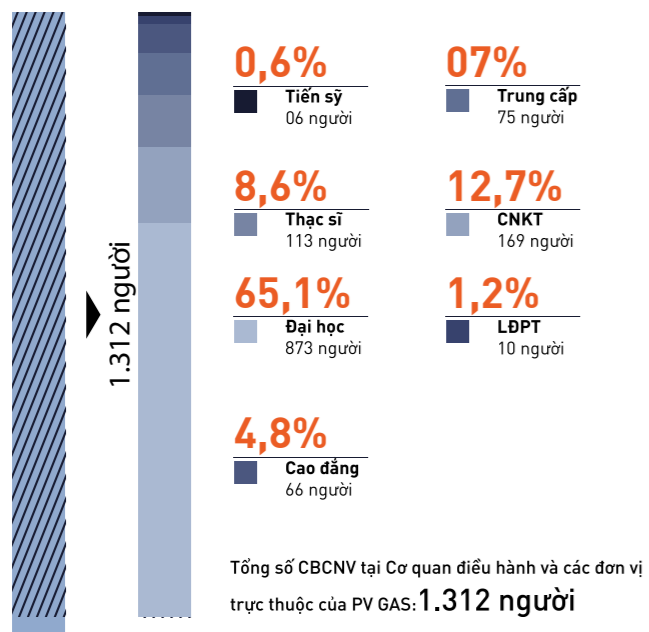
Báo cáo phát triển bền vững



Phát triển nguồn lực

Số lượng, trình độ CBCNV trong năm 2018

Tổng số CBCNV tại Cơ quan điều hành, các đơn vị trực thuộc và các đơn vị thành viên của PV GAS là **3.591** người



Về giới tính, gần 80% là nam giới.

- Tính đến ngày 31/12/2018, tổng số CBCNV tại Cơ quan điều hành, các đơn vị trực thuộc và các đơn vị thành viên của PV GAS là 3.591 người, trong đó tổng số CBCNV tại Cơ quan điều hành và các đơn vị trực thuộc của PV GAS có là 1.312 người được phân chia theo trình độ như biểu đồ đính kèm.
- Về ngành nghề đội ngũ lao động mà PV GAS đang sử dụng rất đa dạng lên đến gần 20 nhóm ngành nghề khác nhau, tập trung nhiều trong các lĩnh vực kỹ thuật (trên 60%). Điều này là do đặc thù hoạt động trong ngành công nghiệp khí.
- Về giới tính, cũng do đặc thù hoạt động trong ngành công nghiệp khí nên gần 80% là nam giới, trong đó tập trung vào các lĩnh vực vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, xây dựng công trình khí.
- Với tỷ lệ lao động có trình độ cao chiếm tỷ lệ khá cao, trình độ từ Đại học trở lên chiếm 75,6% tập trung trong nhóm lao động quản lý cấp cao và cấp trung, nhóm chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật. Đây là lợi thế rất lớn của PV GAS trong việc phát triển nguồn nhân lực.
- Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, trưởng thành qua thực tiễn sản xuất kinh doanh, đáp ứng với sự phát triển và hội nhập, điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhiều năm liền.



Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Năm 2018, Công tác đào tạo của PV GAS đã cơ bản đáp ứng yêu cầu cung cấp kiến thức, kỹ năng, cập nhật văn bản pháp luật để phục vụ tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và xây dựng Hệ thống quản trị nguồn nhân lực. Kết quả thực hiện công tác đào tạo năm 2018 như sau:



- Đào tạo đầy đủ các khóa theo yêu cầu pháp luật đảm bảo tuân thủ quy định của Nhà nước trong hoạt động SXKD tại đơn vị.
- Hoàn thành việc xây dựng Bộ dữ liệu đánh giá năng lực nhân viên cho các lĩnh vực kỹ thuật, vận hành, bảo dưỡng sửa chữa trong toàn PV GAS.
- Đã đáp ứng được nhu cầu ngắn hạn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Cung cấp kiến thức pháp luật nhằm đảm bảo các hoạt động SXKD tuân thủ theo quy định của pháp luật và toàn thể người lao động được cập nhật văn bản pháp luật mới.
- Triển khai xây dựng chương trình đào tạo dài hạn, chuyên sâu cho lĩnh vực: Điện, điều khiển – tự động hóa, chống ăn mòn đường ống, LNG...
- Triển khai việc xây dựng và đánh giá công nhận đội ngũ kỹ sư đầu ngành nhằm từng bước thay thế các chuyên gia bên ngoài, làm chủ công nghệ và chủ động trong việc xử lý các sự cố, tình huống khẩn cấp.
- Về xây dựng Hệ thống Quản trị nhân lực:
 - Tổng công ty đã thực hiện hoàn thiện việc xây dựng chức năng nhiệm vụ các Ban chức năng thuộc Cơ quan điều hành sau tái cơ cấu.
 - Tiếp tục triển khai các công việc trong dự án xây dựng Hệ thống Quản trị nhân lực tại Cơ quan điều hành (xây dựng Hệ thống đánh giá năng lực, KPIs, bản mô tả công việc...).
- Tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu các đơn vị trực thuộc PV GAS và triển khai áp dụng hệ thống Quản trị nhân lực tại các đơn vị trực thuộc.

Chính sách liên quan đến người lao động

PV GAS đã xây dựng và ban hành chính sách nhân viên theo các quy định của Nhà nước, Tập đoàn và đặc thù của PV GAS với cơ chế trả lương, trả thưởng linh hoạt, có tính cạnh tranh theo cơ chế thị trường nhằm giữ và thu hút nhân tài trong và ngoài nước làm việc lâu dài tại PV GAS, cụ thể như sau:

- PV GAS đảm bảo được việc làm cho người lao động, hầu hết người lao động được bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn và khả năng, không có trường hợp nào ngừng việc hoặc mất việc.
- Đảm bảo tiền lương, thu nhập cao và ổn định để người lao động yên tâm công tác; việc trả lương, trả thưởng và các chế độ đãi ngộ khác dựa trên năng lực thực sự và hiệu quả công việc của từng cá nhân.
- Thưởng thành tích định kỳ và đột xuất cho cá nhân và đơn vị, thưởng sáng kiến cải tiến; thưởng vận hành an toàn công trình khí; thưởng nhân các ngày lễ của quốc gia và sự kiện đặc biệt của Tập đoàn, PV GAS.
- Các loại phụ cấp đặc thù ngành khí được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc của từng vị trí công việc.
- Khám và theo dõi sức khỏe định kỳ; trợ cấp, tặng quà nhân các sự kiện đặc biệt của người lao động.
- Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước; chế độ bảo hiểm tự nguyện mang tính phúc lợi cao cho người lao động (Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm tai nạn, sinh mạng và phẫu thuật nằm viện).
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho người lao động.
- Tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và môi trường. PV GAS có môi trường làm việc chuyên nghiệp, luôn áp dụng công nghệ tiên tiến và trang thiết bị hiện đại.
- Năm 2018 có 100 kiến nghị được người lao động đưa ra tại các buổi đối thoại định kỳ. Tất cả các kiến nghị đều được Tổng công ty và các công ty con, công ty thành viên xem xét, xử lý thỏa đáng.



Thực hiện trách nhiệm xã hội

Bên cạnh trọng trách đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia một cách bền vững, đảm bảo mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động và các cổ đông, PV GAS còn tập trung chú trọng đến trách nhiệm đối với người lao động, cộng đồng và xã hội.

Tổ chức Công đoàn PV GAS thường xuyên quan tâm, tổ chức các hoạt động phong trào văn hóa, thể thao, các hoạt động hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn nhằm gắn kết tinh thần đoàn kết trong toàn thể CBCNV PV GAS.



Ban nữ công PV GAS thường xuyên tổ chức các hoạt động về nguồn giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại vùng sâu vùng xa, tổ chức các hội thảo chuyên đề cho các chị em phụ nữ trong các dịp Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.



Trong năm 2018, PV GAS đã dành ra ngân sách cho các chương trình ASXH với tổng số tiền trên 90 tỷ đồng để thực hiện trên 40 chương trình an sinh xã hội tại nhiều tỉnh thành trong cả nước, trong đó tập trung nhiều cho các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo. Cụ thể:

- Tài trợ trên 20 chương trình giáo dục (xây dựng trường học; ủng hộ các quỹ học bổng...): Hơn 55 tỷ đồng;
- Tài trợ trên 05 chương trình về Y tế (xây dựng trạm Y tế; tặng trang thiết bị y tế; tài trợ các chương trình khám bệnh cho người nghèo): Hơn 13 tỷ đồng;
- Tài trợ xây dựng Nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, tình thương, khắc phục hậu quả thiên tai, đến ơn đáp nghĩa và các hoạt động an sinh xã hội khác: Trên 20 tỷ đồng;
- Tính từ năm 2009 đến nay, PV GAS đã tài trợ cho công tác an sinh xã hội trên 900 tỷ đồng, những hoạt động an sinh xã hội thiết thực của PV GAS trong thời gian qua mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

PV GAS dành ngân sách cho các chương trình ASXH



Hơn 55 tỷ đồng Tài trợ trên 20 chương trình giáo dục (xây dựng trường học; ủng hộ các quỹ học bổng...)

Hơn 13 tỷ đồng Tài trợ trên 05 chương trình về Y tế (xây dựng trạm Y tế; tặng trang thiết bị y tế; tài trợ các chương trình khám bệnh cho người nghèo)

Hơn 20 tỷ đồng Tài trợ xây dựng Nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, tình thương, khắc phục hậu quả thiên tai, đến ơn đáp nghĩa và các hoạt động an sinh xã hội khác

Hơn 900 tỷ đồng Tính từ năm 2009 đến nay, PV GAS đã tài trợ cho công tác an sinh xã hội trên 900 tỷ đồng, những hoạt động an sinh xã hội thiết thực của PV GAS trong thời gian qua mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Do đặc thù của ngành dầu khí là sản xuất và vận chuyển sản phẩm bằng đường ống nên không có nguyên vật liệu dạng thô mà PV GAS sử dụng Khí tự nhiên làm nguyên liệu sản xuất:

Khí đầu vào	10,001 tỷ m ³ khí	
Khí tự nhiên dùng làm nhiên liệu	43,19 triệu m ³	Cao hơn so với năm 2017: 33,07 triệu m ³ do nhà máy GPP Cà Mau đi vào hoạt động.
Dầu DO	1615 tấn	
Hóa chất	202,61 tấn	(Helium, Ethylmercaptan, Hydrogen, hóa chất ức chế ăn mòn đường ống, Nito, dầu nhớt, Hóa chất xử lý nước thải...) (năm 2017: 197,67 tấn)

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Đạt 98,22% tỷ lệ tái chế:



- Khí là nguồn năng lượng sạch và ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu năng lượng sơ cấp của Việt Nam. PV GAS đã và đang vận hành, triển khai nhiều dự án khí với quy mô lớn, nhằm đáp ứng nhu cầu khí cho các hộ tiêu thụ lớn như các nhà máy điện, nhà máy đạm, các nhà máy công nghiệp tiêu thụ khí thấp áp, đáp ứng các nhu cầu khí cho công nghiệp hóa chất, phân bón, giao thông vận tải và sinh hoạt dân dụng; sẵn sàng kết nối với đường ống dẫn khí khu vực Đông Nam Á phục vụ cho nhu cầu xuất và nhập khẩu khí đốt.
- Về hoạt động vận chuyển khí nguyên liệu từ các giàn khai thác ngoài khơi vào bờ, trong năm 2018, tổng sản lượng khí được vận chuyển vào bờ là 10,001 tỷ m³.
- Về sản phẩm khí khô thương phẩm trong năm 2018, PV GAS đã sản xuất 9,695 tỷ m³ cho các khách hàng.

Tiêu thụ năng lượng

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp



Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Trong công tác sản xuất kinh doanh, PV GAS tập trung chuyển đổi hệ thống năng lượng từ việc sử dụng các máy phát điện diesel sang hệ thống sử dụng khí đồng hành tập trung tại các giàn khai thác trung tâm, máy nén khí, máy phát, nhờ đó đã hạn chế đáng kể phát thải và tiết kiệm chi phí năng lượng.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Với vai trò là nhà cung cấp khí duy nhất cho thị trường Việt Nam, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và sử dụng hiệu quả tài nguyên, PV GAS đã chú trọng xây dựng một hệ thống thu gom khí đồng hành từ hầu hết các mỏ dầu, kết nối với hệ thống khai thác và vận chuyển khí đảm bảo cung cấp ổn định 10 tỷ m³ hàng năm cho các nhà máy điện, đạm và khí thấp áp cho một số hộ tiêu thụ công nghiệp. Với nhiều sáng kiến hữu ích như cải tiến sản xuất, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng, hằng năm PV GAS đã tiết giảm chi phí, giá thành sản phẩm khoảng 100 tỷ đồng.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng PV GAS đã thực hiện bao gồm:

- Sử dụng Permeate gas từ nhà máy GPP Cà Mau làm khí nhiên liệu cho nhà máy Đạm Cà Mau.
- Giải pháp cấp bù khí ẩm từ nguồn khí NCS sang GPP Dinh Cố.
- Giải pháp nâng công suất đường ống vận chuyển khí PM3 từ 6,2 lên 6,5 MMSCMD.

Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nước cấp: 283.556 m³, trong đó bao gồm cả nước phục vụ diễn tập Phòng cháy chữa cháy, tưới cây, sinh hoạt và sản xuất.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Tỷ lệ phần trăm lượng nước tái chế: 0%

Tỷ lệ phần trăm lượng nước tái sử dụng: 0%

283.556
m³ nước



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Mục đích của tuân thủ yêu cầu pháp luật về Môi trường là điều chỉnh các hoạt động, các sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp để đảm bảo quá trình hoạt động và sản xuất không gây phương hại đến cộng đồng, và tác động đến môi trường được giảm thiểu.

PV GAS luôn phổ biến các thay đổi về văn bản pháp luật môi trường đến từng đơn vị và hàng năm thực hiện giám sát kiểm tra sự tuân thủ của các đơn vị. Mặt khác PV GAS đã thu thập, thống kê các cơ sở dữ liệu, hồ sơ pháp lý về môi trường. Trong quá trình kiểm tra giám sát thực tế và qua kết quả từ hệ thống cơ sở dữ liệu, tìm ra các điểm chưa phù hợp trong hệ thống văn bản pháp quy với hoạt động đặc thù thực tế của ngành khí, từ đó có văn bản kiến nghị đến các Bộ ngành liên quan để chỉnh sửa cho phù hợp.

Trong năm 2018, PV GAS đã thực thi các quy định về bảo vệ môi trường sau:

- Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường như lập và phê duyệt cam kết bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, giám sát môi trường, quản lý chất thải (đặc biệt chất thải nguy hại), kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu...
- Các hoạt động liên quan đến tràn dầu và hóa chất đều xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất.
- Việc giám sát môi trường được triển khai theo đúng các yêu cầu pháp luật, cam kết trong báo cáo ĐTM và Hướng dẫn của PV GAS bao gồm môi trường nước, không khí và trầm tích... Các chỉ tiêu đều đạt quy chuẩn Việt Nam và lưu giữ hồ sơ theo quy định.
- Công tác đăng ký chủ nguồn thải, quản lý chất thải nguy hại (thu gom, vận chuyển, xử lý) và báo cáo định kỳ cho các cơ quan quản lý đúng theo quy định.
- Tiến hành thanh kiểm tra các đơn vị ít nhất 1 năm/lần, các đơn vị triển khai kiểm tra hàng quý (cấp công ty), hàng tháng (cấp phân xưởng, nhà máy) và hàng ca.
- Ban hành quy trình quản lý môi trường, quy trình phân định trách nhiệm để cụ thể hóa các yêu cầu của pháp luật thành những quy định, hướng dẫn để các Bộ phận/cá nhân triển khai thực hiện.
- Thường xuyên thông báo, cập nhật và đánh giá tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường cũng như các Nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực môi trường.
- Mời chuyên gia các Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương tập huấn các quy định mới trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Tổ chức các hoạt động Hưởng ứng ngày môi trường thế giới, Chiến dịch làm sạch thế giới, Giờ trái đất...

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Trong năm 2018, PV GAS tiếp đoàn công tác bảo vệ môi trường của Cục Cảnh sát môi trường – Bộ Công an vào làm việc, đoàn đánh giá cao công tác bảo vệ môi trường tại PV GAS và không có kiến nghị gì.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường là 0 đồng.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc. _____	73
Báo cáo Kiểm toán độc lập. _____	74
Bảng cân đối kế toán hợp nhất. _____	75-76
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. _____	77
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. _____	79
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. _____	80-109

Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Báo cáo tài chính

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Sinh Khang	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 12 năm 2018)
Ông Lê Như Linh	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 12 năm 2018)
Ông Dương Mạnh Sơn	Thành viên
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên
Bà Võ Thị Thanh Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27 tháng 04 năm 2018)
Ông Đỗ Đông Nguyên	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27 tháng 04 năm 2018)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ông Dương Mạnh Sơn	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng giám đốc
Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng giám đốc
Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Đăng Nam	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

Tổng giám đốc

Ông Dương Mạnh Sơn

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2019, từ trang 04 đến trang 45 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Huy Công
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 0891-2018-001-1
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
 Ngày 15 tháng 03 năm 2019
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Hồng Dương
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 2393-2015-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.932.012.643.396	38.256.957.853.411
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.705.645.460.007	13.502.016.964.678
1. Tiền	111		1.330.220.087.809	1.729.822.059.995
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.375.425.372.198	11.772.194.904.683
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	21.602.454.000.000	13.577.350.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		21.602.454.000.000	13.577.350.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.213.710.624.435	9.174.883.054.445
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.638.181.584.290	4.939.924.555.881
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	91.011.400.518	155.519.627.817
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.773.843.457.749	4.344.161.903.788
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(290.002.813.032)	(265.538.086.194)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		676.994.910	815.053.153
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.948.260.051.377	1.645.375.601.834
1. Hàng tồn kho	141		2.018.155.350.298	1.737.552.213.440
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(69.895.298.921)	(92.176.611.606)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		461.942.507.577	357.332.232.454
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	103.518.806.266	83.898.716.638
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		299.938.138.296	222.926.464.886
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	58.485.563.015	50.507.050.930
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.682.407.601.897	23.632.385.489.026
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		216.829.039.491	188.768.857.198
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	67.561.613.929	62.322.571.154
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	149.267.425.562	126.446.286.044
II. Tài sản cố định	220		18.609.210.697.766	15.395.529.375.231
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	18.149.000.448.519	14.924.790.039.660
- Nguyên giá	222		50.029.678.362.842	44.056.506.056.213
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.880.677.914.323)	(29.131.716.016.553)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	20.023.931.745	36.763.701.195
- Nguyên giá	225		49.178.501.219	86.943.925.878
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(29.154.569.474)	(50.180.224.683)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	440.186.317.502	433.975.634.376
- Nguyên giá	228		550.726.305.369	521.365.712.739
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(110.539.987.867)	(87.390.078.363)
III. Bất động sản đầu tư	230		24.014.662.414	24.842.563.084
- Nguyên giá	231		26.427.782.233	26.427.782.233
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.413.119.819)	(1.585.219.149)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.235.198.326.718	6.571.784.154.041
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	1.235.198.326.718	6.571.784.154.041
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	63.019.500.678	92.632.703.133
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		53.019.500.678	56.592.703.133
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		85.000.000.000	111.040.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(75.000.000.000)	(75.000.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.534.135.374.830	1.358.827.836.339
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.324.485.607.020	1.077.254.012.412
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	43.975.357.039	46.141.766.516
3. Lợi thế thương mại	269	18	165.674.410.771	235.432.057.411
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		62.614.420.245.293	61.889.343.342.437

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.747.295.132.679	18.617.834.577.626
I. Nợ ngắn hạn	310		11.846.614.031.313	10.911.813.704.191
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	2.663.844.385.208	2.324.292.611.578
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		237.513.454.863	204.413.210.666
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	759.700.530.897	1.120.506.288.467
4. Phải trả người lao động	314		188.077.461.797	174.976.729.026
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	5.488.545.648.029	4.428.629.421.215
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.481.038.533	9.400.833.144
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	658.389.914.253	676.947.707.771
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	1.489.867.272.234	1.737.699.131.097
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		359.194.325.499	234.947.771.227
II. Nợ dài hạn	330		3.900.681.101.366	7.706.020.873.435
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		23.328.790.844	24.192.820.136
2. Phải trả dài hạn khác	337	22	247.137.862.278	208.265.650.343
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	3.395.742.808.039	7.311.935.862.404
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	25	168.503.666.569	117.752.999.916
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	45.337.438.542	23.526.331.752
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		20.630.535.094	20.347.208.884
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		46.867.125.112.614	43.271.508.764.811
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	46.867.125.112.614	43.271.508.764.811
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.139.500.000.000	19.139.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.139.500.000.000	19.139.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		210.679.541.297	189.746.727.266
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		255.319.038.873	255.319.038.873
4. Cổ phiếu quỹ	415		-	(40.111.223.937)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.862.130.022.329	14.849.893.822.097
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.287.318.113	6.287.318.113
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.598.838.456.543	7.089.031.949.795
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.110.217.713.815	1.353.669.355.216
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.488.620.742.728	5.735.362.594.579
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.794.370.735.459	1.781.841.132.604
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		62.614.420.245.293	61.889.343.342.437

 Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu

 Trần Thị Hoàng Anh
 Phó Ban Kế toán
 phụ trách công tác kế toán

 Dương Mạnh Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 03 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		75.976.345.569.671	64.830.157.981.142
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		364.799.330.259	307.717.004.908
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	75.611.546.239.412	64.522.440.976.234
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	58.120.227.682.208	49.359.543.140.142
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		17.491.318.557.204	15.162.897.836.092
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	1.476.548.445.639	1.272.001.039.845
7. Chi phí tài chính	22	32	616.615.024.877	429.584.038.709
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		440.018.194.452	280.095.523.887
8. Phần (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(3.573.202.455)	(874.150.755)
9. Chi phí bán hàng	25	33	2.638.679.383.447	2.426.235.182.000
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	1.127.931.765.213	1.109.174.582.069
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		14.581.067.626.851	12.469.030.922.404
12. Thu nhập khác	31	34	39.088.905.640	163.295.930.879
13. Chi phí khác	32	35	80.234.601.606	44.289.254.806
14. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(41.145.695.966)	119.006.676.073
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.539.921.930.885	12.588.037.598.477
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	2.778.439.374.778	2.618.775.027.875
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		52.917.076.131	31.470.022.129
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.708.565.479.976	9.937.792.548.473
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		11.453.968.895.042	9.684.863.896.268
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		254.596.584.934	252.928.652.205
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	5.911	4.925

 Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu

 Trần Thị Hoàng Anh
 Phó Ban Kế toán
 phụ trách công tác kế toán

 Dương Mạnh Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 03 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.539.921.930.885	12.588.037.598.477
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.828.502.305.719	2.713.286.984.972
Các khoản dự phòng	03	23.994.520.943	98.854.110.025
Lãi/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	106.170.897.202	(23.435.822.102)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.400.876.798.566)	(1.224.540.426.123)
Chi phí lãi vay	06	440.018.194.452	280.095.523.887
Các khoản điều chỉnh khác	07	3.086.084.912	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.540.817.135.547	14.432.297.969.136
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.147.989.882.295)	2.711.910.171.099
Thay đổi hàng tồn kho	10	(280.603.136.858)	(357.953.350.979)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.525.692.316.225	951.119.267.104
Thay đổi chi phí trả trước	12	(266.851.684.236)	(146.973.013.330)
Tiền lãi vay đã trả	14	(447.431.985.821)	(301.821.167.799)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.112.740.156.514)	(2.399.907.971.669)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.102.418.960	13.084.333.117
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(390.107.370.571)	(516.206.317.121)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.421.887.654.437	14.385.549.919.558
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(692.463.537.696)	(2.179.625.964.790)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	19.260.426.842	17.296.615.553
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.707.004.000.000)	(15.003.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.681.900.000.000	7.325.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	25.422.359.175	24.752.815.000
6. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.358.375.796.557	1.125.266.102.220
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.314.508.955.122)	(8.691.210.432.017)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	60.952.471.943	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.524.747.821.473	10.466.011.787.538
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.822.151.718.673)	(8.910.736.045.687)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(12.799.224.326)	(19.651.716.033)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.655.800.000.000)	(7.264.565.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.905.050.649.583)	(5.728.941.824.182)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(6.797.671.950.268)	(34.602.336.641)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.502.016.964.678	13.537.560.908.336
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.300.445.597	(941.607.017)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	6.705.645.460.007	13.502.016.964.678

Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu
 Ngày 15 tháng 03 năm 2019

Trần Thị Hoàng Anh
 Phó Ban Kế toán
 phụ trách công tác kế toán

Dương Mạnh Sơn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng công ty") tiền thân là Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 07 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500102710 cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 05 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi với vốn điều lệ là 19.139,5 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm: thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí. Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống, chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG, Condensate. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan, chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí, nhập vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Dịch vụ vận tải và các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí, vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí). Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện, công trình khí hoặc liên quan đến khí.

Hoạt động chính của Tổng công ty là thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc Tổng công ty:

- Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ;
- Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu;
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí;
- Công ty Dịch vụ Khí;
- Công ty Quản lý Dự án Khí;
- Ban quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ;
- Công ty Khí Cà Mau;
- Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn;
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tổng công ty có 07 công ty con và 01 công ty liên doanh. Thông tin khái quát về các công ty con và công ty liên doanh của Tổng công ty như sau:

Tên công ty	Tên viết tắt	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty con					
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam (*)	PVGAS South	TP. Hồ Chí Minh	35,26%	35,26%	Phân phối khí hóa lỏng
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc (*)	PVGAS North	Hà Nội	35,88%	35,88%	Phân phối khí hóa lỏng
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	PVGAS D	TP. Hồ Chí Minh	50,50%	50,50%	Phân phối khí thấp áp
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	PV Coating	Vũng Tàu	52,94%	52,94%	Kinh doanh dịch vụ bọc ống
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	PV Pipe	Tiền Giang	99,99%	99,99%	Sản xuất ống thép
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	CNG Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	56,00%	56,00%	Sản xuất khí thiên nhiên
Công ty Cổ phần LNG Việt Nam	LNG Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Sản xuất khí thiên nhiên
Công ty liên doanh					
Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao thông Vận tải PVGazprom	PVGazprom	TP. Hồ Chí Minh	29,00%	29,00%	Kinh doanh khí

(*) Tổng công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam và Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Bắc và theo đó Tổng công ty không nắm giữ được hơn 50% quyền biểu quyết. Tuy nhiên do Tổng công ty có quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của các công ty này, nên theo đánh giá của Ban Tổng giám đốc, các công ty nhận đầu tư này vẫn thuộc sự kiểm soát của Tổng công ty. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam và Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Bắc được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty.

Ngày 24 tháng 04 năm 2018, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 69/NQ-KVN về việc chấp thuận chủ trương tăng tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty tại PV GAS North lên 51%. Ngày 14 tháng 01 năm 2019, Hội đồng Quản trị PV GAS North đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-KMB về việc thông qua phương án chi tiết phát hành riêng lẻ cổ phần cho Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP. Tổng số lượng cổ phần được chào bán riêng lẻ là 8.780.150 cổ phần với mức giá 10.000 đồng/cổ phần. Tại ngày báo cáo này, Tổng công ty và PV GAS North đang tiến hành các thủ tục cần thiết để triển khai phương án nói trên.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và

việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại

Tổng công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại từ việc đầu tư vào công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó tối đa là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài

chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày

đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại

Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản

nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho

của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước đối với LPG do Tổng công ty mua ngoài và phương pháp bình quân gia quyền đối với các loại hàng tồn kho khác.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công

trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	03 - 13
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác (bao gồm các công trình khí)	03 - 20

Tài sản cố định hữu hình là máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải dùng cho việc sản xuất, chiết nạp khí CNG tại CNG Việt Nam, công ty con của Tổng công ty được khấu hao nhanh theo phương pháp số dư giảm dần theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, với thời gian hữu dụng được áp dụng tương tự như thời gian hữu dụng theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Tài sản cố định hữu hình là hệ thống phân phối khí thấp áp tại Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Nhơn Trạch và Vũng Tàu của PV GAS D, công ty con của Tổng công ty được khấu hao nhanh với khung khấu hao là 05 năm để phản ánh phù hợp hiệu suất sử dụng tài sản của PV GAS D.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng công ty về chi phí đi vay.

	Số năm
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải	03 - 06

Tài sản cố định hữu hình là máy móc, thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm của dự án bọc ống tại Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam, công ty con của Tổng công ty (“PV Coating”) được tính khấu hao theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong năm.

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng công ty được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian được cấp, quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ hai (02) đến mười (10) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, tiền thuê đất, tiền thuê mặt bằng, chi phí bảo hiểm tài sản và các khoản chi phí trả trước khác.

Giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian sử dụng ước tính của vỏ bình gas (kỳ quỹ, kỳ cước vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phản ánh trên khoản mục Phải trả dài hạn khác và được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas). Giá trị vỏ bình gas được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá mười (10) năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo quy định tại Thông tư liên tịch số

Các tài sản cố định vô hình của Tổng công ty được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Tiền thuê đất, tiền thuê mặt bằng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2016. Theo đó, Tổng công ty căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm để hình thành quỹ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê diện tích tòa nhà văn phòng được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 06 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 05 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng

tỷ áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tỷ giá này có sự khác biệt so với tỷ giá quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Theo đánh giá của Ban Tổng giám đốc, sự khác biệt này không gây ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng công ty.

vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản

mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

5.

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	(i)	21.602.454.000.000	21.602.454.000.000	13.577.350.000.000
		21.602.454.000.000	21.602.454.000.000	13.577.350.000.000

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và không bao gồm các khoản tương đương tiền được trình bày tại Thuyết minh số 04.

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao thông vận tải PVGasprom	58.000.000.000	53.019.500.678	53.019.500.678	56.592.703.133
	58.000.000.000	53.019.500.678	53.019.500.678	56.592.703.133
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	50.000.000.000	(50.000.000.000)	-	(50.000.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	25.000.000.000	(25.000.000.000)	-	(25.000.000.000)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị (ii)	-	-	-	37.520.000.000
Đơn vị khác	-	-	1.920.000.000	1.920.000.000
	85.000.000.000	(75.000.000.000)	10.000.000.000	(75.000.000.000)
			111.040.000.000	49.440.000.000

Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá tương ứng hoặc giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết nếu giá trị này nhỏ hơn.

Các giao dịch chủ yếu giữa Tổng công ty và các Công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 40.

(ii) Ngày 20 tháng 09 năm 2017, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 87/NQ-KVN về việc chấp thuận chủ trương thoái toàn bộ phần vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị ("Gas City"). Tính đến quý 02 năm 2018, Tổng công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Gas City.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền được gửi tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Tổng công ty thường xuyên đánh giá và tin tưởng rằng tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng không có rủi ro về tính thanh khoản hoặc khả năng thu hồi.

Thuế: (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc nhỏ hơn hoặc bằng 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Tiền mặt	24.294.345.484	20.461.332.172
Tiền gửi không kỳ hạn	1.305.925.742.325	1.709.360.727.823
Các khoản tương đương tiền	5.375.425.372.198	11.772.194.904.683
	6.705.645.460.007	13.502.016.964.678

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	639.274.563.146	488.191.304
SK Gas Company Limited	456.081.140.625	564.602.647.380
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	309.810.080.209	286.067.009.451
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	234.392.662.645	-
Công ty TNHH TotalGaz Việt Nam	180.047.466.226	261.020.927.961
Công ty TNHH Gas Miền Trung	49.971.426.165	104.591.325.355
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	-	803.471.517.266
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	-	255.359.655.541
Các khách hàng khác	2.768.604.245.274	2.664.323.281.623
4.638.181.584.290	4.939.924.555.881	
Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 40)	1.367.432.767.399	707.148.637.513

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	13.310.399.729	47.185.258.267
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	9.092.320.265	7.512.517.704
Rosneft Vietnam B.V.	-	22.284.150.278
Các đối tượng khác	68.608.680.524	78.537.701.568
91.011.400.518	155.519.627.817	
Trả trước người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 40)	22.402.719.994	55.120.575.337
b) Trả trước cho người bán dài hạn		
Công ty Đường ống Dẫn khí Nam Côn Sơn	67.561.613.929	62.322.571.154
67.561.613.929	62.322.571.154	

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác		
Dự thu doanh thu bán và vận chuyển khí và condensate	5.320.930.584.090	4.005.173.912.399
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	286.726.306.413	199.794.227.489
Phải thu Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí liên quan đến hợp đồng xây dựng khu văn phòng cho thuê tại Bạc Liêu	50.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu về tạm ứng	10.376.945.464	3.826.568.983
Phải thu về ký cược, ký quỹ	5.808.006.790	8.258.316.759
Các khoản phải thu khác	100.001.614.992	77.108.878.158
5.773.843.457.749	4.344.161.903.788	
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 40)	1.711.946.602.817	1.054.778.655.317
b) Phải thu dài hạn khác		
Khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác liên doanh thực hiện xây dựng đường ống Lô B - Ô Môn	116.582.995.804	94.312.505.434
Phải thu về ký quỹ, ký cược	32.684.429.758	32.133.780.610
149.267.425.562	126.446.286.044	

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Quá hạn trên 3 năm	205.704.004.169	1.443.384.555	147.184.756.037	6.046.797.090
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	48.569.198.216	-	46.776.684.769	-
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	46.789.648.142	-	-	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dầu khí Việt Hải	18.912.271.999	-	18.896.827.075	-
Công ty TNHH Gốm sứ Mỹ Xuân	11.296.297.196	-	11.296.297.196	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Đất Việt	9.906.135.711	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.811.281.851	-	4.811.281.851	-
Các đối tượng khác	15.419.171.054	-	15.403.665.146	-
b) Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	96.718.539.188	29.914.928.040	84.396.488.960	25.318.946.687
Công ty Cổ phần Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại - Xây dựng Thành Tài	73.272.262.529	21.981.678.759	21.981.678.759	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	13.883.863.752	4.160.539.126	4.160.539.126	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Đất Việt	7.061.641.125	2.118.492.337	2.118.492.337	-
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	-	-	-	-
Công ty TNHH Dầu tự Minh Quang	-	-	-	-
Các đối tượng khác	2.500.771.782	1.654.217.818	3.558.687.379	1.067.606.214
c) Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	29.098.738.030	14.549.369.016	124.311.871.097	66.255.979.766
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	14.050.322.156	7.025.161.078	14.752.536.375	7.376.268.188
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	5.842.366.173	2.921.183.087	11.042.366.173	7.729.656.321
Công ty Cổ phần Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại - Xây dựng Thành Tài	4.860.698.667	2.430.349.334	9.860.698.667	6.902.489.067
Công ty Cổ phần Năng lượng Đất Việt	-	-	74.610.276.802	37.305.138.399
Các đối tượng khác	4.345.351.034	2.172.675.517	7.061.641.125	3.530.820.563
d) Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	9.125.574.295	6.389.882.006	10.116.176.796	7.081.323.757
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	7.141.167.852	5.000.797.496	7.398.770.013	5.179.139.009
Các đối tượng khác	1.984.406.443	1.389.084.510	2.717.406.783	1.902.184.748
e) Quá hạn thành toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi từ 11 ngày đến 6 tháng	25.555.860.794	23.902.339.827	36.406.270.573	32.174.429.969
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu xây dựng Trung Nguyên	8.528.887.113	-	10.517.292.190	9.079.272.367
Công ty TNHH MTV SX VLXD Đồng Tâm	17.026.973.681	8.054.553.827	3.148.692.271	2.988.434.592
Các đối tượng khác	-	15.847.786.000	22.740.286.112	20.106.723.010
366.202.716.476	76.199.903.444	402.415.563.463	136.877.477.269	

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn		Thiết bị văn phòng		Tài sản cố định khác		Tổng cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
NGUYÊN GIÁ											
Số dư đầu năm	6.382.883.482.530	5.963.635.330.231	767.062.618.725	324.485.530.640	30.618.439.094.087	44.056.506.056.213					
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.712.834.482.507	4.058.448.308.645	87.610.813.607	-	-	5.858.893.604.759					
Mua sắm mới	21.867.609.166	73.205.740.892	9.289.262.970	21.312.522.013	5.069.998.363	130.745.133.404					
Chuyển sang từ Tài sản cố định thuê tài chính	-	37.765.424.659	-	-	-	37.765.424.659					
Tăng do sáp nhập	350.175.249	2.701.264.557	-	-	-	88.587.545					
Điều chỉnh theo Quyết toán dự án hoàn thành	55.910.701.556	(92.938.980.086)	-	-	-	144.283.294					
Thanh lý, nhượng bán	(515.369.073)	(10.670.498.619)	(3.590.255.628)	(249.604.416)	(100.000.000)	(15.125.727.736)					
Phân loại lại	(14.498.272.472)	14.498.272.472	-	-	-	-					
Giảm khác	(3.731.514.356)	(270.134.816)	-	(1.360.511.400)	-	(5.362.160.572)					
Số dư cuối năm	8.155.101.295.107	10.046.374.727.935	860.372.439.674	344.187.936.837	30.623.641.963.289	50.029.678.362.842					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Số dư đầu năm	3.189.464.612.844	3.014.615.327.076	628.497.283.010	216.643.608.354	22.082.495.185.269	29.131.716.016.553					
Trích khấu hao/hao mòn trong năm	606.779.484.966	655.410.232.286	41.295.365.363	47.290.244.586	1.373.854.729.015	2.724.630.056.216					
Chuyển sang từ Tài sản cố định thuê tài chính	-	32.768.844.515	-	-	-	32.768.844.515					
Tăng do sáp nhập	350.175.249	2.033.432.594	-	-	-	88.587.545					
Thanh lý, nhượng bán	(515.369.073)	(5.621.617.027)	(2.296.093.206)	(249.604.416)	(97.132.624)	(8.779.816.346)					
Phân loại lại	(189.774.602)	189.774.602	-	-	-	-					
Giảm khác	(352.420.799)	(436.861.023)	-	(1.340.100.181)	-	(2.129.382.003)					
Số dư cuối năm	3.795.536.708.585	3.698.959.133.023	667.496.555.167	262.344.148.343	23.456.341.369.205	31.880.677.914.323					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày đầu năm	3.193.418.869.686	2.949.020.003.155	138.565.335.715	107.841.922.286	8.535.943.908.818	14.924.790.039.660					
Tại ngày cuối năm	4.359.564.586.522	6.367.415.594.912	192.875.884.507	81.843.788.494	7.167.300.594.084	18.149.000.448.519					

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 17.858.146.032.457 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 17.163.225.475.144 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 12.958.075.748.976 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 7.273.395.757.712 đồng) được

tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt đối với các chênh lệch phát sinh (nếu có).

Các công ty con thuộc Tổng công ty đã thể chấp nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 7.709.099.695 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 28.148.711.780 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	59.353.554.680	-	52.212.785.813	-
Nguyên liệu, vật liệu	874.861.891.848	(69.895.298.921)	835.708.160.659	(92.176.611.606)
Công cụ, dụng cụ	98.113.432.351	-	94.524.650.341	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47.558.069.898	-	30.716.264.166	-
Thành phẩm	92.263.189.705	-	107.932.775.176	-
Hàng hoá	846.005.211.816	-	616.446.178.855	-
Hàng gửi bán	-	-	11.398.430	-
Cộng	2.018.155.350.298	(69.895.298.921)	1.737.552.213.440	(92.176.611.606)

Trong năm 2018, dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số vật tư ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng sử dụng được ghi nhận giảm với số tiền là 22.281.312.685 đồng (trong năm 2017: tăng 3.803.956.103 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	a) Chi phí trả trước ngắn hạn	
Chi phí bảo hiểm tài sản	40.546.553.357	36.161.256.762
Chi phí quảng cáo, truyền thông	24.316.710.772	19.920.078.285
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	38.655.542.137	27.817.381.591
	103.518.806.266	83.898.716.638
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ	801.441.028.091	590.131.934.743
Trả trước tiền thuê đất và mặt bằng	362.168.759.051	343.753.796.350
Tiền lãi chậm trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp - Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.999.999.998	6.000.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	156.875.819.880	137.368.281.319
	1.324.485.607.020	1.077.254.012.412

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	85.422.690.878	1.521.235.000	86.943.925.878
Chuyển sang Tài sản cố định hữu hình	(37.765.424.659)	-	(37.765.424.659)
Số dư cuối năm	47.657.266.219	1.521.235.000	49.178.501.219
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	48.658.989.683	1.521.235.000	50.180.224.683
Khấu hao trong năm	11.743.189.306	-	11.743.189.306
Chuyển sang Tài sản cố định hữu hình	(32.768.844.515)	-	(32.768.844.515)
Số dư cuối năm	27.633.334.474	1.521.235.000	29.154.569.474
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	36.763.701.195	-	36.763.701.195
Tại ngày cuối năm	20.023.931.745	-	20.023.931.745

Nguyên giá của tài sản cố định thuê tài chính bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2018 là 1.521.235.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.521.235.000 đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	397.105.769.847	122.726.772.516	1.464.370.376	68.800.000	521.365.712.739
Mua trong năm	-	29.387.592.630	-	-	29.387.592.630
Giảm khác	-	(27.000.000)	-	-	(27.000.000)
Số dư cuối năm	397.105.769.847	152.087.365.146	1.464.370.376	68.800.000	550.726.305.369
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	6.916.793.900	79.172.803.761	1.231.680.702	68.800.000	87.390.078.363
Khấu hao trong năm	843.869.327	22.170.332.357	162.707.820	-	23.176.909.504
Giảm khác	-	(27.000.000)	-	-	(27.000.000)
Số dư cuối năm	7.760.663.227	101.316.136.118	1.394.388.522	68.800.000	110.539.987.867
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	390.188.975.947	43.553.968.755	232.689.674	-	433.975.634.376
Tại ngày cuối năm	389.345.106.620	50.771.229.028	69.981.854	-	440.186.317.502

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 61.939.345.072 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 53.494.778.400 đồng).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	589.224.807.564	563.952.569.813
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2	174.778.866.174	131.878.442.618
Kho cảng nhập khẩu LNG Sơn Mỹ	136.681.306.779	135.596.161.325
Kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	77.021.627.904	74.432.838.473
Dự án Đường ống thu gom khí mỏ Cá Rồng Đỏ	70.435.976.690	69.949.645.337
Dự án Nâng cao hệ số thu hồi LPG tại nhà máy GPP Đình Cố	18.605.948.217	111.162.477.640
Nhà máy Xử lý khí Cà Mau	5.547.809.225	5.426.510.001.650
Khác	162.901.984.165	58.302.017.185
	1.235.198.326.718	6.571.784.154.041

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Khấu hao tài sản cố định và các khoản dự phòng	Lợi nhuận chưa thực hiện	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	16.047.657.069	34.038.368.811	50.086.025.880
Ghi nhận trong năm	3.466.961.814	6.112.901.681	9.579.863.495
Bù trừ với thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại phải trả	-	(13.524.122.859)	(13.524.122.859)
Số dư cuối năm trước	19.514.618.883	26.627.147.633	46.141.766.516
Ghi nhận trong năm	(1.806.314.720)	(360.094.757)	(2.166.409.477)
Số dư cuối năm nay	17.708.304.163	26.267.052.876	43.975.357.039

17. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hợp tác cùng góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" tại số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Phần vốn góp của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần:	70%
Phần vốn góp của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần:	20%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long:	10%

Dưới đây là số liệu về tình hình hoạt động của hợp đồng hợp tác kinh doanh này trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên giá tài sản cố định	723.317.373.840	723.317.373.840
Hao mòn lũy kế tài sản cố định	106.763.869.405	97.222.545.217
Giá trị còn lại của tài sản cố định	616.553.504.435	626.094.828.623
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu của hợp đồng hợp tác kinh doanh	74.451.240.326	67.035.920.840
Giá vốn của hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu	43.906.639.203 (4.663.926.835)	45.957.481.860 72.121.981.111
Chi phí khác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	716.324.872	751.335.579
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.300.819.880	4.586.440.280
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.191.383.206	(56.381.317.990)
Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:		
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	14.128.480.302	(39.534.420.619)
- Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	3.359.527.707	(11.676.856.425)
- Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	2.703.375.197	(5.170.040.946)

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	235.432.057.411	305.189.704.051
Phân bổ vào chi phí trong năm	(69.757.646.640)	(69.757.646.640)
Số dư cuối năm	165.674.410.771	235.432.057.411

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	VND	VND	VND
Trafigura Pte Ltd.	464.518.162.476	464.518.162.476	-	-
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (trước đây là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn)	464.717.487.091	464.717.487.091	608.550.054.778	608.550.054.778
Abu Dhabi National Oil Company	453.970.562.375	453.970.562.375	562.662.478.050	562.662.478.050
Petredex International Pte., Ltd.	183.416.461.318	183.416.461.318	180.733.845.023	180.733.845.023
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	172.169.591.633	172.169.591.633	228.292.614.176	228.292.614.176
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	108.093.930.612	108.093.930.612	81.247.895.225	81.247.895.225
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	92.293.519.979	92.293.519.979	65.206.511.626	65.206.511.626
E1 Corporation	62.257.355.388	62.257.355.388	87.067.468.613	87.067.468.613
Các đối tượng khác	662.407.314.336	662.407.314.336	510.531.744.087	510.531.744.087
	2.663.844.385.208	2.663.844.385.208	2.324.292.611.578	2.324.292.611.578

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 40)	934.860.763.797	934.860.763.797	1.073.332.238.217	1.073.332.238.217
--	------------------------	------------------------	--------------------------	--------------------------

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp/ phải thu	Số đã nộp/ đã thu	
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	116.130.064.581	2.191.001.655.018	2.232.129.163.834	75.002.555.765
Thuế xuất nhập khẩu	(24.209.621.360)	282.071.016.976	276.019.737.768	(18.158.342.152)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	956.722.902.702	2.782.759.660.576	3.112.740.156.514	626.742.406.764
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	19.824.002.046	19.824.002.046	-
Thuế thu nhập cá nhân	17.637.402.253	94.930.867.881	99.071.634.078	13.496.636.056
Thuế môn bài	-	31.000.000	31.000.000	-
Thuế và các khoản phí, lệ phí khác	3.718.489.361	30.714.562.038	30.301.339.950	4.131.711.449
Cộng	1.069.999.237.537	5.401.332.764.535	5.770.117.034.190	701.214.967.882

Trong đó:

<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	<i>50.507.050.930</i>	<i>58.485.563.015</i>
<i>Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước</i>	<i>1.120.506.288.467</i>	<i>759.700.530.897</i>

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	23.089.083.261	4.417.560.000
Thuế nhập khẩu	19.330.423.943	24.721.302.560
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.292.797.930	19.582.449.873
Thuế thu nhập cá nhân	154.154.730	160.549.311
Các loại thuế khác	1.619.103.151	1.625.189.186
	58.485.563.015	50.507.050.930

Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	641.035.204.694	976.305.352.575
Thuế giá trị gia tăng	98.091.639.026	120.547.624.581
Thuế thu nhập cá nhân	13.650.790.786	17.797.951.564
Các loại thuế khác	6.922.896.391	5.855.359.747
	759.700.530.897	1.120.506.288.467

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí mua và xử lý khí	4.151.352.384.590	3.642.442.607.337
- Trích trước chi phí mua và vận chuyển khí Nam Côn Sơn	3.008.942.751.075	2.187.385.066.421
- Trích trước chi phí mua và xử lý khí Cửu Long	727.086.054.826	969.585.270.279
- Trích trước chi phí mua và xử lý khí Thiên Ưng Đại Hùng	248.273.111.621	224.890.306.167
- Trích trước chi phí mua khí PM3 CAA và 46 - Cái Nước	87.071.393.627	179.898.187.152
- Trích trước chi phí mua khí Hàm Rồng Thái Bình	79.979.073.441	80.683.777.318
Điều chỉnh chi phí mua khí Cửu Long cho giai đoạn 2016 - 2018 do thay đổi nhiệt trị (i)	840.097.798.853	-
Chi phí phải trả nhà thầu xây dựng cơ bản	250.271.023.565	524.659.610.529
Trích trước chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	22.192.703.756	38.734.987.026
Lãi vay phải trả	81.993.513.758	100.594.224.433
Chi phí nhà điều hành Nam Côn Sơn	45.997.693.232	34.316.439.613
Các khoản khác	96.640.530.275	87.881.552.277
	5.488.545.648.029	4.428.629.421.215

Chi phí phải trả các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 40)	1.735.569.795.487	2.121.470.574.473
--	--------------------------	--------------------------

(i) Theo Hợp đồng mua bán khí Bể Cửu Long số 01/PVN-PVGas/2016 giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ngày 01 tháng 02 năm 2016, nhiệt trị khí Rồng Đồi Mồi và khí Lô 09-1 từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 được thỏa thuận tạm thời áp dụng là 40.000 BTU/m³. Ngày 08 tháng 03 năm 2019, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 26/NQ-KVN thông qua các nội dung chính của Bổ sung số 01 Hợp đồng mua bán khí Bể Cửu Long ("Bổ sung số 01"). Theo đó, nhiệt trị khí Rồng Đồi Mồi và khí Lô 09-1 từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được thống nhất áp dụng là 46.000 BTU/m³. Tổng Công ty đã ghi nhận bổ sung chi phí mua khí Bể Cửu Long cho giai đoạn 2016-2018 với số tiền là 840.097.798.853 đồng và phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, hai bên đang tiến hành các thủ tục cần thiết để Bổ sung số 01 được chính thức ký kết.

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Cổ tức phải trả	3.373.837.955	2.495.893.639
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	22.068.726.543	208.151.700.867
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (ii)	155.078.782.366	173.062.220.157
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long (iii)	80.168.200.236	77.464.825.040
Phải trả hàng vay	5.951.213.615	22.584.860.085
Chiết khấu bán hàng	-	21.134.897.685
Chiết khấu doanh thu vận chuyển khí Nam Côn Sơn	269.189.139.972	73.125.794.587
Các khoản khác	122.560.013.566	98.927.515.711
	658.389.914.253	676.947.707.771

Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 40)	177.147.508.909	381.213.921.024
--	------------------------	------------------------

b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược vỏ bình ga	243.307.739.992	204.357.474.682
Các khoản khác	3.830.122.286	3.908.175.661
	247.137.862.278	208.265.650.343

(i) Số dư phải trả Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 phản ánh khoản chi phí dịch vụ quản lý phải trả theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện trả cho Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chi phí dịch vụ quản lý hàng năm theo mức 0,05% và 0,5% tính trên từng loại doanh thu.

(ii) Các khoản phải trả thể hiện phần vốn góp và lợi nhuận được chia của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long từ việc đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV GAS Tower".

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm			Phát sinh trong năm			Số cuối năm		
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giải ngân VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Trả gốc VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND		
Vay ngắn hạn	697.852.862.685	697.852.862.685	2.524.747.821.473	-	-	4.35.936.258.565	4.35.936.258.565		
Vay ngắn hạn ngân hàng	697.852.862.685	697.852.862.685	2.524.747.821.473	-	-	4.35.936.258.565	4.35.936.258.565		
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.351.782.130.816	8.351.782.130.816	-	146.178.208.298	14.048.286.517.406	4.449.673.821.708	4.449.673.821.708		
Vay dài hạn ngân hàng	8.327.078.673.271	8.327.078.673.271	-	146.178.208.298	14.035.487.293.080	4.437.769.588.489	4.437.769.588.489		
Nợ thuê tài chính dài hạn	24.703.457.545	24.703.457.545	-	-	12.799.224.326	11.904.233.219	11.904.233.219		
Cộng	9.049.634.993.501	9.049.634.993.501	2.524.747.821.473	146.178.208.298	14.834.950.942.991	4.885.610.080.273	4.885.610.080.273		
Trong đó:									
Số phải trả trong vòng 12 tháng	1.737.699.131.097					1.489.867.272.234			
Số phải trả sau 12 tháng	7.311.935.862.404					3.395.742.808.039			

Các khoản vay ngắn hạn được giải ngân bằng Đồng Việt Nam để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động kinh doanh của một số công ty con.

Các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính dài hạn được giải ngân bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ để phục vụ cho việc đầu tư mua sắm tài sản cố định của Tổng Công ty và một số công ty con. Chi tiết số tiền vay theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay bằng USD (i)	3.403.785.000.000	6.299.486.237.608
Vay bằng VND	1.045.888.821.708	2.052.295.893.208
	4.449.673.821.708	8.351.782.130.816

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư theo nguyên tệ của các khoản vay bằng USD là 147.000.000 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 277.938.947 USD).

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo và lãi suất như sau:

Theo loại hình đảm bảo:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tín chấp	4.303.785.000.000	8.116.490.022.715
Bảo lãnh của bên thứ 3	126.193.511.489	189.290.267.234
Bảo đảm bằng tài sản	7.791.077.000	21.298.383.322
Thuê tài chính	11.904.233.219	24.703.457.545
	4.449.673.821.708	8.351.782.130.816

Theo lãi suất

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ thuê tài chính theo lãi suất cố định	5.804.880.000	14.840.529.228
Vay và nợ thuê tài chính theo lãi suất thả nổi	4.443.868.941.708	8.336.941.601.588
	4.449.673.821.708	8.351.782.130.816

Lãi suất trong năm là từ 7% đến 10,5%/năm đối với Đồng Việt Nam và từ 2,2% đến 5,51%/năm đối với Đô la Mỹ.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	1.053.931.013.669	1.039.846.268.412
Trong năm thứ hai	1.175.439.346.500	1.616.795.906.792
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.874.149.615.385	4.213.927.530.673
Sau năm năm	346.153.846.154	1.481.212.424.939
	4.449.673.821.708	8.351.782.130.816
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	1.053.931.013.669	1.039.846.268.412
Số phải trả sau 12 tháng	3.395.742.808.039	7.311.935.862.404

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng		
Số dư đầu năm trước	19.139.500.000,000	189.746.727.266	255.851.956.264	(40.111.223.937)	13.404.936.846.079	6.287.250.000	6.157.504.526.798	1.730.131.795.757	40.843.847.878.227		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	9.684.863.896.268	252.928.652.205	9.937.792.548.473		
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.444.956.000.763	-	(1.444.956.000.763)	-	-		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	-	-	-	(226.885.514.467)	(29.715.913.559)	(256.601.428.026)		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.079.387.859.000)	(174.088.714.956)	(7.253.476.573.956)		
Thay đổi khác	-	-	(532.917.391)	-	975.255	68.113	(2.107.099.041)	2.585.313.157	(53.659.907)		
Số dư đầu năm nay	19.139.500.000,000	189.746.727.266	255.319.038.873	(40.111.223.937)	14.849.893.822.097	6.287.318.113	7.089.031.949.795	1.781.841.132.604	43.271.508.764.811		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	11.453.968.895.042	254.596.584.934	11.708.565.479.976		
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	12.236.200.232	-	(12.236.200.232)	-	-		
Bản cổ phiếu quỹ (i)	-	20.932.814.031	-	40.111.223.937	-	-	-	-	61.044.037.968		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	-	-	-	(276.123.034.294)	(32.299.940.751)	(308.422.975.045)		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.655.800.000.000)	(209.717.996.998)	(7.865.517.996.998)		
Thay đổi khác	-	-	-	-	-	-	(3.153.768)	(49.044.330)	(52.198.098)		
Số dư cuối năm nay	19.139.500.000,000	210.679.541.297	255.319.038.873	-	14.862.130.022.329	6.287.318.113	10.598.838.456.543	1.794.370.735.459	46.867.125.112.614		

(i) Trong năm, thực hiện theo Nghị quyết số 112/NQ-KVN do Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ban hành ngày 13 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đã bán toàn bộ 601.930 cổ phiếu quỹ trên cơ sở giá thị trường tại thời điểm giao dịch với tổng giá trị là 61.044.037.968 đồng.

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ thu dọn công trình cố định (i)	18.765.601.404	12.500.208.452
Dự phòng khác	26.571.837.138	11.026.123.300
	45.337.438.542	23.526.331.752

(i) Phản ánh khoản dự phòng phải trả trên cơ sở dự toán chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng công trình Đường ống Phú Mỹ đã được Bộ Công thương phê duyệt tại Công văn số 3754/QĐ-BCT ngày 19 tháng 09 năm 2016.

Trong năm, thực hiện theo Quyết định số 49/2017/QĐ-TTg về việc thu dọn các công trình, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đã lập và đệ trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt "Kế hoạch Thu dọn công trình dầu khí khu vực bể Cửu Long phần tài sản chung giữa PV GAS và Vietsovpetro" (dự kiến thu dọn vào năm 2022) và "Kế hoạch Thu dọn công trình dầu khí khu vực Bể Cửu Long và PM3-Cà Mau" (dự kiến thu dọn lần lượt vào năm 2022 và năm 2027). Theo đó, tổng chi phí thu dọn đối với các công trình khí nêu trên dự kiến là 98,83 triệu USD. Tính đến ngày báo cáo này, Tổng Công ty chưa nhận được phê duyệt từ các cấp có thẩm quyền làm cơ sở để ghi nhận các khoản dự phòng phải trả tương ứng.

25. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	Các khoản dự phòng VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	76.703.114.292	13.524.122.859	90.227.237.151
Ghi nhận trong năm	41.049.885.624	-	41.049.885.624
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(13.524.122.859)	(13.524.122.859)
Số dư đầu năm nay	117.752.999.916	-	117.752.999.916
Ghi nhận trong năm	50.750.666.653	-	50.750.666.653
Số dư cuối năm nay	168.503.666.569	-	168.503.666.569

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16		Vốn đã góp	
			Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18.328.359.000.000	95,76%	18.328.359.000.000	18.328.359.000.000
Các cổ đông khác	811.141.000.000	4,24%	811.141.000.000	811.141.000.000
	19.139.500.000.000	100%	19.139.500.000.000	19.139.500.000.000

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.913.950.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.913.950.000	1.913.950.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.913.950.000	1.913.950.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	601.930
+ Cổ phiếu phổ thông	-	601.930
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.913.950.000	1.913.348.070
+ Cổ phiếu phổ thông	1.913.950.000	1.913.348.070

Cổ tức của Công ty mẹ:

- Theo Nghị quyết số 79/NQ-KVN ngày 30 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Quản trị trên cơ sở Nghị quyết số 74/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty đã công bố và chi trả cổ tức đợt 3 năm 2017 từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 với số tiền là 3.827.900.000.000 đồng (tương đương với 2.000 đồng/cổ phần).

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 74/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2018, tỷ lệ chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 dự kiến là 40% vốn điều lệ. Trong năm, theo Nghị quyết số 91/NQ-KVN ngày 06 tháng 08 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã công bố và chi trả cổ tức đợt 1 năm 2018 từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 với số tiền là 3.827.900.000.000 đồng (tương đương 20% vốn điều lệ).

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
USD	5.713.409	6.881.247
EUR	10.715	1.406

28. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Tổng Công ty tổ chức các hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực trên cơ sở các công ty con hoạt động tương đối riêng biệt.

Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Hoạt động kinh doanh khí và các sản phẩm khí (gồm có Công ty mẹ, PV GAS South, PV GAS North, PV GAS D, CNG Việt Nam và LNG Việt Nam);
- Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí: sản xuất ống thép, xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình khí (gồm có PV Pipe và PV Coating).

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.669.076.464.683	36.568.995.324	-	6.705.645.460.007
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.454.454.000.000	148.000.000.000	-	21.602.454.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	12.752.480.816.142	70.569.568.075	(2.609.339.759.782)	10.213.710.624.435
Hàng tồn kho	1.748.609.946.906	199.650.104.471	-	1.948.260.051.377
Tài sản ngắn hạn khác	446.509.046.448	15.433.461.129	-	461.942.507.577
Các khoản phải thu dài hạn	218.399.642.616	-	(1.570.603.125)	216.829.039.491
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	17.349.806.349.836	1.651.590.030.631	(368.171.020.287)	18.633.225.360.180
Tài sản dở dang dài hạn	1.234.823.642.399	374.684.319	-	1.235.198.326.718
Đầu tư tài chính dài hạn	3.070.140.336.559	-	(3.007.120.835.881)	63.019.500.678
Tài sản dài hạn khác	1.303.261.597.128	48.985.860.455	16.213.506.476	1.368.460.964.059
Lợi thế thương mại	-	-	165.674.410.771	165.674.410.771
Tổng tài sản hợp nhất	66.247.561.842.717	2.171.172.704.404	(5.804.314.301.828)	62.614.420.245.293
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	14.037.863.844.699	516.946.428.482	(2.708.196.241.868)	11.846.614.031.313
Nợ dài hạn	3.661.855.568.340	71.892.469.582	166.933.063.444	3.900.681.101.366
Tổng nợ phải trả hợp nhất	17.699.719.413.039	588.838.898.064	(2.541.263.178.424)	15.747.295.132.679

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí VND	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.420.191.145.194	81.825.819.484	-	13.502.016.964.678
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.547.350.000.000	30.000.000.000	-	13.577.350.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	11.211.239.724.672	90.931.915.129	(2.127.288.585.356)	9.174.883.054.445
Hàng tồn kho	1.428.546.865.027	216.828.736.807	-	1.645.375.601.834
Tài sản ngắn hạn khác	336.024.003.685	21.308.228.769	-	357.332.232.454
Các khoản phải thu dài hạn	190.339.460.323	-	(1.570.603.125)	188.768.857.198
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	14.081.458.184.181	1.750.920.535.723	(412.006.781.589)	15.420.371.938.315
Tài sản dở dang dài hạn	6.576.162.708.935	374.684.319	(4.753.239.213)	6.571.784.154.041
Đầu tư tài chính dài hạn	3.259.190.575.274	-	(3.166.557.872.141)	92.632.703.133
Tài sản dài hạn khác	1.053.477.750.462	47.791.642.685	22.126.385.781	1.123.395.778.928
Lợi thế thương mại		-	235.432.057.411	235.432.057.411
Tổng tài sản hợp nhất	65.103.980.417.753	2.239.981.562.916	(5.454.618.638.232)	61.889.343.342.437
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	12.638.461.453.916	408.914.969.854	(2.135.562.719.579)	10.911.813.704.191
Nợ dài hạn	7.463.484.218.465	126.193.511.489	116.343.143.481	7.706.020.873.435
Tổng nợ phải trả hợp nhất	20.101.945.672.381	535.108.481.343	(2.019.219.576.098)	18.617.834.577.626

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí VND	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Tổng doanh thu thuần	88.672.251.103.471	214.294.835.856	(13.274.999.699.915)	75.611.546.239.412
Doanh thu nội bộ	13.274.999.699.915	-	(13.274.999.699.915)	-
Tổng doanh thu	75.397.251.403.556	214.294.835.856	-	75.611.546.239.412
Chi phí kinh doanh	74.911.042.911.021	314.639.608.624	(13.338.843.688.777)	61.886.838.830.868
- Giá vốn hàng bán	71.095.181.721.661	273.886.795.047	(13.248.840.834.500)	58.120.227.682.208
- Chi phí bán hàng	2.702.347.628.860	-	(63.668.245.413)	2.638.679.383.447
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.113.513.560.500	40.752.813.577	(26.334.608.864)	1.127.931.765.213
Kết quả hoạt động kinh doanh	13.761.208.192.450	(100.344.772.768)	63.843.988.862	13.724.707.408.544
Phần (lỗ) trong các công ty liên doanh				(3.573.202.455)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.476.548.445.639
Chi phí tài chính				616.615.024.877
(Lỗ) khác				(41.145.695.966)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				14.539.921.930.885
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				2.778.439.374.778
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				52.917.076.131
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				11.708.565.479.976

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí VND	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Tổng doanh thu thuần	75.524.896.645.756	107.169.523.818	(11.109.625.193.340)	64.522.440.976.234
Doanh thu nội bộ	11.109.625.193.340	-	(11.109.625.193.340)	-
Tổng doanh thu	64.415.271.452.416	107.169.523.818	-	64.522.440.976.234
Chi phí kinh doanh	63.729.656.179.830	304.947.173.324	(11.139.650.448.943)	52.894.952.904.211
- Giá vốn hàng bán	60.270.052.024.913	246.162.414.211	(11.156.671.298.982)	49.359.543.140.142
- Chi phí bán hàng	2.417.222.720.289	-	9.012.461.711	2.426.235.182.000
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.042.381.434.628	58.784.759.113	8.008.388.328	1.109.174.582.069
Kết quả hoạt động kinh doanh	11.795.240.465.926	(197.777.649.506)	30.025.255.603	11.627.488.072.023
Phần (lỗ) trong các công ty liên doanh, liên kết				(874.150.755)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.272.001.039.845
Chi phí tài chính				429.584.038.709
Lợi nhuận khác				119.006.676.073
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				12.588.037.598.477
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				2.618.775.027.875
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				31.470.022.129
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				9.937.792.548.473

29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	75.976.345.569.671	64.830.157.981.142
Doanh thu bán khí khô	38.597.727.565.471	34.777.138.458.331
Doanh thu bán LPG	26.616.758.486.179	21.316.839.259.585
Doanh thu vận chuyển khí và Condensate	4.496.081.321.381	4.296.491.395.666
Doanh thu bán CNG	3.961.577.703.866	3.356.926.664.448
Doanh thu bán Condensate	1.731.420.222.289	659.589.657.858
Doanh thu bán xăng dầu nhớt	90.318.898.143	71.104.223.668
Doanh thu cho thuê tòa nhà PV GAS Tower	43.548.809.735	37.501.569.907
Doanh thu khác	438.912.562.607	314.566.751.679
Các khoản giảm trừ doanh thu	364.799.330.259	307.717.004.908
Chiết khấu thương mại	364.799.330.259	307.717.004.908
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.611.546.239.412	64.522.440.976.234
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 40)	16.293.514.327.798	13.404.511.512.583

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán khí khô	29.411.356.052.747	27.073.736.921.219
Giá vốn bán LPG	23.174.609.714.995	18.342.417.720.595
Giá vốn vận chuyển khí và Dondensate	778.033.946.139	897.649.832.056
Giá vốn bán CNG	3.193.316.222.261	2.232.083.849.829
Giá vốn bán Condensate	1.068.695.869.443	426.144.793.179
Giá vốn bán xăng dầu nhớt	87.370.995.228	66.793.195.009
Giá vốn cho thuê tòa nhà PV GAS Tower	30.650.048.738	31.917.015.446
Giá vốn khác	376.194.832.657	288.799.812.809
	58.120.227.682.208	49.359.543.140.142

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.444.116.708.813	1.218.977.592.894
Lãi chênh lệch tỷ giá	30.587.366.250	52.431.873.876
Cổ tức, lợi nhuận được chia	500.000.000	591.573.075
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.344.370.576	-
	1.476.548.445.639	1.272.001.039.845

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	440.018.194.452	280.095.523.887
Lỗ chênh lệch tỷ giá	166.505.752.062	24.520.799.814
Chi phí thu xếp vốn	-	80.913.651.046
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	25.898.276.206
Chi phí tài chính khác	10.091.078.363	18.155.787.756
	616.615.024.877	429.584.038.709

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển	815.796.344.656	613.112.187.583
Chi phí nhân viên bán hàng	382.099.180.816	283.497.726.187
Chi phí khấu hao	262.036.183.861	250.086.988.345
Chi phí quảng cáo	275.658.764.411	140.589.431.347
Các khoản chi phí bán hàng khác	903.088.909.703	1.138.948.848.538
	2.638.679.383.447	2.426.235.182.000

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phí quản lý phải nộp Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	246.507.647.848	207.921.897.978
Chi phí nhân viên quản lý	221.661.050.755	202.972.016.743
Lợi thế thương mại phân bổ	69.757.646.640	69.757.646.640
Chi phí an sinh xã hội	82.510.326.400	71.464.109.954
Chi phí dự phòng	26.671.469.426	107.482.188.486
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	480.823.624.144	449.576.722.268
	1.127.931.765.213	1.109.174.582.069

34. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền thuê đất	16.225.895.442	-
Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	6.954.447.639	-
Chênh lệch thừa sau kiểm kê và quyết toán dự án	1.672.816.269	78.510.817.229
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	46.522.032.214
Thu nhập khác	14.235.746.290	38.263.081.436
	39.088.905.640	163.295.930.879

35. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thực hiện thiết kế kỹ thuật tổng thể cụm thiết bị đầu nối Cá Rồng Đỏ	42.251.406.550	-
Chi phí từ chuyển nhượng quyền thuê đất	14.141.196.684	-
Phạt chậm nộp, chậm kê khai thuế	4.121.138.540	32.984.188.147
Chi phí khác	19.720.859.832	11.305.066.659
	80.234.601.606	44.289.254.806

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế hiện hành năm nay	2.905.128.455.414	2.523.786.968.730
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(126.689.080.636)	94.988.059.145
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.778.439.374.778	2.618.775.027.875

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế. Theo quy định hiện hành, Tổng Công ty đã lựa chọn hưởng ưu đãi:

- Đối với Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau: Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ năm bắt đầu phát sinh thu nhập tính thuế, tức năm 2017 và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (không hưởng ưu đãi thuế suất) cho phần thu nhập phát sinh từ Dự án;

- Đối với Dự án Hệ thống thu gom và phân phối khí Hàm Rồng Thái Bình: Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ năm bắt đầu phát sinh thu nhập tính thuế, tức năm 2017 và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo (không hưởng ưu đãi thuế suất) cho phần thu nhập phát sinh từ Dự án.

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ (VND)	11.453.968.895.042	9.684.863.896.268
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	141.192.348.138	261.489.234.774
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	11.312.776.546.904	9.423.374.661.494
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.913.930.653	1.913.348.070
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.911	4.925

Theo quy định tại Thông tư 200, Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi ước tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được xác định lại trên cơ sở trích lập theo Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ và các công ty con phê duyệt trong năm 2018. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được trình bày lại là 4.925 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 4.994 đồng/cổ phiếu).

38. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí mua khí từ các chủ mỏ	24.306.258.806.572	20.438.621.300.412
Chi phí mua LPG	18.464.101.228.245	16.622.905.570.281
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.720.783.125.184	7.748.855.329.540
Chi phí nhân công	1.327.486.216.008	1.069.151.897.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.828.502.305.719	2.713.286.984.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.951.895.737.798	3.822.784.985.801
Chi phí khác	1.278.420.690.969	1.012.941.225.242
	61.877.448.110.495	53.428.547.293.833

39. CÁC KHOẢN CAM KẾT
(i) Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có một số dự án đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang triển khai. Các khoản cam kết vốn liên quan tới các dự án này được xác định trên cơ sở giá trị công trình chưa thực hiện trong tổng mức đầu tư hoặc dự toán công trình, cụ thể như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án kho cảng nhập khẩu LNG Sơn Mỹ	34.228.379.768.579	33.502.059.832.769
Dự án Kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	5.609.358.936.826	5.491.709.929.040
Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau	5.239.011.278.654	5.068.782.115.916
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Cá Rồng Đỏ	4.123.986.102.686	4.046.601.152.024
Dự án đường ống Thu gom, vận chuyển mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt	3.213.813.529.930	-
Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	2.510.897.737.091	2.537.476.166.684
Dự án Hệ thống cung cấp khí khu vực Long Thành Đồng Nai	-	257.061.143.810
	54.925.447.353.766	50.903.690.340.243

(ii) Cam kết khác

Các khoản cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh khí:

Cam kết mua hàng

Cam kết mua hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 06.1	Tối thiểu là 2,7 tỷ m ³ /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 06.1
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 11.2	Tối thiểu là 1,216 tỷ m ³ /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 11.2
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 05.3 và 05.2 T	ối thiểu là 1,368 tỷ m ³ /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 05-2 và Lô 05-3

Cam kết bán hàng

Cam kết bán hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tối thiểu là 1,85 tỷ m ³ /năm	Trong giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Phú Mỹ 3 BOT Power (PM3 BOT)	Tối thiểu là 0,85 tỷ m ³ /năm	Đến hết năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Năng lượng Mekong (PM 2.2 BOT)	Tối thiểu là 0,85 tỷ m ³ /năm	Đến hết năm 2024
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Tối thiểu là 0,447 tỷ m ³ /năm	Trong giai đoạn bình ổn theo Hợp đồng
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty Cổ Phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	Tối thiểu là 0,785 tỷ m ³ /năm	Đến năm 2036

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan của Tổng công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (công ty mẹ của Tổng Công ty) và các công ty con, các công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn.

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.293.514.327.798	13.404.511.512.583
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	8.735.146.831.584	6.750.598.490.575
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.867.630.736.310	2.937.951.594.293
Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	2.848.845.448.631	2.081.651.063.389
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	830.235.527.717	661.696.854.775
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	377.719.055.725	371.215.732.112
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	255.896.296.107	-
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	220.435.194.074	532.758.917.446
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	113.649.846.968	54.718.675.212
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	43.955.390.682	13.920.184.781
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	20.384.092.681.901	19.975.165.231.687
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	13.796.264.721.682	13.339.430.343.311
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.777.342.198.433	3.133.309.859.468
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	776.547.657.245	1.048.742.351.337
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	754.788.476.880	727.544.887.849
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	658.921.510.721	545.414.825.231
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	373.139.778.779	1.040.059.998.377
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	103.210.295.603	12.759.816.169
Công ty Cổ phần PVI	73.503.004.315	78.570.772.301
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	37.737.219.314	37.752.765.224
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	32.637.818.929	11.579.612.420

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	1.367.432.767.399	707.148.637.513
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	639.274.563.146	488.191.304
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	309.810.080.209	286.067.009.451
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	234.392.662.645	-
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	91.134.223.229	98.957.008.091
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	46.789.648.142	47.089.648.142
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	21.172.552.973	239.052.687.504
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	17.317.335.152	22.428.729.618
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.483.793.351	11.483.793.351
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.057.908.552	1.581.570.052
Phải thu khác	1.711.946.602.817	1.054.778.655.317
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.619.135.765.194	902.512.119.748
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	54.870.608.031	54.929.934.211
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18.304.617.151	7.113.569.539
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	19.635.612.441	45.809.460.754
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - CTCP	-	44.413.571.065

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải trả người bán	934.860.763.797	1.073.332.238.217
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	464.717.487.091	608.550.054.778
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	172.169.591.633	228.292.614.176
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	108.093.930.612	81.247.895.225
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	92.293.519.979	65.206.511.626
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	53.578.179.255	46.611.648.573
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	44.008.055.227	43.423.513.839
Chi phí phải trả	1.735.569.795.487	2.121.470.574.473
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.615.668.535.365	1.838.985.242.965
Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	37.561.841.320	102.815.962.966
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	82.339.418.802	179.669.368.542
Phải trả khác	177.147.508.909	381.213.921.024
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	155.078.782.366	173.062.220.157
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	22.068.726.543	208.151.700.867
Trả trước cho người bán ngắn hạn	22.402.719.994	55.120.575.337
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	13.310.399.729	47.185.258.267
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	9.092.320.265	7.935.317.070
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn	365.891.129.773	404.281.259.945
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	365.891.129.773	404.281.259.945
Các khoản vay	126.193.511.489	189.290.267.234
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	126.193.511.489	189.290.267.234

41. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty có các khoản cam kết bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán toàn bộ gốc vay, lãi vay, lãi quá hạn và các chi phí khác phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng của PV Pipe ký với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng. Số dư nợ gốc và lãi vay PV Pipe phải trả 02 ngân hàng nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là khoảng 144,6 tỷ đồng và 3,1 tỷ đồng, trong đó số nợ gốc đến hạn trả là khoảng 84,6 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là khoảng 213,5 tỷ đồng và 4,4 tỷ đồng, trong đó số nợ gốc đến hạn trả là khoảng 91,7 tỷ đồng).

Tính đến 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và thanh toán gốc vay và lãi vay cho các ngân hàng với số tiền khoảng 373,5 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 260 tỷ đồng).

Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu

Trần Thị Hoàng Anh
 Phó Ban Kế toán
 phụ trách công tác kế toán

Dương Mạnh Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 03 năm 2019



**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Toà nhà PV GAS
673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển,
Huyện Nhà Bè, TPHCM

T: (028) 3 7816 777

F: (028) 3 7815 666

www.pvgas.com.vn